

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM



IP VIETNAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ
2021
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES
ANNUAL REPORT



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập: Lê Thanh Hà

Biên tập: Chu Quang Khánh

Bìa & Trình bày: Vương Toàn Hoàng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2021

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: 024 62631704

Website: nxbthanhvien.vn; Email: info@nxbthanhvien.vn

Chi nhánh: 145 Pasteur, P.6, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39106963.

In 300 cuốn, khổ 21 x 29,5 cm, tại CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG BẢO CHÂU.
Số xác nhận XB: 2617-2022/CXBIPH/5-85/TN, theo QĐXB số 1748/QĐ-NXBTN.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2021

INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT



Lời nói đầu

Năm 2021, đại dịch COVID đã ảnh hưởng sâu rộng tới mọi hoạt động kinh tế xã hội trên toàn thế giới. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, khi mức tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 2,58%, thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Trong bối cảnh khó khăn ấy, tinh thần phát huy sáng tạo, nỗ lực để ra các giải pháp vượt khó đã giúp Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) giảm thiểu tác động của đại dịch với công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực SHTT và đạt được những kết quả đáng khích lệ trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, qua đó đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước.

Các nỗ lực ấy thể hiện rõ nét trong công tác xây dựng chính sách, pháp luật về SHTT, mang lại những kết quả thuyết phục. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT đã được Quốc hội Khóa XV cho ý kiến tại Kỳ họp tháng 10/2021 để hoàn thiện và trình Quốc hội để xem xét, thông qua vào Kỳ họp tháng 5/2022. Các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 tiếp tục được tăng cường, tập trung triển khai theo quy định.

Các hoạt động hội nhập và hợp tác quốc tế về SHTT năm 2021 của Cục SHTT vẫn được triển khai một cách chủ động và tích cực, tiêu biểu là việc gia nhập thành công Hiệp ước Budapest về công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh trong đăng ký sáng chế, đảm bảo thành công nội dung SHTT trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia. Lần đầu tiên Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc và Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt đã có chuyến thăm và làm việc tại WIPO trong khuôn khổ chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước tại Thụy Sĩ nhằm trao đổi và thống nhất định hướng hợp tác của Việt Nam với WIPO trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ Chủ tịch AWGIPC nhiệm kỳ 2019-2021 và chuyển giao cho Philippines vào tháng 5/2021.

Trong bối cảnh dịch bệnh ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế, Cục SHTT vẫn củng cố và khuyến khích các hoạt động bảo hộ tài sản trí tuệ của các chủ thể quyền, qua đó góp phần bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh tại Việt Nam. Theo số liệu thống kê, Cục SHTT đã tiếp nhận được 75.410 đơn đăng ký xác lập quyền ở hữu công nghiệp (SHCN); xử lý được 74.559 đơn đăng ký xác lập quyền SHCN (tăng 3,8% so với năm 2020; bằng 98,9% lượng đơn nhận được) và cấp 39.056 văn bằng bảo hộ SHCN các loại. Kết quả này tiếp tục đánh dấu một bước

tiến quan trọng trong nỗ lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở Việt Nam, tạo đà cho những phát triển trong tương lai.

Công tác phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được Cục SHTT đặc biệt quan tâm, thúc đẩy. Năm 2021, Cục SHTT đã cấp 12 Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm của Việt Nam. Lần đầu tiên, 02 sản phẩm của Việt Nam được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản, đó là vải thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận. Cũng trong năm 2021, biểu trưng chỉ dẫn địa lý quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, trở thành công cụ quản lý, kiểm soát và là dấu hiệu nhận diện cho người tiêu dùng, công cụ quảng bá sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Bước sang năm 2022, đây không chỉ là năm bản lề thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 mà còn là năm kỷ niệm chặng đường 40 năm thành lập và phát triển của Cục Sở hữu trí tuệ (29/7/1982-29/7/2022). Do đó, bên cạnh việc hoàn thành tốt các nhiệm vụ thường xuyên, Cục SHTT sẽ tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật SHTT để trình Quốc hội khóa XV thông qua vào tháng 5/2022; tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động hội nhập và hợp tác quốc tế; hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2021-2015 và tổ chức triển khai Đề án sau khi được phê duyệt; triển khai thành công các dự án công nghệ thông tin và các dự án xây dựng, sửa chữa trụ sở Cục để tăng cường trang thiết bị và cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu công việc của Cục; đẩy mạnh xây dựng Mạng lưới các trung tâm SHTT (IP-Hub) tại các trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; triển khai các dịch vụ SHTT để chuyển hóa quyền SHTT của doanh nghiệp, tổ chức thành tài sản quan trọng, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế.

Việc thực hiện thành công các nhiệm vụ nêu trên đòi hỏi sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể Lãnh đạo, cán bộ, công chức và người lao động của Cục SHTT, phát huy vai trò hạt nhân của Cục trong toàn hệ thống SHTT của Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự phát triển hoạt động khoa học và công nghệ nói riêng và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung./.

ĐINH HỮU PHÍ
Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ



Foreword

In 2021, the COVID-19 pandemic gave widespread effects on all socio-economic activities around the world. Viet Nam was one among the countries that was heavily affected when the economic growth rate was 2.58% - the lowest in the past 30 years. In that context, innovative activities and efforts helped the IP Viet Nam to minimize the effects of the pandemic to the state administration work on intellectual properties and achieve encouraging results in all areas, made a significant contribution to the development of science, technology and socio-economic of the country.

Those significant efforts were well demonstrated in formulating IP policies and laws, giving clear results. The draft Law revising a number of articles of the IP Law was heard at the October 2021's session and are finalizing for hearing and approval at the May 2022's session of the XVth National Assembly. Tasks under the Nation IP Strategy according to Decision no. 1068/QĐ-TTg of the Prime Minister were well implemented as planned.

International integration and cooperation activities on IP in 2021 were implemented actively, with successes of accession to the Budapest Treaty on the International Recognition of the Deposit of Microorganisms for the Purposes of Patent Procedure and negotiations of IP chapters in Free Trade Agreements in which Viet Nam participated. For the first time, President Nguyen Xuan Phuc and Minister of Science and Technology Huynh Thanh Dat paid a working visit to WIPO's Headquarter during his visit to Switzerland to discuss cooperation orientations between Viet Nam and WIPO in the coming time. In addition, in May 2021, Viet Nam successfully completed the AWGIPC's Chairmanship for the 2019-2021 term and transferred the task to the Philippines.

While the pandemic heavily affected the domestic economy, IP Viet Nam still strengthened and encouraged the protection of IP rights of stakeholders, ensuring the fair and healthy investment and business environment in Viet Nam. According to statistics, in 2021, IP Viet Nam received 75,410 applications for establishing industrial property rights; completely handled 74,559 applications (up 3.8% compared to 2020; equal to 98.9% of received applications) and granted 39,056 IP patents and registrations. This result continued to mark an important step forward in efforts to promote innovations and creativities in Viet Nam, creating motivation for future developments.

IP asset development activities continued to receive special attention and promotion by IP Viet Nam. In 2021, IP Viet Nam granted 12 Geographical Indication Registrations for Vietnamese products. For the first time, geographical indications (GI) of two Vietnamese products were protected in Japan, namely Luc Ngan lychees and Binh Thuan dragon fruits. Also in 2021, the National GI Logo was approved by the Minister of Science and Technology, becoming an effective control and management tool and an identification sign for consumers, as well as a helpful instrument for promoting Vietnamese GI-protected products.

Going through 2022, this is not only a pivotal year to realize the goals of the Socio-Economic Development Plan for 2021-2025, but also the year of 40th Anniversary of the Intellectual Property Office of Viet Nam (July 29, 1982 - July 29, 2022). In addition to successfully completing regular tasks, the IP Viet Nam focuses on implementing a number of key tasks including: Continue to complete the draft Law revising the IP Law to submit to the National Assembly for approval in June 2022; implement effectively the National IP Strategy and the National Program on IP Asset Development to 2030; actively participate in international integration and cooperation of IP activities; complete and submit to the Minister of Science and Technology for approval the project of organizational structure consolidation of IP Viet Nam for the period 2021-2015 and its following implementation; successfully implemented IT modernization projects and building and repair projects to improve equipments and facilities of the Office; promote the development of IP hubs at universities, research institutes and enterprises; speed up the reform of administrative procedures; deploy IP services to transform IP rights of enterprises and organizations into valuable assets, contributing to the development of the economy.

The successful implementation of the above tasks requires the solidarity and collective efforts of the IP Viet Nam's leaders and employees, promoting its central role in the entire IP system of Viet Nam, contributing to promoting the development of science and technology activities in particular and serving the cause of socio-economic development of the country in general./

ĐINH HỮU PHÍ
Director General



MỤC LỤC / CONTENTS

TRANG

LỜI NÓI ĐẦU FOREWORD	4
CÔNG TÁC PHÁP CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION AND POLICIES	7
HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTERNATIONAL COOPERATION ON INTELLECTUAL PROPERTY	15
CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP REGISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	21
• CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ / GIẢI PHÁP HỮU ÍCH HANDLING OF APPLICATIONS FOR PATENT/UTILITY SOLUTION	24
• CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP HANDLING OF APPLICATIONS FOR INDUSTRIAL DESIGNS	26
• CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HANDLING OF APPLICATIONS FOR TRADEMARKS	28
• TÌNH HÌNH BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ PROTECTION OF GEOGRAPHICAL INDICATIONS	31
ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY TRAINING AND PUBLIC AWARENESS	34
BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ASSURANCE OF INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION	38
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ SUPPORTS FOR INTELLECTUAL PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT	41
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP APPEAL SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	46
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY REPRESENTATION ACTIVITIES	48

PHỤ LỤC THỐNG KÊ / STATISTICS

1. SÁNG CHẾ PATENT	52
2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH UTILITY SOLUTION	54
3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP INDUSTRIAL DESIGN	90
4. NHÃN HIỆU TRADEMARK	92
5. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ GEOGRAPHICAL INDICATION	98
6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	99
7. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS	103



CÔNG TÁC PHÁP CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

LEGISLATION AND POLICIES
ON INTELLECTUAL PROPERTY

Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.



Việt Nam không còn thuần túy là nước “sử dụng” mà đang chuyển mạnh thành nước “tạo ra” tài sản trí tuệ phục vụ mô hình tăng trưởng theo chiều sâu và đòi hỏi phải có hành lang pháp lý phù hợp. Do đó, trong năm 2021, sửa đổi Luật SHTT là một trọng tâm trong công tác pháp chế chính sách của Cục Sở hữu trí tuệ.

1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, lần đầu tiên Văn kiện Đại hội Đảng xác định “khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo” là một trong các đột phá chiến lược để xây dựng và phát triển đất nước. Để góp phần đạt được mục tiêu trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao đến năm 2030, một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ này là phải “hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ SHTT”. Định hướng này cho thấy khoa học - công nghệ nói chung và SHTT nói riêng ngày càng được Đảng và Nhà nước chú trọng, khuyến khích phát triển.

Để đáp ứng định hướng đó, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về SHTT tiếp tục được Cục SHTT xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về SHTT. Trong năm 2021, những kết quả nổi bật về xây dựng chính sách,

pháp luật bao gồm việc hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV; đẩy mạnh triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030; tham gia xây dựng, góp ý và hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan đến SHTT.

Trình Quốc hội cho ý kiến về Hồ sơ dự án Luật SHTT

Tiếp tục hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật đã được xây dựng từ năm 2020, Cục Sở hữu trí tuệ đã chủ trì, phối hợp với các bên liên quan triển khai nhiều hoạt động theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm:

(i) Tổ chức lấy ý kiến về dự án Luật (từ tháng 01 đến tháng 3/2021)

Cục SHTT đã tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan bằng văn bản và thông qua các cổng thông tin



Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trình bày Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV (nguồn: Cổng thông tin điện tử Văn phòng Quốc hội).

Minister of Science and Technology Huynh Thanh Dat, authorized by the Prime Minister, presented a report on the Draft IP Law at the second session of the 15th National Assembly (source: Web portal of the Office of the National Assembly).

1. Formulation and improvement of national legislation and policies

At the 13th National Party Congress, for the first time, the Document of the Party Congress identified “science, technology and innovation” as one of the strategic breakthroughs for the country development and construction. In order to become a developing country with a modern industry, high middle income by 2030, one of the key tasks in this term is to “improve the legal system, especially in intellectual property protection”. This orientation shows that science - technology in general and IP in particular are increasingly paid much attention and encouraged by the Party and State.

To follow that orientation, the IP Vietnam has continuously identified formulation and improvement of IP legislation and policies as one of the key tasks in the state management of IP. In 2021 there have been significant results in the formulation and improvement of IP legislation and policies, including: (i) completing the Revised IP Law Dossier to submit to the National Assembly at the second session of the 15th National Assembly; (ii) accelerating the implementation of the National Strategy on Intellectual Property (NSIP) to 2030; (iii) giving feedbacks and guiding the implementation of legal documents related to IP.

Submitting the IP Law Dossier to the National Assembly

The IP Vietnam has presided over and coordinated with related agencies to carry out many activities complying with the provisions of the Law on Promulgation of Legal Documents in order to improve the Revised IP Law Dossier that has been prepared since 2020, including:

(i) Collecting opinions on the Draft IP Law (from January to March 2021)

IP Vietnam collected opinions in written documents from relevant agencies and organizations through websites, workshops/seminars etc.. All written opinions from 101 agencies and organizations as well as opinions from 49 agencies and organizations at the seminars/workshops were collected, processed, explained or accepted, and demonstrated in the Revised IP Law Dossier sent to the Ministry of Justice for appraisal.

(ii) Submitting the Revised IP Law Dossier to the Government (June 2021)

After receiving appraisals from the Ministry of Justice, IP Vietnam continued to improve the Draft IP Law and

submitted to the Government for approval (June 2021). On July 1, 2021, the Government issued the Resolution No. 66/NQ-CP, assigning the Ministry of Science and Technology (MOST) to preside and coordinate with other ministries and related agencies in revising and absorbing feedbacks from the Government Members before submitting to the National Assembly in the second session of 15th National Assembly.

(iii) Submitting the Revised IP Law Dossier to the National Assembly Standing Committee (August 2021)

Authorized by the Prime Minister, on behalf of the Government, MOST signed the Government's Proposal of the Revised IP Law Dossier and submitted it to the National Assembly's Law Committee for preliminary examination and the Standing Committee of the National Assembly for feedbacks. After receiving feedbacks from the National Assembly Standing Committee and the Law Committee, IP Vietnam continued to coordinate with relevant agencies to revise the DIP Law Dossier before officially submitting to the National Assembly.

(iv) Submitting the Revised IP Law Dossier to the National Assembly (September 2021)

Authorized by the Prime Minister, on behalf of the Government, the Minister of Science and Technology signed the Government's Proposal of the Revised IP Law Dossier and submitted it to the National Assembly on September 28, 2021. MOST also attended and briefly presented the Revised IP Law Dossier at the 2nd plenary session of the National Assembly's Law Committee On September 29, 2021.

At the second session of the 15th National Assembly (October 2021), the Minister of Science and Technology presented to the National Assembly a brief report on the Draft IP Law; listened and responded to the comments from the National Assembly Members at the online discussion session. Following the feedbacks of the National Assembly Members discussed at the Group, MOST later submitted the proposed explanation report to the National Assembly.

(v) Receiving and responding to the feedbacks of National Assembly Members on the Revised IP Law Dossier (from October 2021)

After the second session of the 15th National Assembly, IP Vietnam continued to coordinate with the relevant agencies to absorb, revise the Draft IP Law, and finalize the report on explanations and comments of the National Assembly Members to submit to the National Assembly

điện tử, các hội thảo tham vấn quốc gia. Toàn bộ ý kiến bằng văn bản từ 101 cơ quan, tổ chức và ý kiến của đại diện từ 49 cơ quan, tổ chức tại các hội thảo đã được tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu đầy đủ và thể hiện trong Hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp để thẩm định.

(ii) Trình Chính phủ về Hồ sơ dự án Luật (tháng 6/2021)

Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Cục SHTT đã nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định và trình Chính phủ phê duyệt Hồ sơ dự án Luật (6/2021). Ngày 01/7/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 6/2021, theo đó giao Bộ KH&CN chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chính lý, tiếp thu ý kiến của các Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự án Luật để trình Quốc hội vào Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XV.

(iii) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Hồ sơ dự án Luật (tháng 8/2021)

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&CN thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ về dự án Luật trình Ủy ban Pháp luật của Quốc hội thẩm tra sơ bộ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến. Cục SHTT đã phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Ủy ban Pháp luật để chính thức trình Quốc hội.

(iv) Trình Quốc hội về Hồ sơ Dự án Luật (tháng 9/2021)

Ngày 28/9/2021, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong Hồ sơ dự án Luật để trình Quốc hội. Ngày 29/9/2021, Bộ KH&CN đã tham dự và trình bày tóm tắt dự án Luật tại phiên họp toàn thể lần thứ 2 để thẩm tra dự án Luật của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

Tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV (tháng 10/2021), Bộ trưởng Bộ KH&CN đã trình bày trước Quốc hội báo cáo tóm tắt về dự án Luật; nghe và giải trình ý kiến của các đại biểu Quốc hội tại phiên thảo luận trực tuyến tại Hội trường. Bộ KH&CN đã có báo cáo gửi Quốc hội về dự kiến tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội tại Tổ về dự án Luật.

(v) Tiếp thu, giải trình ý kiến của đại biểu Quốc hội đối với dự án Luật (từ tháng 10/2021)

Sau kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV, Cục SHTT tiếp tục phối hợp với cơ quan thẩm tra và các cơ quan liên quan nghiên cứu để tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật và hoàn thiện Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội, chuẩn bị trình Quốc hội tại kỳ họp thứ ba khóa XV vào năm 2022.

Triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030

Tiếp nối những kết quả bước đầu mang tính bản lề trong năm 2020 – năm đầu tiên triển khai Chiến lược SHTT, trong năm 2021, Cục SHTT đã tích cực hỗ trợ để nhiều địa phương ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030. Bên cạnh đó, nhằm huy động sự hỗ trợ chuyên môn và nguồn lực quốc tế, Cục SHTT đã tổ chức họp trực tuyến cấp kỹ thuật với chuyên gia WIPO để trao đổi về Kế hoạch hợp tác triển khai Chiến lược SHTT của Việt Nam.

Xây dựng, góp ý và hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan

Cục SHTT thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến SHTT do các cơ quan khác chủ trì soạn thảo. Năm 2021, Cục đã góp ý 35 văn bản pháp luật, bao gồm: 06 Hồ sơ luật (Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Phát triển công nghiệp, Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Hợp tác xã (sửa đổi), Luật Dầu khí (sửa đổi), Luật Dân số, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự); 01 Nghị quyết của UBND tỉnh về giải thích một số điều của Bộ luật Hình sự 2015; 09 Nghị định; 06 Thông tư; 13 văn bản pháp luật khác trong đó nhiều văn bản có nội dung về/liên quan đến lĩnh vực SHTT.

Nhằm bảo đảm thi hành đúng quy định của các văn bản pháp luật về SHTT, Cục SHTT đã giải thích và đề xuất thống nhất cách hiểu và áp dụng quy định pháp luật trong nhiều vụ việc cụ thể, ví dụ: về việc sử dụng hình ảnh mô phỏng bản đồ Việt Nam trên mẫu nhãn hiệu, về ban hành các quy trình quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý chuỗi Ngự Đại Hoàng, về xuất khẩu hàng hóa có tranh chấp về quyền SHTT, về quyền tạm thời với kiểu dáng công nghiệp, v.v..

Bên cạnh đó, Cục SHTT đã ban hành các Quy định, Thông báo hướng dẫn áp dụng pháp luật về SHTT: Quy định về lập, luân chuyển, lưu trữ, quản lý, sử dụng biên lai điện tử thu phí, lệ phí SHCN; Thông báo về sửa đổi một số quy tắc của Quy chế thi hành Nghị định thư liên quan đến Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu; Thông báo về một số nội dung liên quan đến tư cách pháp lý của người ký các tài liệu với danh nghĩa là đại diện của chủ đơn; Thông báo về áp dụng quy định của pháp luật về thời hạn đối với người nộp đơn bị ảnh hưởng do dịch bệnh COVID-19; Thông báo về thống nhất áp dụng một số quy định về sửa đổi, bổ sung đơn và tình tiết mới trong thủ tục xác lập quyền đối với nhãn hiệu, về việc xử lý các đơn đăng ký nhãn hiệu chứng nhận Fontina, Gorgonzola và chỉ dẫn địa lý Tequila, v.v..

2. Xây dựng chính sách, pháp luật quốc tế

Năm 2021, công tác pháp chế và chính sách quốc tế của Cục SHTT được triển khai đa dạng ở nhiều nhóm nội dung

at the third session of the 15th National Assembly, expected in June 2022.

Implementing IP Strategy to 2030

Following the initial results in 2020 - the first year of implementing the NSIP, in 2021, IPVietnam has actively supported many localities to issue Implementation Plans of the NSIP. Besides, in order to mobilize professional support and international resources, IPVietnam held a technical online meeting with WIPO experts to discuss the cooperation plan to implement NSIP.

Formulating, commenting and guiding the implementation of relevant legal documents

IP Vietnam regularly gives feedbacks on IP content in legal documents drafted by other agencies. In 2021, IPVietnam has commented on 35 legal documents, including: 06 laws (the Law on Insurance Business (amended), the Proposal Dossier of the Law on Industrial Development, the Proposal Dossier of the Law on Cooperatives (amended), Petroleum Law (amended), Population Law, Law amending and supplementing a number of articles of the Criminal Procedure Code); 01 Resolution of the Standing Committee of the National Assembly on the interpretation of a number of articles of the Criminal Code 2015; 09 decrees; 06 circulars; 13 other legal documents which have content on/related to IP.

In order to ensure the appropriate implementation of the IP law and regulations, IPVietnam has explained and proposed to codify the interpretation and implementation of IP legal provisions in many specific cases, including: the use of a simulation map of Vietnam on a trademark; the promulgation of procedures for management and use of the geographical indication of Dai Hoang banana; the export of goods in dispute over IP rights; the temporary rights of industrial designs, etc.

In addition, IPVietnam issued a number of regulations and notices guiding the implementation of IP laws, including: Regulations on making, circulating, archiving, managing and using electronic receipts for collection of industrial property fees and charges; Notice of amendments to a number of rules of the Regulation on Implementation of the Protocol relating to the Madrid Agreement on the international registration of marks; Notice related to the legal status of the person signing the documents as the representative of the applicant; Notice on grace period for applicants affected by the Covid-19 epidemic; Notice on rules for amendments and supplements to applications in the procedure for trademark registration; Notice on the handling of applications for trademark registration of Fontina, Gorgonzola certification and Tequila geographical indication, etc.

2. International policy and legal frameworks

In 2021, IP Vietnam's international policies and legal frameworks were carried out in diverse activities and has achieved remarkable results, including the accession to the Budapest Treaty; active participation in the second Session of Vietnam's Trade Policy Review at the WTO; negotiating IP contents in a number of free trade agreements and proposed reference documents/frameworks; ensuring the implementation of international treaties on/related to IP.

Regarding the accession to the Budapest Treaty on the International Recognition of the Deposit of Microorganisms for the Purposes of Patent Procedure: based on the accession dossier prepared by IPVietnam (MOST), the Government issued Resolution No. 10/NQ-CP on January 29, 2021 on accessing the Budapest Treaty; accordingly, Vietnam officially became a member of the Budapest Treaty on March 1, 2021 and the effective date was on June 1, 2021.

Pertaining to Vietnam's participation in the Second Trade Policy Review at the WTO: provided information on changes to trade measures between mid-October 2020 and mid-May 2021 for the preparation of periodic reports of the WTO; improved the IP section in the National Report on Trade Policy; answered questions from WTO members and participated in the session of Vietnam's Trade Policy Review for the period 2014 - 2019.

Phiên Rà soát chính sách thương mại lần thứ hai của Việt Nam tại WTO (nguồn: VOV1). Second session of Vietnam's Trade Policy Review at the WTO (source: VOV1)

Concerning the Free Trade Agreement between Vietnam - the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland (UKVFTA Agreement): commented on the Dossier to submit to the Government for the approval of the Agreement; gave feedbacks on the draft Implementation Plan of the Agreement; commented on the removal of references to Great Britain in the Agreement; commented on the UK Designation Requests List; commented on the draft Decision of the Prime Minister appointing focal agencies to implement the UKVFTA Agreement.

With regard to the Free Trade Agreement between Vietnam and the European Free Trade Association (EFTA): Reviewed and commented on the summary of the negotiation situation of Chapters in the Free Trade Agreement between Vietnam and the EFTA (VN-EFTA FTA); participated in the technical meeting of the IP Working Group.

As for the Free Trade Agreement between Vietnam and Israel (VIFTA Agreement): Commented on the market



và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, bao gồm việc gia nhập Hiệp ước Budapest; tham gia tích cực vào Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ hai của Việt Nam tại WTO; đàm phán nội dung về SHTT trong một số hiệp định thương mại tự do và tài liệu tham chiếu/khung hiệp định dự kiến; bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về/ liên quan đến SHTT.

Đối với việc gia nhập Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế: căn cứ vào hồ sơ gia nhập Hiệp ước của Bộ KH&CN do Cục SHTT chủ trì soạn thảo, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 29/01/2021 về việc gia nhập Hiệp ước Budapest và ngày 01/3/2021, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Hiệp ước Budapest. Hiệp ước có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 01/6/2021.

Đối với việc tham gia Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ hai của Việt Nam tại WTO: cung cấp thông tin về sự thay đổi đối với các biện pháp thương mại trong khoảng thời gian từ giữa tháng 10/2020 đến giữa tháng 5/2021 phục vụ việc xây dựng báo cáo định kỳ của WTO; hoàn thiện nội dung phần sở hữu trí tuệ trong Báo cáo quốc gia về chính sách thương mại; trả lời câu hỏi của các nước thành viên WTO và tham gia Phiên rà soát chính sách thương mại cho giai đoạn 2014 – 2019 của Việt Nam.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (Hiệp định UKVFTA): nêu ý kiến đối với Hồ sơ trình Chính phủ về việc phê duyệt Hiệp định; về dự thảo Kế hoạch thực hiện Hiệp định; về việc xóa bỏ các tham chiếu tới Vương quốc Anh trong Hiệp định; về Danh sách Thông tin yêu cầu chỉ định đối với Vương quốc Anh; góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ chỉ định các cơ quan đầu mối để triển khai thực hiện Hiệp định UKVFTA.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam - Hiệp hội Mậu dịch tự do (Hiệp định EFTA): Rà soát, góp ý bảng tổng kết tình hình đàm phán các Chương trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và khối EFTA (FTA VN - EFTA); tham gia cuộc họp cấp kỹ thuật nhóm Sở hữu trí tuệ với phía EFTA.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Israel (Hiệp định VIFTA): Góp ý bản yêu cầu mở cửa thị trường đối với bản thảo Danh mục bảo lưu các biện pháp không tương thích trong đàm phán.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – Liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA): Tổ chức cuộc họp trực tuyến với Nhóm làm việc về SHTT, bao gồm chỉ dẫn địa lý trong khuôn khổ triển khai Hiệp định EVFTA; tham gia phiên họp kỹ thuật lần thứ năm với Liên minh châu Âu về triển khai Hiệp định; trả lời câu hỏi của Thành viên WTO về Hiệp định EVFTA chuẩn bị cho Phiên họp Ủy ban các Hiệp định thương mại khu vực của WTO.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam – Liên minh kinh tế Á Âu (Hiệp định VN - EAEU): Cung cấp thông tin đầu mối triển khai Hiệp định và cập nhật danh sách chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho phía EAEU;

Đối với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP): Góp ý dự thảo Báo cáo thực tế về Hiệp định CPTPP chuẩn bị cho Phiên họp Ủy ban các Hiệp định thương mại khu vực của WTO; góp ý đối với tài liệu phản hồi của Vương quốc Anh và tham gia đàm phán gia nhập Hiệp định CPTPP đối với Vương quốc Anh.

Đối với các Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN và các đối tác: Nêu ý kiến đối với đề xuất của Ban Thư ký ASEAN về định hướng nâng cấp các Hiệp định ASEAN+; góp ý Tài liệu định hướng chuẩn bị rà soát nâng cấp Hiệp định ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA); trả lời các câu hỏi về khả năng cho phép Chi-lê gia nhập Hiệp định Thương mại tự do ASEAN – Australia - Niu Di-lân (AANZFTA); góp ý nội dung về bảo hộ nguồn gen, tri thức truyền thống và hình thức biểu đạt văn hóa dân gian trong dự thảo khung Hiệp định Thương mại đầu tư dự kiến giữa ASEAN – EU; nêu ý kiến về dự thảo Tài liệu tham chiếu của Hiệp định Thương mại tự do dự kiến giữa ASEAN – Canada.

Ngoài ra, Cục SHTT thường xuyên thực hiện các hoạt động bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về SHTT, bao gồm việc cung cấp thông tin về hoạt động bảo hộ và thực thi quyền SHTT của Việt Nam trong năm 2021 theo yêu cầu của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội (Báo cáo 301); rà soát, đánh giá nghĩa vụ thực hiện lộ trình cam kết tại các Hiệp định Thương mại tự do của Việt Nam; rà soát các văn bản pháp luật và dự thảo Kế hoạch thực hiện Hiệp định RCEP; rà soát, góp ý Dự thảo Khuyến nghị và ý kiến của Việt Nam để gửi cho phía Liên bang Nga trong việc triển khai Hiệp định Việt – Nga về SHTT trong hợp tác kỹ thuật quân sự, rà soát tình hình hợp tác chuẩn bị cho Phiên họp lần IV Hội đồng Thương mại tự do Việt Nam – Chile, v.v..



Phiên Rà soát chính sách thương mại lần thứ hai của Việt Nam tại WTO (nguồn: VOV1).

Second session of Vietnam's Trade Policy Review at the WTO (source: VOV1)

opening request on the draft Non-Conforming Measures of the agreement.

With respect to the Free Trade Agreement between Vietnam and the European Union (EVFTA): Organized an online meeting with the IP Working Group within the framework of the implementation of the EVFTA Agreement; participated in the fifth technical session with the European Union on the implementation of the Agreement; answered questions from WTO Members about the EVFTA Agreement in preparation for the WTO Regional Trade Agreements Committee Meeting.

As regards the Free Trade Agreement between Vietnam and the Eurasian Economic Union (VN-EAEU Agreement): Provided focal information for the implementation of the VN-EAEU Agreement and updated the list of protected geographical indications for the EAEU;

With reference to the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP): Commented on the draft factual report on the CPTPP in preparation for the WTO Regional Trade Agreements Committee Meeting; commented on the UK response document and participated in the UK's negotiation to join the CPTPP.

Regarding the free trade agreements between ASEAN and its partners: Provided opinions on the proposal of the ASEAN Secretariat on orientations to upgrade the ASEAN+ Agreements; commented on Orientation Documents preparing to review and upgrade the ASEAN-Korea Agreement (AKFTA); answered questions about the possibility of allowing Chile to join the ASEAN - Australia - New Zealand Free Trade Agreement (AANZFTA); commented on the protection of genetic resources, traditional knowledge and forms of folklore expression in the draft framework of the proposed Trade and Investment Agreement between ASEAN and the EU; commented on the draft Reference Document of the proposed Free Trade Agreement between ASEAN - Canada.

In addition, IPVietnam regularly performs activities to ensure the implementation of international IP treaties, including: providing information on the IP protection and enforcement in 2021 at the request of the US Embassy in Hanoi (Special Report 301); reviewing and evaluating Vietnam's obligations to implement the roadmap of commitments in the Free Trade Agreements; reviewing legal documents and draft RCEP Implementation Plan; reviewing the cooperation situation in preparation for The fourth meeting of the Vietnam - Chile Free Trade Council, etc.



HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTERNATIONAL COOPERATION
ON INTELLECTUAL PROPERTY



Ông Đinh Hữu Phú, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam phát biểu tại Lễ chuyển giao vị trí Chủ tịch Nhóm AWGIPC cho Philippines.

Mr. Dinh Huu Phi, Director General of the IP Viet Nam delivered a speech at the Handover Ceremony for the Chairmanship of the AWGIPC to the Philippines.



Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt và đoàn cán bộ cấp cao Việt Nam thăm Trụ sở WIPO (Nguồn: most.gov.vn).

President Nguyen Xuan Phuc, Minister of Science and Technology Huynh Thanh Dat and a high-ranking Vietnamese delegation visited the WIPO Headquarters in Geneva, Switzerland (Source: most.gov.vn).

Một trong những khó khăn lớn nhất đó là đại dịch đã ngăn trở các hoạt động giao thương và gặp gỡ trực tiếp. Từ kinh nghiệm của năm 2020, Cục SHTT đã nhanh chóng thích nghi và tổ chức các cuộc họp trực tuyến thay thế ở cả cấp cao và cấp kỹ thuật. Thông qua những cuộc họp này Lãnh đạo Cục SHTT và Lãnh đạo một số cơ quan SHTT các nước như Cơ quan SHTT châu Âu (EUIPO), Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO), Cơ quan SHTT Singapore (IPOS), Cơ quan SHTT Philippines (IPOPhil)... đã chia sẻ các biện pháp mà mỗi cơ quan triển khai để duy trì hoạt động quản lý nhà nước về SHTT cũng như ứng phó với đại dịch COVID-19 trong cung cấp dịch vụ công về SHTT, đồng thời rà soát và xây dựng kế hoạch hợp tác phù hợp với tình hình mới.

Cũng nhờ sự chủ động trong hoạt động đối ngoại trực tuyến, ở quy mô khu vực, Cục SHTT hoàn thành tốt vai trò Chủ tịch Nhóm Công tác về Hợp tác SHTT các nước ASEAN (AWGIPC) nhiệm kỳ 2019-2021 – dù đây là lần đầu tiên Việt Nam đảm nhiệm vai trò này kể từ khi tham gia AWGIPC. Trong nhiệm kỳ này, Việt Nam đã chủ trì và đồng chủ trì thành công tất cả các sự kiện trực tiếp và trực tuyến của AWGIPC, gồm các cuộc họp của AWGIPC: AWGIPC 59 (Solo, Indonesia, tháng 7/2019); AWGIPC 60 (Baguio, Philippines, tháng 11/2019), Cuộc họp đặc biệt của AWGIPC (tháng 7/2020); AWGIPC 61 (tháng 9/2020); AWGIPC 62 (tháng 11/2020) và AWGIPC 63 (tháng 3/2021), cùng gần 40 cuộc họp trực tuyến khác.

Ở quy mô quốc tế, Cục SHTT cũng đã tích cực tham dự đầy đủ các phiên họp của các Cơ quan điều hành, Ủy ban chuyên môn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) theo hình thức trực tuyến như Đại hội đồng WIPO, Ủy ban Chương trình và Ngân sách, Ủy ban Phát triển và Sở hữu trí tuệ.v.v. Đáng chú ý, Cục SHTT đã hoàn tất thủ tục gia nhập Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế (Hiệp ước Budapest bắt đầu có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01/6/2021) cũng như phối hợp với WIPO triển khai nhiều hoạt động hợp tác kỹ thuật khác.

Bên cạnh những phiên họp chung, Cục SHTT đồng thời cũng tích cực phối hợp chặt chẽ với các

One of the biggest difficulties is that the pandemic has prevented trade and face-to-face meetings. Thanks to experiences of the previous year, in 2021 the IP Viet Nam quickly adapted and organized alternative online meetings at both the high and technical levels. Via these meetings, Leaders of IP Viet Nam and Leaders of some countries' IP agencies such as European Intellectual Property Office (EUIPO), Japan Patent Office (JPO), Intellectual Property Office of Singapore (IPOS), the Intellectual Property Office of the Philippines (IPOPhil), etc. shared insights for measures to maintain the State's management of intellectual property as well as responding to the COVID-19 pandemic in providing IP public services; reviewed and developed cooperation plans appropriate to the new situation.

With the initiative in online external activities, on a regional scale, the IP Viet Nam has well fulfilled the Chairperson role of the ASEAN Working Group on Intellectual Property Cooperation (AWGIPC) for the term of 2019 - 2021 (this is the first time Viet Nam has taken on this role since joining AWGIPC). During this term, Viet Nam successfully chaired and co-chaired all in person and online AWGIPC meetings, including: AWGIPC 59 (Solo, Indonesia, July 2019); AWGIPC 60 (Baguio, Philippines, November 2019), Special AWGIPC Meeting (July 2020); AWGIPC 61 (September 2020); AWGIPC 62 (November 2020) and AWGIPC 63 (March 2021), and nearly 40 other online related events.

On an international scale, the IP Viet Nam actively attended all online meetings of the Executive Offices and Specialized Committees of the World Intellectual Property Organization (WIPO) such as the WIPO General Assembly, Program and Budget Committee, Committee on Development and Intellectual Property, etc. Remarkably, the IP Viet Nam has completed procedures of accession to the Budapest Treaty on the International Recognition of the Deposit of Microorganisms for the Purposes of Patent Procedure (the Budapest Treaty entered into force with respect to Viet Nam from June 1, 2021) as well as cooperating with WIPO to implement many other technical cooperation activities.

In addition, in 2021, the IP Viet Nam also closely collaborated with foreign counterparts to implement projects approved by relevant authorities according to plan, contributing to the process of completing



Vải thiếu Lục Ngạn. Ảnh: tapchicongthuong.vn
Lục Ngạn lychee. Source: tapchicongthuong.vn



Thanh long Bình Thuận.
Bình Thuận Dragon Fruit

Song song với các hoạt động trực tuyến, cũng trong năm 2021, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã đến thăm và làm việc tại WIPO trong khuôn khổ chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước tại Thụy Sĩ. Chủ tịch nước và Tổng Giám đốc WIPO đã trao đổi và thống nhất định hướng hợp tác của hai bên trong thời gian tới, trong đó chú trọng vào việc triển khai Chiến lược SHTT quốc gia và thi hành Luật SHTT (sửa đổi, bổ sung năm 2022). Cùng tham gia Đoàn công tác, Bộ trưởng Bộ KH&CN Huỳnh Thành Đạt đã có bài phát biểu tại WIPO nhằm khuyến khích thanh niên tham gia hoạt động SHTT và đổi mới sáng tạo, hưởng ứng các sáng kiến do WIPO khởi xướng trên toàn cầu.

đối tác nước ngoài triển khai các dự án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng kế hoạch đề ra, đóng góp vào quá trình hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực tự động hóa quản trị sở hữu công nghiệp của Cục SHTT, như Hệ thống tự động hóa quản trị sở hữu công nghiệp (WIPO IPAS), Dự án Số hóa tài liệu sở hữu công nghiệp (với sự trợ giúp của WIPO), Dự án thí điểm của WIPO về "Hỗ trợ các tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ SHTT cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo định hướng công nghệ của Việt Nam", Dự án Thực thi Hiệp định CPTPP trong lĩnh vực SHTT với Canada; Dự án Nâng cao năng lực xử lý đơn sở hữu công nghiệp tại Cục SHTT với Nhật Bản...

Với mong muốn nâng cao năng lực cho cán bộ của Cục và các cơ quan liên quan, Cục SHTT đã phối hợp với các đối tác nước ngoài như Cơ quan Sáng chế Châu Âu (EPO), Cơ quan SHTT Châu Âu (EUIPO), Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO), Cơ quan SHTT Vương quốc Anh (UKIPO), Cơ quan SHTT Singapore (IPOS),... tổ chức các hội thảo, khóa đào tạo hiệu quả.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân của Việt Nam trong bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và thực thi quyền SHTT ở nước ngoài đòi hỏi vai trò rất lớn của Cục SHTT. Trong năm 2021, Cục đã kết thúc Dự án đăng ký bảo hộ 03 chỉ dẫn địa lý Việt Nam tại Nhật Bản với kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý đã được Bộ Nông, Lâm và Ngư nghiệp Nhật Bản cấp cho vài thiếu Lục Ngạn ngày 12/3/2021 và thanh long Bình Thuận ngày 07/10/2021; hai chỉ dẫn địa lý của Nhật Bản đã được Cục cấp văn bằng bảo hộ là thịt bò lông đen Kagoshima ngày 25/12/2020 và quả hồng khô Ichida ngày 14/6/2021.

Bên cạnh đó, Cục cũng đã phối hợp với Hiệp hội SHTT Hàn Quốc - KIPA hoàn thành thủ tục kết thúc Dự án Thiết kế biểu tượng Chỉ dẫn địa lý



Thịt bò lông đen Kagoshima .
Kagoshima

quốc gia, từ đó tiếp tục theo dõi kết quả KIPA phê duyệt hỗ trợ đối với đề xuất dự án bếp lò đun tạo nước nóng của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai, đồng thời giới thiệu đề xuất dự án mới cho giai đoạn tiếp theo để KIPA xem xét,... Những dự án này góp phần nâng cao thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp của Việt Nam, tạo tiền đề cho các sản phẩm tiếp cận được với thị trường nước ngoài.

Năm 2021 đã đi qua với nhiều khó khăn, thách thức khách quan đối với hoạt động hợp tác quốc tế của Cục SHTT. Mặc dù vậy, Cục SHTT đã nỗ lực, chủ động thích ứng, đưa hoạt động hợp tác quốc tế góp phần vào thành công chung của Cục và hoạt động đối ngoại của đất nước. Hy vọng trong năm 2022, hoạt động hợp tác quốc tế về SHTT sẽ sôi động trở lại, hỗ trợ nâng cao năng lực của Cục SHTT và của cả hệ thống SHTT, từng bước hài hòa hệ thống SHTT Việt Nam với khu vực và thế giới, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

In 2021, in addition to online activities, President Nguyen Xuan Phuc paid a working visit to the WIPO headquarters in Geneva during the President's State mission to Switzerland. During the visit, President Nguyen Xuan Phuc and WIPO Director General Daren Tang discussed and agreed on the bilateral cooperation activities of two sides in the coming time, which should focus on implementation of the Viet Nam's National IP Strategy and the IP Law (to be amended and supplemented in 2022). Taking part in this working visit, Minister of Science and Technology Huynh Thanh Dat had a speech at the WIPO headquarters on encouraging young people to participate in intellectual property and innovative activities responding to global initiatives initiated by WIPO.

the IP system and enhancing the automation of IP administration, such as the Industrial Property Administration System (WIPO IPAS), the Digitization of Industrial Property Dossiers (with the assistance of WIPO), the WIPO's pilot project to support intermediary institutions to provide IP services for technology-oriented Small and Medium-sized Enterprises (SME), the Project on Supporting the Implementation of the Comprehensive and Progressive Trans-Pacific Partnership (CPTPP) sponsored by Canada, and the Project for Strengthening Capacity in Industrial Property Examination of the IP Viet Nam sponsored by Japan, etc.

With the desire to improve capacity of staff of the IP Viet Nam and other related agencies, the IP Viet Nam also collaborated with foreign counterparts, namely the European Patent Office (EPO), the European Intellectual Property Office (EUIPO), the United States Patent and Trademark Office (USPTO), the Intellectual Property Office of United Kingdoms (UK IPO), the Intellectual Property Office of Singapore (IPOS), etc. to effectively organize a series of webinars and online trainings on intellectual property.

In 2021, the IP Viet Nam also played a great role in activities to support individuals and businesses in the protection and enforcement of IP rights abroad. The IP Viet Nam has completed the project on filing applications for registration of three Vietnamese geographical indications in Japan, with the result of that two Geographical Indication Registration Certificates granted by the Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries of Japan for Lục Ngạn lychee and Bình Thuận dragon fruit on March 12, 2021 and on October 07, 2021, respectively. The IP Viet Nam granted protection titles for two Japanese geographical indications, namely Kagoshima black-haired beef (dated December 25, 2020), and Ichida dried persimmons (dated June 14, 2021).

Besides, in 2021, the IP Viet Nam collaborated with the Korean Invention Promotion Association (KIPA) to complete related procedures for closing the Project on



Quả hồng khô Ichida .
Ichida persimmon

Designing Viet Nam's National Geographical Indication Symbol; continued to monitor the results of KIPA's approved supports for the project of Water Heating Stove by the Department of Education and Training of Lao Cai province; and also introduced new project proposals for KIPA's consideration for support in the coming time, ect. These projects had contributed to branding promotion of agricultural and handicraft products of Viet Nam, and paving the way for these products to enter foreign markets.

In conclusion, the year of 2021 was full of many difficulties and challenges that hindered international cooperation activities of the IP Viet Nam. In that context, the IP Viet Nam has made strong efforts, proactively adapted and promoted international cooperation activities to contribute to the overall success of the Office's and the country's foreign affairs. The international cooperation on IP is expected to be vibrant again in 2022, thereby contributing to capacity improvement of the IP Viet Nam and the IP system of Viet Nam as a whole, gradually harmonizing with regional and international IP regimes and supporting to leverage Viet Nam's standing in the international arena.



Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.

CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ADMISSION AND PROSECUTION OF
APPLICATIONS FOR REGISTRATION OF
INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS



Công tác tiếp nhận đơn

Năm 2021, Cục SHTT đã tiếp nhận 131.440 đơn/yêu cầu các loại (tăng 4,6% so với năm 2020), trong đó có:

- 75.410 đơn đăng ký xác lập quyền SHCN (giảm 1,7% so với năm 2020), bao gồm: 9.130 đơn sáng chế/GPHI; 3.595 đơn KDCN; 52.926 đơn nhãn hiệu quốc gia và 9.495 đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu (theo Madrid) có chỉ định Việt Nam; 11 đơn chỉ dẫn địa lý (CDĐL) và 253 đơn đăng ký quốc tế nguồn gốc Việt Nam.

- 56.030 các loại đơn/đối tượng thuộc các yêu cầu khác (tăng 14,4% so với năm 2020), bao gồm: cấp lại/phó bản văn bằng bảo hộ (VBBH): 2061 VBBH; gia hạn hiệu lực VBBH: 12.295 VBBH; sửa đổi VBBH: 7.517 VBBH; duy trì hiệu lực VBBH: 13.726 VBBH; yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: 4.551 VBBH; yêu cầu gia hạn đăng ký quốc tế đăng ký qua Hệ thống Madrid: 4.251 yêu cầu; đơn khiếu nại liên quan đến 1.081 đối tượng; đơn đề nghị chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực VBBH liên quan đến 330 đối tượng; đơn phản đối cấp VBBH liên quan đến 1.918 đối tượng và các loại đơn khác liên quan đến 7.760 đối tượng.

Công tác xử lý đơn

Cục đã xử lý được 121.422 đơn các loại, trong đó có:

- 74.559 đơn đăng ký xác lập quyền SHCN (tăng 3,8% so với năm 2020), bao gồm: 7.625 đơn sáng chế/GPHI; 2.906 đơn kiểu dáng công nghiệp; 54.526 đơn nhãn hiệu quốc gia và 9.243 đơn nhãn hiệu quốc tế đăng ký qua Hệ thống Madrid; 16 đơn chỉ dẫn địa lý và 243 đơn đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam.

- 46.863 đơn/yêu cầu khác (tăng 12,5% so với năm 2020, bao gồm: cấp lại/phó bản VBBH: 2.459 VBBH; gia hạn hiệu lực VBBH: 11.454 VBBH; sửa đổi VBBH: 7.555 VBBH; duy trì hiệu lực VBBH: 12.971 VBBH; yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: 2.700 VBBH; khiếu nại liên quan đến 1.134 đối tượng; đề nghị chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực VBBH liên quan đến 198

đối tượng; sửa đổi, chuyển nhượng, phản đối cấp liên quan đến 5.921 đối tượng và các loại đơn khác liên quan đến 2.471 đối tượng.

Số lượng Văn bằng bảo hộ đã được cấp

Cục SHTT đã cấp VBBH cho 39.056 đối tượng SHCN (giảm 3,3% so với năm 2020), bao gồm: 3.941 Bằng độc quyền sáng chế/GPHI; 2.103 Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, 33.000 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu quốc gia và 12 Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Triển khai hoạt động của Bộ phận Một cửa tại cục SHTT

Tiếp tục triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và nâng cao chất lượng trong giải quyết thủ tục hành chính, Cục SHTT đã chủ trì thực hiện một số hoạt động:

- Xây dựng và hoàn thiện nội dung trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2137/QĐ-BKH-CN ngày 17/8/2021 về việc phê duyệt 23 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc phạm vi thực hiện của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Ban hành Quyết định số 4802/QĐ-SHTT ngày 17/12/2020 về Quy chế tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trực tuyến (thay thế cho Quy chế tiếp nhận đơn trực tuyến ban hành theo Quyết định số 966/QĐ-SHTT ngày 30/3/2017, áp dụng cho đơn trực tuyến mức độ 3 và 4).

- Báo cáo định kỳ, cung cấp dữ liệu cho Phòng kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Bộ cũng như Trung tâm Công nghệ thông tin - Bộ Khoa học và Công nghệ để đưa dữ liệu lên Cổng thông tin quốc gia.

- Tiếp tục triển khai hoạt động Bộ phận tư vấn – hướng dẫn thủ tục đăng ký SHCN (bộ phận IP Help Desk) của cục SHTT. Công bố video hướng dẫn thủ tục đăng ký Nhãn hiệu và Kiểu dáng công nghiệp trên Cổng thông tin của Cục SHTT.

Application receiving

From 01/01/2021 to 31/12/2021, IP Viet Nam received 131,440 applications/ requests of all kinds (an increase of about 4,6% compared to 2020) as below:

- 75,410 applications for registration of industrial property rights (decreased by 1.7% compared to 2020), including: 9,130 applications for inventions/ utility solutions, 3,595 for industrial designs, 52,926 for national trademarks, 9,495 for international trademark applications under the Madrid System designated to Viet Nam, 11 for geographical indications (GI), 253 for international applications originated from Viet Nam.

- 56,030 other requests/ protection titles of other requests (an increase of about 14.4% compared to 2020), including: requests for re-grants/ duplicates of 2,601 protection titles; requests for renewals of 12,295 protection titles; requests for amendments of 7,517 protection titles; requests for maintenance of 13,726 protection titles; requests for assignment of 4,551 protection titles; requests for renewals of international trademark protection titles under the Madrid System designated to Viet Nam: 4,251; requests for complaints: 1,081; requests for termination/ cancellation of protection titles: 330; requests for opposition of granting protection: 1,918; other requests: 7,760.

Processing application

The IP Viet Nam has processed 121,422 applications of all kinds, including:

- 74,559 registration applications for establishment of industrial property rights (increase 3.8% compared to 2020), including: 7,625 applications for invention/ utility solutions; 2,906 for industrial designs; 54,526 national trademark applications and 9,243 international trademark applications were registered through the Madrid System; 16 GI applications and 243 international registration applications originating in Vietnam.

- 46,863 other requests/ protection titles of other requests (an increase of about 12.5% compared to 2020), including: requests for re-grants/ duplicates of 2,459 protection titles; requests for renewals of 11,454 protection titles; requests for amendments of 7,555 protection titles; requests for maintenance of 12,971

protection titles' validity; requests for assignment of 2,700 protection titles; requests for complaints: 1,134; requests for termination/ cancellation of protection titles: 198; requests for application amendments and requests for application transfers and requests for opposition of granting protection: 5,921; other requests: 2,471.

Number of Protection Titles issued

In 2021, IP Viet Nam granted 39,056 IP protection titles (decreased by 3.3% compared to 2020), including: 3,941 invention patents/ utility solution patents, 2,103 industrial designs patents, 33,000 national trademark registrations, 12 geographical indication registrations.

Single-Window System (One-Stop Department) at the Intellectual Property Office Of Vietnam

In order to maintain the operation of the Single-Window System, One-Stop Department and to improve the quality of administrative procedures, IP Viet Nam has carried out a number of activities:

- Preparing for the submission of the Draft Decision No. 2137/QĐ-BKHCN dated August 17, 2021 on the "approval of 23 internal processes for settlement of administrative procedures under the one-stop mechanism implemented by the Ministry of Science and Technology" to the Minister of Science and Technology for promulgation.

- Promulgating Decision No. 4802/QĐ-SHTT dated December 17, 2020 on the Regulation on receiving online industrial property applications (replacing the Regulation on receiving online applications issued under Decision No. 966/QĐ-IPTT dated March 30, 2017, applicable to online applications levels 3 and 4).

- Reporting periodically and providing data for the Administrative Procedure Control Department - Ministry Office as well as the Center for Information Technology - Ministry of Science and Technology to upload on the National Portal.

- Maintaining the operation of Consulting Department such as guiding procedures for IP registration (IP Help Desk); publishing a video guiding procedures for registration of trademarks and industrial designs on the IP Viet Nam Portal.

TÌNH HÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

24

Trong năm thứ hai triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, với mục tiêu “Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm” nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Cục SHTT đã xác định tiếp tục tăng cường công tác thẩm định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn đang đặt ra với quy trình thẩm định đơn sáng chế, Cục SHTT đã tiếp tục tiến hành sửa đổi bổ sung Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định đơn đăng ký sáng chế năm 2010 (ban hành theo Quyết định số 5196/QĐ-SHTT ngày 31/12/2020) để hướng dẫn xác định đối tượng yêu cầu bảo hộ có thuộc đối tượng được Nhà nước bảo hộ với danh nghĩa sáng chế thuộc lĩnh vực kỹ thuật liên quan đến phần mềm máy tính. Trung tâm Thẩm định Sáng chế (Cục SHTT) đã thực hiện một số giải pháp hướng đến việc nâng cao năng lực và trách nhiệm của từng vị trí trong quy trình công việc như tập trung vào việc đổi mới cách thức giao nhiệm vụ, chuẩn hóa từng công đoạn và tối ưu hóa toàn bộ quy trình để nâng cao hiệu quả.

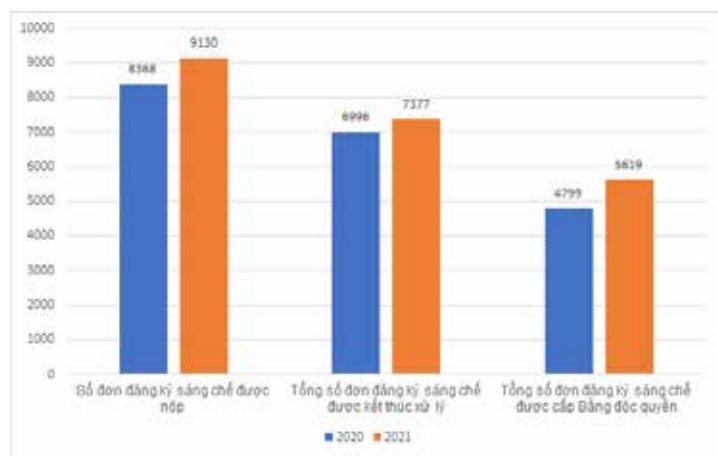
Trong năm 2021, có tổng số 9.130 đơn đăng ký sáng chế được nộp, tăng hơn 9% so với năm 2020 (8.368 đơn). Số lượng đơn đăng ký sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ là 8.847 đơn (tăng khoảng 12,8% so với năm 2020); số lượng đơn đăng ký sáng chế được kết thúc thẩm định nội dung là 7.377 đơn, tăng khoảng 5,4% so với năm 2020 (6.996 đơn). Trong đó Cục SHTT đã cấp Bằng độc quyền cho 3.941 đơn và từ chối cấp Bằng độc quyền 1.758 đơn. Cục ghi nhận 1.065 yêu cầu sửa đổi/chuyển giao đơn đăng ký sáng chế (tăng khoảng 137% so với năm 2020). Nhìn chung, mặc dù năng lực thẩm định đơn đăng ký sáng chế đã được cải thiện đáng kể nhưng số lượng đơn đăng ký sáng chế và số yêu cầu thẩm định nội dung hàng năm liên tục gia tăng nên số lượng đơn chưa xử lý và chưa kết thúc thẩm định cũng vẫn gia tăng.

Năm 2022, Cục SHTT tiếp tục tối ưu hóa quy trình tiếp nhận, xử lý đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đặt kế hoạch vượt 15-20% so với khối lượng tối thiểu. Cục đã triển khai sớm việc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực cho công tác tiếp nhận, xử lý đơn sáng chế với định hướng: rút ngắn thời gian thẩm định, tiến tới đảm bảo thời hạn thẩm định và chất lượng thẩm định, hoàn thiện Quy chế thẩm định đơn, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, cải tiến quy trình thẩm định. Đồng thời, Cục cũng áp dụng



Tọa đàm “Nâng cao chất lượng thẩm định và hoàn thiện Hệ thống quản lý chất lượng thẩm định đơn đăng ký sáng chế”, ngày 17/4/2021 tại Hải Phòng.

Seminar on “Improvement of Examination Manual and Establishment of a Quality Management System for Invention/Utility Solution Application Examination”, April 2021 in Hai Phong.



Tình hình nộp và xử lý đơn đăng ký sáng chế hai năm 2020, 2021

Năm 2021 Cục SHTT đã tiếp nhận 9130 đơn đăng ký sáng chế, tăng hơn 9% so với năm 2020.

hệ thống quản lý chất lượng và nâng cao năng lực thẩm định bằng cách bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về công nghệ mới cho thẩm định viên sáng chế.

Việc triển khai đồng bộ các nhiệm vụ nêu trên sẽ từng bước giúp tăng khả năng tiếp nhận, xử lý đơn đăng ký bảo hộ sáng chế trong giai đoạn tới, từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng công nghệ.



HANDLING OF APPLICATIONS FOR PATENTS/UTILITY SOLUTIONS



Phó Cục trưởng Phan Ngân Sơn tiếp JICA Việt Nam và ông Nishimoto Koji, Chuyên gia dài hạn Dự án “Nâng cao năng lực xử lý đơn sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ” do JICA tài trợ, ngày 04/5/2021 tại trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ.

Deputy Director General Phan Ngan Son met with JICA Vietnam and Mr. Nishimoto Koji, long-term expert of the JICA-funded Project “Strengthening capacity in industrial property examination in IP Viet Nam” on May 4, 2021 at the headquarters of IP Viet Nam.

In the second year of implementing the Intellectual Property Strategy until 2030, with the goal of “an increase by an average of 16% to 18% per year in the number of patent applications and patent protection titles”, strengthening intellectual property examination was identified as one of the IP Vietnam’s key tasks. On that basis, the Amendment of the 2010 Examination Manual of Invention/Utility Solution Applications was made by IP Viet Nam (issued under Decision No. 5196/QĐ-IP dated December 31, 2020) to guide the determination of whether the subject-matter of a claim is protected by the State as an invention in a technical field related to computer software. The Patent Examination Center (of IP Viet Nam) carried out many solutions to increase productivity of handling patent applications such as making clear responsibilities of each title during examination process, simplifying and standardizing the examination process of invention/utility solution applications.

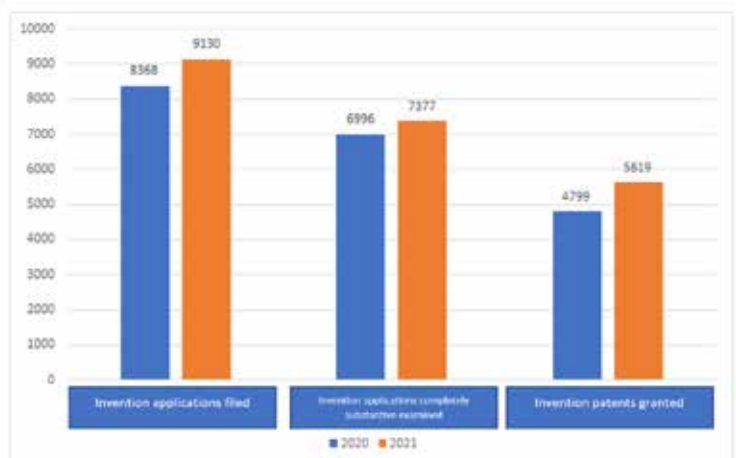
In 2021, the IP Viet Nam received 9,130 invention/utility solution applications - an over 9% increase compared to 2020 (8,368 applications). Regarding formality examination, 8,847 invention/utility solution applications were accepted as valid applications (an about 12.8% increase compared to 2020). As a result, in 2021, the number of invention/utility solution applications completely substantive examined (refused or granted) was 7,377 (an increase of about 5.4% compared to 6,996 applications in 2020). In particular, the number of invention/utility solution protection titles granted in 2021 was 3,941 and the number of invention/utility

solution protection titles refused in 2021 was 1,758. There were 1,065 requests for amendment/assignment of patent applications recorded (an increase of about 137% compared to the same period in 2020). In general, although the productivity of handling patent applications has improved significantly, the number of invention/utility solution applications and the number of requests for substantive examination have been continuously increasing, resulting in a higher number of incomplete examined applications.

In 2022, the Patent Examination Center (of IP Viet Nam) shall promote proactivity and creativity at work and comprehensively deploy solutions with the goal to exceed 15-20% of the capability of handling patent applications. IP Viet Nam has implemented the plans, tasks and made preparation of conditions such as resources for the processing of patent applications with the orientation towards shortening the examination time and improving invention/utility solution application examination quality. At the same time, the Patent Examination Center also applies a quality management system and enhances examination capacity by fostering IP in-depth training on new technologies for patent examiners.

The synchronous implementation of the above-mentioned tasks will help boost the ability to process patent applications in the coming period, thereby contributing to promoting innovation, assignments, and technology application.

In 2021, the IP Viet Nam received 9,130 invention/utility solution applications - an over 9% increase compared to 2020.

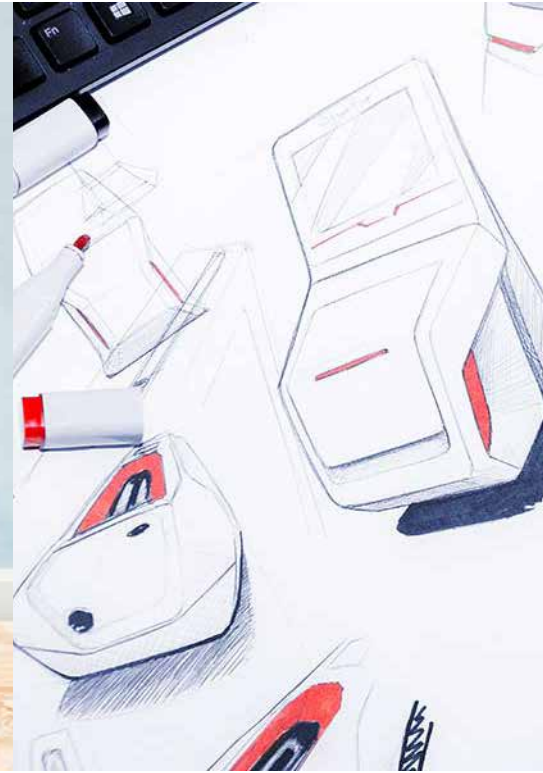


Filing and processing invention/patents applications in 2020 and 2021.



CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Năm 2021, các khó khăn về nguồn nhân lực và trang thiết bị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ thẩm định đơn kiểu dáng công nghiệp (KDCN) còn chưa được khắc phục triệt để, đại dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp hơn so với năm 2020 đã khiến công việc của Trung tâm Thẩm định KDCN (Cục SHTT) bị ảnh hưởng nhiều mặt. Mặc dù vậy, trong năm qua Trung tâm Thẩm định KDCN vẫn thực hiện được một khối lượng công việc tương đối lớn, hoàn thành và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra từ đầu năm.



Về tiếp nhận đơn, số lượng đơn đăng ký KDCN nộp theo đường quốc gia đạt 3.378 đơn, tăng 5,3% so với 3.213 đơn của năm 2020. Năm 2021 là năm thứ hai tiếp nhận đơn đăng ký quốc tế KDCN theo Thỏa ước La Hay với số lượng đăng ký quốc tế chỉ định Việt Nam là 217, tăng 24,7% so với năm 2020, trong đó bao gồm 398 KDCN, tăng 21,3% so với năm 2020. Như vậy, tính cả đơn quốc gia và đăng ký quốc tế KDCN chỉ định Việt Nam, số lượng đơn KDCN tiếp nhận năm 2021 đạt 3.595 đơn, cao nhất từ trước tới nay.

Về xử lý đơn, tổng số lượng đơn kết thúc quá trình xử lý (bao gồm từ chối và chấp nhận bảo hộ) đạt 2.906 đơn, tăng 1,3% so với 2.869 đơn năm 2020, trong đó lượng đơn kết thúc thẩm định nội dung đạt 2.694 đơn và lượng đơn kết thúc thẩm định hình thức đạt 3.225 đơn, tương đương với năm 2020.

Trong năm 2021, về cơ bản công tác thẩm định đơn KDCN đáp ứng được yêu cầu về số lượng cũng như về tiến độ xử lý đơn. Năng suất lao động được nâng cao nhờ tiếp tục áp dụng các sáng kiến đã được công nhận. Các thẩm định viên KDCN đều vượt định mức lao động, trong đó có nhiều thẩm định viên vượt ở mức cao. Đặc biệt, với nỗ lực tiếp tục giảm tình trạng đơn KDCN bị tổn động sâu, Trung tâm Thẩm định KDCN trong năm qua đã áp dụng nhiều biện pháp để tập trung xử lý các đơn KDCN nộp trước ngày 01/01/2020.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận nêu trên, công việc xử lý đơn đăng ký KDCN trong năm qua vẫn còn tồn tại một số vấn đề như: thời hạn thẩm định hình thức của một số đơn KDCN chưa đáp ứng được so với quy định và nhất là chưa giải quyết được dứt điểm lượng đơn tổn động từ những năm trước. Tình trạng này cũng đã kéo dài vài năm trở lại đây. Một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên là khối lượng công việc ngày càng tăng trong khi trang bị cơ sở vật chất và nguồn nhân lực chưa được bổ sung kịp thời để bù đắp sự thiếu hụt đã tích tụ trong những năm qua.

Trong năm 2022, Trung tâm Thẩm định KDCN quyết tâm phát huy truyền thống và những kết quả đã đạt được trong năm 2021, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm giải quyết những vấn đề còn tồn tại, trong đó có việc đưa vào áp dụng Quy chế thẩm định đơn đăng ký KDCN mới để thay thế Quy chế cũ đã ban hành từ năm 2009. Các cán bộ của Trung tâm Thẩm định KDCN tiếp tục chủ động, nỗ lực và sáng tạo trong công việc để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hướng tới kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Cục SHTT. Ngoài ra, việc bổ sung nguồn nhân lực cũng như máy móc, thiết bị cho các thẩm định viên cũng cần được thực hiện để hiệu quả xử lý đơn KDCN có thể được nâng cao cả về năng suất và chất lượng.



HANDLING OF APPLICATIONS FOR INDUSTRIAL DESIGNS

In 2021, despite the lack of human resources and working equipment as well as negative impact of Covid-19 pandemic at certain times, the Industrial Design Examination Center (of IP Viet Nam) still carried out a quite large workload, completed and exceeded the targets and goals set out at the beginning of the year.

27

Regarding the receipt of applications, the number of applications of industrial design registration filed through national route was 3,378, a 5.3% increase compared to 3,213 applications in 2020. 2021 is the second year Viet Nam received international applications for industrial designs under the Hague Agreement with which the number of international registrations designated Viet Nam was 217, an increase of 24.7% compared to 2020 including 398 industrial designs (an increase of 21.3% compared to 2020). Thus, the number of applications received in 2021 reached 3,595 applications, the highest ever, including national applications and international registrations designated Vietnam.

Concerning the handling of applications, the number of applications completely prosecuted (refused or granted) was 2,906, an increase of 1.3% compared to 2,869 applications in 2020. Out of them, the number of industrial design applications that their content examination were finished (refused or granted) was 2,694 and the number of applications that their formality examination were finalized reached 3,225 applications (equal to the number in 2020).

In general, the examination of the industrial design applications satisfied requirements in terms of quantity as well as processing time. All industrial design examiners exceeded their required performance level and many of them exceeded at a high level. Industrial design applications filed before 01 January 2019 were intensively handled by the Industrial Design Examination Center to catch up on a backlog of applications.

Even though having achieved significant results mentioned above, the handling of industrial design applications still had some problems such as: a backlog of applications from previous years had not yet been completely resolved and formality examination of a number of industrial design applications did not meet their deadlines in accordance with regulations. One of the reasons for such limitations was a growing workload while the facilities for examination were inadequate. In addition, human resources for the Center had not been timely and fully designated/recruited to replace the employees retired and left during the years.

In order to maintain and enhance results achieved in 2021 and to solve the remaining problems, in 2022, the Center will execute numerous synchronous solutions, including application of the New Examination Manual of Industrial Design Applications to replace the old Regulation issued in 2009. Besides, staff members of the Industrial Design Examination Center (of IP Viet Nam) continue to be proactive, effortful and creative at work to achieve and exceed the goals set from the beginning of the year.. Communication and dissemination activities towards the 40th anniversary of the establishment of the IP Viet Nam will also continue to be carried out to promote the growth of number of industrial design applications. Reinforced human resources and adequate equipment for examiners are essential to improve efficiency of industrial design application processing both in terms of productivity and quality.



CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

28



Hội thảo “Bảo hộ nhãn hiệu âm thanh”, ngày 22/01/2021.
Seminar on “Protection for sound mark”, January 22, 2021.

Trong khó khăn về quỹ thời gian làm việc eo hẹp, nhân lực giảm cộng với sức ép về trách nhiệm cần rút ngắn thời gian xử lý đơn, các thẩm định viên, cán bộ, nhân viên của Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu đã chủ động phân chia thời gian theo từng ca làm việc không quản ngày đêm.

Bên cạnh đó, việc phát động phong trào thi đua và tạo những điều kiện thuận lợi từ Lãnh đạo Cục, sự động viên, khích lệ kịp thời từ Lãnh đạo Trung tâm cũng như sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị liên quan cũng là những yếu tố giúp cho công tác thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu đã đạt được kết quả đáng mừng, vượt ngoài mong đợi và kế hoạch đề ra đầu năm 2021.

Đặc biệt hơn nữa khi đây là năm đầu tiên sau rất nhiều năm số lượng đơn

kết thúc xử lý vượt cao hơn so với số lượng đơn đăng ký được tiếp nhận. Tính đến hết năm 2021, số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu đã kết thúc xử lý là 63.769 đơn, tăng khoảng 3,7% so với năm 2020. Ngoài ra, việc xử lý các đơn sửa đổi, chuyển nhượng được thực hiện nhanh chóng, đúng thời hạn; thẩm định hình thức đơn về cơ bản bảo đảm đúng thời hạn.

Cũng trong năm 2021, Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu đã bắt tay vào xây dựng Quy chế thẩm định nhãn hiệu, lên kế hoạch triển khai làm dữ liệu các nhóm 35, 40, 42 và tiếp tục thúc đẩy việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác tra cứu,... Đây là những công việc quan trọng, cấp bách cần sớm hoàn thành nhằm giúp cho công tác thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu tạo được đột phá trong tương lai.



HANDLING OF APPLICATIONS FOR TRADEMARKS

29



Despite difficulties caused by social distancing due to the Covid-19 and inadequate human resources, as well as time pressure, examiners and staff members of the “Trademark Examination Center” have actively divided the working time into shifts and endeavored to overcome those challenges with various measures such as working overtime and working on holidays to complete the number of examined trademark applications as planned.

To successfully implement the plans set out in early 2021 beyond expectations, some important reasons can be recognized, including the attention and close guidance of leaders at all levels, the launch of the emulation movement, the coordination and mutual support among relevant units of IP Viet Nam. In particular, after many years, the

number of trademark applications completely prosecuted was higher than the number of applications received in 2021. By the end of 2021, the number of applications completely prosecuted was 63,769 applications, an increase of 3.7% compared to 2020. In addition, the processing of application for amendments and transfers was considered to be faster and prompt; formality examination of a number of trademark applications basically meet their deadlines.

In 2021, there are important tasks that need to be completed in order to improve the effectiveness of trademark examination, such as: improving “Examination Manual for Trademark Application”, supplementing data on International Classification of Goods and Services (NICE - groups 35, 40, 42) and promoting research on AI technology for trademark search, etc.





TÌNH HÌNH BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

PROTECTION OF
GEOGRAPHICAL INDICATIONS

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, song hoạt động bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong năm 2021 vẫn đạt được nhiều kết quả nổi bật, bao gồm sự cải thiện về cơ cấu sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong nước và bảo hộ thành công hai chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản.

Tỉ lệ sản phẩm chế biến tăng

Năm 2021, Cục SHTT tiếp nhận 10 đơn đăng ký, 02 đơn yêu cầu sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý và cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, trong đó có 01 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Khác với những năm trước đây, các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý trong năm 2021 đa dạng hơn về chủng loại; trong đó sản phẩm thủy hải sản chiếm ưu thế với tỷ lệ 41,7% (bao gồm cua biển Bến Tre, tôm càng xanh Bến Tre, cá bống Hà Giang, tôm sú Cà Mau và ốc hương Khánh Hòa); các sản phẩm chế biến chiếm tỷ lệ 33,3% (bao gồm chè shan tuyết Na Hang, miến dong Bắc Kạn, tiêu Đắk Nông và chè shan Phình Hồ); 16,7% còn lại là hoa quả và dược liệu (bao gồm bưởi Soi Hà và sâm nam Núi Dành).

Đặc biệt, năm 2021, Việt Nam bảo hộ thêm 01 chỉ dẫn địa lý cho Nhật Bản với sản phẩm quả hồng sấy khô Ichida, đây là một trong những kết quả thực hiện Bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục SHTT Việt Nam và Cục Công nghiệp thực phẩm Nhật Bản về cam kết thúc đẩy bảo hộ chỉ dẫn địa lý của hai nước.

Trong số đó, phần lớn các tổ chức nộp đơn đăng ký và quản lý các chỉ dẫn địa lý vẫn là các cơ quan nhà nước, bao gồm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ (10/12 chỉ dẫn địa lý). Chỉ có 01/12 chỉ dẫn địa lý do hội nghề nghiệp nộp đơn và quản lý (chỉ dẫn địa lý ốc hương Khánh Hòa của Hội Nghề cá tỉnh Khánh Hòa).

Hai nông sản đầu tiên được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản

Với những nỗ lực trong thúc đẩy đăng ký chỉ dẫn địa lý tại nước ngoài, vải thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận lần lượt trở thành những sản phẩm đầu tiên được bảo hộ chỉ dẫn địa lý thành công tại Nhật Bản. Trong mùa vải năm 2021, tổng sản lượng vải thiều Lục Ngạn xuất khẩu sang Nhật Bản đạt khoảng 1.000 tấn. Mặc dù số lượng chưa nhiều, song sự chấp thuận của những thị trường tiêu chuẩn cao như Nhật Bản đã góp phần khẳng định chất lượng và mở ra cơ hội mới cho các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam, hướng đến mục tiêu đa dạng hóa thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm. Để tiếp tục phát huy những kết quả này, Bộ KH&CN và Bộ Công thương, Bộ NN&PTNT đã ký kết kế hoạch phối hợp hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam vào cuối năm 2021.



Vải thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản được bình chọn thuộc top 10 sự kiện khoa học và công nghệ 2021.

Luc Ngan lychee and Binh Thuan dragon fruit becoming Vietnam GIs protected in Japan is voted to be in the top 10 scientific and technological events 2021.

Năm 2021 cũng là năm biểu trưng chỉ dẫn địa lý quốc gia được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, trở thành công cụ kiểm soát, dấu hiệu nhận diện cho người tiêu dùng, công cụ quảng bá sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Để góp phần đưa những lợi ích về bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại EU trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) trở thành hiện thực, trong năm 2021, đại diện Cục SHTT đã tham gia phiên họp đầu tiên của Nhóm làm việc về SHTT, bao gồm về chỉ dẫn địa lý trong khuôn khổ Hiệp định. Hai bên đã trao đổi, cập nhật về các thay đổi trong xây dựng chính sách và pháp luật liên quan đến chỉ dẫn địa lý.

Hỗ trợ quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý

Bảo hộ chỉ dẫn địa lý mới mở ra cánh cửa đầu tiên cho tiêu thụ và gia tăng giá trị chuỗi nông sản. Việc tăng cường kiểm soát chất lượng là điều cần thiết để phát huy giá trị của những sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhất là trong bối cảnh tiêu chuẩn của thị trường trong nước cũng như xuất khẩu ngày càng cao.

Điều này sẽ đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên khác nhau. Trong đó, những đối tượng gắn bó với việc sử dụng chỉ dẫn địa lý trong thực tế như các nhà sản xuất, hội kinh doanh,... sẽ trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý nội bộ. Ngoài ra, Nhà nước sẽ đóng vai trò điều phối chung trong hoạt động quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý.

Để các bên chủ động hơn, cần cụ thể hóa quy định trao quyền quản lý cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Ngoài ra, các chính sách cần tập trung nâng cao năng lực cho các tổ chức tập thể, các tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư, các nhà kinh doanh,... chứ không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ đăng ký bảo hộ. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành có liên quan đến quá trình sản xuất và thương mại các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.



Chè Shan tuyết cổ thụ.
Shantuyet tea.

2021 is also chosen to be “the national geographical indication” year approved by the Ministry of Science and Technology, becoming a control tool, an identification sign for consumers, a promotion tool for GI products.

An increasing proportion of processed products

In 2021, the National Intellectual Property Office of Viet Nam (IP Viet Nam) received 10 applications, 02 requests of geographical indication (GI) registration amendment and granted 12 new GIs protections, including 01 foreign GI. Unlike previous years, the products protected under GIs in 2021 are of various types; out of them, seafood products dominated with 41.7% (including Ben Tre sea crab, Ben Tre crayfish, Ha Giang fish, Ca Mau tiger shrimp and Khanh Hoa snails); processed products accounted for 33.3% (including Na Hang snow shan tea, Bac Kan burmese, Dak Nong pepper and Shan Phinh Ho tea); the remaining 16.7% are fruits and medicinal herbs (including Soi Ha grapefruit and Nui Danh southern ginseng).

Especially, in 2021, Vietnam has protected one more GI from Japan - Ichida dried persimmon, which resulted from the implementation of a Memorandum of Understanding between IP Viet Nam and Japan Food Industry Administration on their commitment to promote two countries' GIs protection.

Noticeably, most of GI applicants are still authorities, including provincial/district People's Committees, Departments of Agriculture and Rural Development, Department of Science and Technology (accounting for 10/12 GIs). Only 01/12 GI was filed and managed by the professional association (Khanh Hoa snails of Khanh Hoa Fisheries Association).

Vietnam's first two agricultural products protected under GIs in Japan

With our efforts in promoting GI protection abroad, Luc Ngan lychee and Binh Thuan dragon fruit respectively became the first products to be protected under GIs in Japan. In 2021 lychee season, the total volume of lychee exported to Japan reached about 1000 tons.

Despite being heavily affected by the COVID-19 pandemic, Vietnam's geographical indication protection activities in 2021 have achieved many outstanding results, including diversity in the structure of products protected under domestic geographical indications and the successful acquisition of two geographical indications in Japan.

Despite of its scale, the number has brought to light that our lychee quality has lived up to high-demanding Japanese consumers' expectation and paved the way for new opportunities for Vietnam GI aiming at diversifying its market and constantly enhancing the product value. In order to obtain such achievements, the Ministry of Science and Technology, the Ministry of Industry and Trade, and the Ministry of Agriculture and Rural Development have signed a plan of their collaboration to facilitate trademark and GI protection for Vietnam potential export products by the end of 2021.

Contributing to utilization of benefits obtained from GI protection in EU which are results of EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA), in 2021, representatives of IP Viet Nam participated in the first meeting of the Working Group on IP, including on GIs within the framework of the Agreement. The two parties exchanged and updated on changes in policy and legal development related to GIs.

Supports for GI management and implementation

The protection of new GIs opens the first gate to market for agricultural products and increases the value of agricultural chains. Strengthening of quality control should be on the top agenda to maintain the value of GI products, especially when the standards of both domestic and international markets are rising.

This requires efforts of many stakeholders. Specifically, those who are deeply engaged in the utilization of GIs such as manufacturers, business associations, ... will directly carry out internal management activities. In addition, the State will play a general coordinating role in GI management and development.

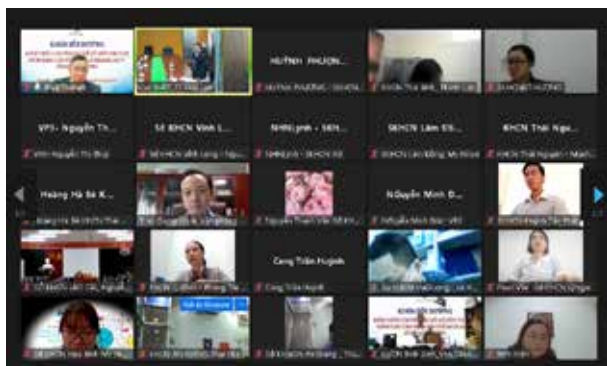
To that ends, it is necessary to concretize the provisions on management authorization to a legal person representing the interests of all natural persons and legal persons that are empowered to use GI. In addition, policies should focus on improving the capacity of collective organizations, organizations representing residential communities, entrepreneurs, ... besides supporting registration proceedings. Simultaneously, it is essential to reinforce coordination between authorities and departments involved in the production and trade of GI products.



ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY TRAINING AND PUBLIC AWARENESS ACTIVITIES

34



Khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về SHTT dành cho cán bộ quản lý KH&CN và SHTT của địa phương.

Advanced training course on IP for local IP and S&T managers.

Hoạt động nghiên cứu: hướng đến phục vụ công tác hoàn thiện chính sách, pháp luật về SHTT

Với định hướng phát triển hệ thống SHTT quốc gia toàn diện, đồng bộ và hiệu quả, Chiến lược SHTT đến năm 2030 đã đề ra các nhiệm vụ tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền SHTT; tăng cường truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về SHTT, khuyến khích đổi mới sáng tạo; xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT, hình thành văn hóa SHTT trong xã hội. Nhằm thực hiện nhiệm vụ này, năm 2021 Cục SHTT đã tăng cường

nguồn lực cho công tác nghiên cứu, tiếp tục thực hiện 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và 5 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện để đề xuất sửa đổi các nội dung bất cập trong Luật SHTT hiện hành; nghiên cứu về các giải pháp nhằm tăng cường nguồn nhân lực cho hệ thống SHTT; đề xuất các giải pháp, hình thức tuyên truyền về SHTT dành cho học sinh tiểu học và trung học,... hướng tới tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong toàn xã hội.

Hoạt động đào tạo, tập huấn về SHTT: đáp ứng nhu cầu của xã hội và thích ứng với tình hình thực tế

Đào tạo, tập huấn kiến thức về SHTT

Công tác phòng chống dịch COVID-19 yêu cầu hạn chế các hoạt động tập trung đông người làm gián đoạn các hoạt động đào tạo, tập huấn trong năm 2021. Cục SHTT cũng phải giảm số lượng các hoạt động tập huấn và linh hoạt chuyển đổi hình thức tập huấn, nỗ lực duy trì việc đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức về SHTT cho các nhóm học viên liên quan trực tiếp tới lĩnh vực SHTT chính như cán bộ cơ quan quản lý về KH&CN và SHTT tại các địa phương, trường đại học/viện nghiên cứu, doanh nghiệp.

Các khoá học được tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến. Việc chuyển đổi hình thức tổ chức, khác với hình thức đào tạo trực tiếp





Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.



Lễ bế giảng và trao chứng chỉ khóa Đào tạo chuyên sâu về Sở hữu trí tuệ.

Closing ceremony and awarding certificate of advanced training course on IP.

Research activities: towards improving IP legislation and policies

With the orientation to develop a comprehensive, synchronous and effective national IP system, the National IP Strategy until 2030 has set out tasks needed to be strengthened, namely professional and knowledge training on IP for IPRs enforcement officials; IP awareness raising on mass media, innovation encouragement; development of a sense for IPRs protection and respect, creation of IP culture in society. In order to accomplish

these tasks, in 2021, IP Viet Nam strengthened resources for research, continued to implement 01 ministry-level science and technology task and 05 local-level science and technology ones on theoretical and practical basis for amendment of IP Law; researched measures to strengthen human resources for IP system; proposed solutions and forms of IPRs propaganda for primary and middle school students, ect., aiming to IP culture building in whole society.

IP training activities: to serve needs of society and adapt to the actual situation

IP training activities

Due to limited mass gatherings during the Covid-19 pandemic, IP training activities in 2021 were impacted and disrupted. IP Viet Nam must reduce the number of training activities with flexible modes, make efforts to maintain training activities for relevant groups in the field such as IP and science, technology managers from localities, universities/research institutes and enterprises.

Accordingly, training courses were virtually conducted or combined online and in-person modes. This mode transformation that was different with traditional one required IP Viet Nam to adjust the duration, curricula,

như truyền thống đòi hỏi Cục phải sự điều chỉnh thời lượng, nội dung giảng dạy, công tác quản lý lớp học để đảm bảo được chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Nhìn chung Cục SHTT đã đảm bảo được chất lượng của các lớp học này và tổ chức được 21 khóa tập huấn, bồi dưỡng thu hút khoảng 2.000 lượt người tham dự.

Cục SHTT đã tổ chức 3 khóa “Tổng quan về SHTT” trên Cổng Đào tạo trực tuyến, thu hút sự tham gia của khoảng 800 học viên (được xây dựng từ năm 2020, Cổng Đào tạo trực tuyến của Cục SHTT bắt đầu chính thức vận hành vào tháng 4/2021 nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của công chúng trong việc tăng cường kiến thức về SHTT). Đây là khóa học của WIPO cho phép Cục SHTT triển khai phiên bản tiếng Việt (khóa DL 101). Qua ba khóa học, Cổng Đào tạo trực tuyến đã nhận được sự phản hồi tích cực của đông đảo người dùng và mong muốn Cục SHTT tiếp tục phát triển các khóa đa dạng, phong phú và chuyên sâu hơn đáp ứng nhu cầu của đông đảo công chúng xã hội muốn nâng cao kiến thức về SHTT.

Tập huấn cho các địa phương

Để hỗ trợ các địa phương chủ động sử dụng hiệu quả hệ thống SHTT cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, Cục SHTT tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý về SHTT tại nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về SHTT. Năm 2021, Cục SHTT đã phối hợp với địa phương tổ chức được 8 lớp với gần 1.000 lượt người tham dự tại một số tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Bắc Giang, Phú Thọ, Cao Bằng, Cần Thơ, Lào Cai, Lâm Đồng.

Cục SHTT cũng phối hợp với một số trường đại học tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu về SHTT như: phối hợp với Trường đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh tổ chức 1 lớp tập huấn kiến thức về SHTT cho đối tượng là sinh viên và 1 lớp tập huấn kiến thức dành cho giảng viên; phối hợp với Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh chiêu sinh và đang triển khai 2 khóa đào tạo chuyên sâu về SHTT tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh dành cho nhóm chủ thể cần trang bị các kiến thức và kỹ năng để thực hiện hoạt động tư vấn về sở hữu trí tuệ, đại diện sở hữu công nghiệp.

Đào tạo chuyên môn cho cán bộ Cục SHTT

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ Cục SHTT, bên cạnh việc thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn thông qua các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo quốc tế, Cục SHTT tổ chức 1 lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính và 1 lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý, lãnh đạo cấp phòng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng làm việc cho cán bộ.

Hoạt động tuyên truyền: tiếp tục đổi mới về cách thức tuyên truyền

Trước sự phức tạp của dịch COVID-19, công chúng khó tiếp cận được các nguồn thông tin truyền tải theo hình

thức truyền thống, Cục SHTT đã chủ động chuyển hướng sang tuyên truyền theo phương thức đa phương tiện, ứng dụng các công nghệ hiện đại, giúp nhiều người có thể tiếp cận mọi lúc, mọi nơi. Nhằm giúp công chúng dễ dàng tiếp cận, cập nhật các quy định pháp luật, thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, Cục SHTT đã và đang xây dựng các tài liệu tuyên truyền dưới các định dạng kỹ thuật số như video, tệp tài liệu điện tử để đưa lên Cổng thông tin của Cục SHTT. Với sự hỗ trợ của các đối tác quốc tế, Cục SHTT cũng đang đề xuất xây dựng các sách, tài liệu tham khảo cho doanh nghiệp.

Hưởng ứng chủ đề ngày SHTT Thế giới (26/4) năm 2021 là “Sở hữu trí tuệ & Doanh nghiệp vừa và nhỏ”, Cục SHTT đã đăng tải các bài viết nhằm cung cấp, hỗ trợ thông tin về SHTT hướng đến các đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ trên thông qua trang tin điện tử. Tại TP. Hồ Chí Minh, Cục SHTT đã phối hợp cùng với Trung tâm Sở hữu trí tuệ và Chuyển giao công nghệ - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức Cuộc thi “Sinh viên với quyền sở hữu trí tuệ S&IP” thu hút đông đảo sinh viên các trường ở khu vực phía nam tham gia.

Trong khuôn khổ của Ngày hội Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo Quốc gia - Techfest Việt Nam 2021, Cục SHTT phối hợp với Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ, Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trường đại học Hồng Đức và Trường đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo: “Giải pháp thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp từ hoạt động khai thác tài sản trí tuệ tại trường đại học, viện nghiên cứu” ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Ngoài ra, Cục SHTT thiết kế và mở một gian hàng trực tuyến trong khuôn khổ triển lãm thực tế ảo Techfest247 để cung cấp thông tin và hỗ trợ giải đáp liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Hình thức này được công chúng quan tâm và có những phản hồi tích cực. Đây cũng sẽ là xu hướng để thực hiện cho các hoạt động tương tự trong thời gian tới.

Sử dụng nền tảng công nghệ kết nối và tương tác từ xa đã trở thành xu thế chủ đạo và được các tổ chức quốc tế (WIPO, EUIPO, ARISE+IPR, IP Key SEA...) khai thác nhằm tăng cường, phủ rộng hơn nữa hoạt động truyền thông, tuyên truyền, hợp tác trao đổi chuyên môn giữa các quốc gia về SHTT trong tình hình mới. Nhằm bắt được những thông tin này, Cục SHTT tích cực tham gia các hội thảo chuyên môn và kịp thời truyền thông về các sự kiện hội thảo, tọa đàm, giúp công chúng dễ dàng tiếp cận và tham gia các hội thảo trực tuyến quốc tế để tăng cường các kiến thức, thông tin về các lĩnh vực của SHTT.

Nhìn chung, hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền về SHTT trong năm vừa qua đã được triển khai một cách tích cực, hiệu quả và có điều chỉnh về hình thức một cách linh hoạt, kịp thời thích ứng với yêu cầu chống dịch COVID-19 và đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của xã hội. Trong thời gian tới, cục SHTT sẽ tiếp tục tìm những hình thức đào tạo, tập huấn và tuyên truyền về SHTT phù hợp và linh hoạt hơn nữa để đáp ứng nhu cầu của xã hội.

management of these training courses to ensure the quality. Generally, IP Viet Nam organized 21 training courses with more than 2,000 attendees in the year.

IP Viet Nam organized 03 training courses on "Overview on IP" through its Online Training Portal (built in 2020 and came into operation since April 2021 in response to growing public need on IP knowledge) with 800 participants. The World Intellectual Property Organization granted and allowed IP Viet Nam to deploy these courses in Vietnamese version (Course DL 101). Through these training courses, the Online Training Portal received positive feedbacks from users as well as their expectations that IP Viet Nam will further develop diversified and specialized courses to serve need of society.

IP training activities for localities

For supporting localities in actively and effectively using the IP system for local socio-economic development, IP Viet Nam continued to coordinate with IP management agencies in provinces and cities across the country to organize IP training courses from basic to specialized levels. In 2021, IP Viet Nam coordinated with localities to organize 08 training courses in provinces and cities such as Da Nang city, Bac Giang, Phu Tho, Cao Bang, Can Tho, Lao Cai and Lam Dong provinces, with nearly 1000 attendees.

IP Viet Nam also coordinated with some universities to organize specialized training courses on IP, namely the Industrial University of Ho Chi Minh city with 02 training courses for students and lecturers; Ho Chi Minh City University of Law with 02 ongoing training courses, one in Hanoi and one in Ho Chi Minh city, for group of stakeholders needed to be equipped with knowledge and skills on IP consultation and operation of industrial property representative organizations.

Professional training for IP Viet Nam's staff

With regard to professional training for the Office's staff, in addition to the regular update on professional knowledge through training courses and international seminars, IP Viet Nam organized 01 training course on state management for senior officials and 01 training course on management for leaders of units within the Office to improve their professional and working skills.

Public awareness rising activities: continue to innovate the mode of propaganda

In the context of Covid-19 pandemic, the public got difficulties in accessing to IP information transmitted through traditional modes, IP Viet Nam actively implemented the multimedia propaganda applied modern technologies to facilitate the public's access anytime and anywhere. For easier access and

updates on legal regulations, registration procedures for industrial property rights, IP Viet Nam has been developing materials for propaganda in digital formats such as videos, electronic files to upload on the Office's website. With the support from international partners, IP Viet Nam was in the process of proposal on developing books, reference materials for enterprises.

To celebrate the World IP Day (26 April) with theme for 2021 "IP & Small and Medium Enterprises", IP Viet Nam published news, articles in the Office's website to provide and support IP information for small and medium enterprises. In Ho Chi Minh City, IP Viet Nam, in collaboration with the Center for Intellectual Property and Technology Transfer of the Vietnam National University in Ho Chi Minh City, held the Contest "Students with Intellectual Property Rights" with participation of many students from universities in the South.

Within the framework of the National Festival for Innovative Start-ups (Techfest Viet Nam 2021), IP Viet Nam coordinated with the National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development, National Economics University, Hong Duc University, Industrial University of Ho Chi Minh city to organize the Seminar on "Solutions to promoting the establishment of start-ups from exploiting IP assets at universities, research institutes" in all three regions of the North, Central and South. In addition, IP Viet Nam designed and opened one online booth within the virtual exhibition Techfest247 to provide information and answer concerns related to IPRs. This activity attracted the public's attention and received positive feedbacks. This will be the trend for implementing similar activities in the coming time.

Using technology platforms with remote interaction and connection has become the mainstream trend and been exploited by international organizations (namely, WIPO, EUIPO, ARISE+IPR, IP Key SEA, etc.) to enhance and widen public awareness rising activities, cooperative activities in exchanging IP expertise among nations in the new situation. Grasping this information, IP Viet Nam actively participated in professional seminars and promptly notified information on seminars, talk shows, helping the public easily access and participate in national online seminars to improve their knowledge and information on IP.

In general, last year, IP dissemination, training, and research activities were actively and effectively implemented, adjusted in terms of modes for adapting to requirements during the Covid-19 pandemic and ensured to satisfy needs of society. In the coming time, IP Viet Nam will consider IP training and propaganda modes for better responding to the needs of society.





BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.

ASSURANCE OF INDUSTRIAL
PROPERTY INFORMATION



Công tác thông tin sở hữu công nghiệp

Để hỗ trợ các viện, trường, doanh nghiệp tăng cường quản lý, khai thác tài sản trí tuệ, Cục đã tổ chức 05 lớp tập huấn về tra cứu thông tin và viết bản mô tả sáng chế cho các tổ chức: Trường ĐH Dược Hà Nội, Trường ĐH Phenikaa, Tập đoàn Viettel, Công ty BK-Holdings (Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội). Đây là hoạt động tập huấn thường xuyên thuộc Dự án Mạng lưới TISC/IP-HUB (Mạng lưới các trung tâm SHTT và chuyển giao công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp theo Dự án Môi trường SHTT kiến tạo của WIPO) nhằm tăng cường tiếp cận với thông tin khoa học công nghệ, thông tin sáng chế chất lượng cao và các dịch vụ liên quan, cung cấp thông tin phục vụ theo dõi tình trạng kỹ thuật và cạnh tranh, pháp luật về SHTT, quản lý và thương mại hóa công nghệ được Cục triển khai từ 2018.

Bên cạnh đó, Cục đã phối hợp với WIPO triển khai Chương trình Cố vấn từ xa về thương mại hóa công nghệ cho một số thành viên khác của Mạng lưới TISC/IP-HUB (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Dầu khí Việt Nam, Trường Đại học Duy Tân).

Công tác thông tin SHCN tiếp tục được đảm bảo thông qua việc quản lý, phát triển và bảo đảm nguồn thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn và đáp ứng nhu cầu tra cứu của công chúng. Cụ thể, Cục đã hoàn thành phát hành 12 số Công báo SHCN và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử; hoàn thành cập nhật các Bản mô tả toàn văn của Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích lên hệ thống quản trị đơn (WIPO IPAS) và cập nhật lên cơ sở dữ liệu tra cứu sáng chế WIPO PUBLISH; mua và đưa vào sử dụng các tài khoản tra cứu chuyên ngành (ORBIT) để phục vụ công tác thẩm định và tra cứu đơn sáng chế và kiểu dáng công nghiệp.

Cục cũng đã công bố đầy đủ số liệu thống kê đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ SHCN của các địa phương trên Cổng Thông tin điện tử của Cục; hoàn thành việc cung cấp số liệu thống kê về SHTT năm 2020 cho WIPO để phục vụ tính toán Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam.

Để tăng cường phổ biến và hướng dẫn sử dụng

thông tin SHCN nhằm phục vụ nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, Cục đã tổ chức 07 lớp hướng dẫn tra cứu thông tin SHCN cho các đối tượng có nhu cầu, trong đó có 01 lớp dành cho cán bộ của các Sở KH&CN và 06 khóa hướng dẫn cho gần 500 sinh viên năm cuối về tra cứu thông tin SHCN. Cục đã hoàn thành xuất bản Báo cáo thường niên năm 2020 của Cục; đăng tải 505 tin bài, thông báo trên Cổng Thông tin điện tử của Cục, trong đó có 440 tin/bài tiếng Việt; 65 tin, bài tiếng Anh và gửi 305 tin bài để đăng lên Cổng Thông tin điện tử của Bộ KH&CN. Đặc biệt, với số lượng tin, bài đóng góp cho Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục tăng lên (từ 127 tin bài năm 2019 lên 297 tin bài năm 2020 và 305 bài năm 2021), Cục SHTT đã trở thành đơn vị đứng đầu trong số các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin cho Cổng thông tin của Bộ.

Cục đã ban hành Quy chế Công bố thông tin SHCN, thay thế Quy chế số 231/TTTL ngày 09/5/1997 nhằm cập nhật, bổ sung một số quy định mới.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin

Năm 2021, trong giai đoạn nghỉ giãn cách do dịch COVID-19, Cục đã triển khai các giải pháp làm việc từ xa hiệu quả, cơ bản đảm bảo năng lực xử lý đơn SHCN, đồng thời đưa vào vận hành hệ thống truyền hình trực tuyến, phần mềm quản lý văn bản điện tử. Về cơ bản, hệ thống máy tính, máy chủ, thiết bị mạng, hệ thống IPAS, các hệ thống tra cứu, thư viện điện tử, email, trang web của Cục, v.v được duy trì và nâng cấp để phục vụ cho công tác chuyên môn của Cục.

Cục cũng đã hoàn thành Dự án số hóa tài liệu SHCN do WIPO tài trợ; đẩy nhanh triển khai các dự án Hiện đại hóa hệ thống CNTT, mua sắm trang thiết bị và các thiết bị tường lửa, giúp tăng cường an toàn, ổn định mạng và triển khai chế độ làm việc từ xa; triển khai phần mềm tra cứu nhãn hiệu cho WIPO IPAS (Dự kiến đưa vào sử dụng sử dụng trong năm 2022); bố trí lại hệ thống hạ tầng dây mạng của phòng máy chủ và các tủ mạng tại các tòa nhà Cục; thuê "Dịch vụ lưu trữ dữ liệu trực tuyến và máy chủ ảo"; thuê máy chủ vật lý áp dụng thử nghiệm WIPO IPAS nhãn hiệu, v.v.

Industrial Property Information

This became a regular training and was a part of TISC/IPHUB Network Project. This is the Network of Intellectual Property Offices in universities, research institutes, enterprise, which was initiated and supported by WIPO's Enabling IP Environment Project aimed to increase the capacity of countries for getting high-quality science & technology, patent information and related services as well as better monitoring and managing science and technology news, IP law, managing and commercializing technology.

In addition, IP Viet Nam has been coordinating with WIPO to conduct the Virtual Mentoring Program on technology commercialization for some TISC members (Vietnam Academy of Science and Technology, Hanoi National University, Vietnam Petroleum Institute, Duy Tan University).

Industrial property information is continuously assured by the management, development and diverse information sources for professional activities and public searches. Specifically, the Intellectual Property Office of Viet Nam (IP Viet Nam) has issued and publicized 12 Official Gazettes on the Portal; updated the full-text descriptions of the Patents/Utility Solutions on WIPO Intellectual Property Administration System (WIPO IPAS) and the patent search tool- WIPO PUBLISH. Besides, IP Viet Nam has done its purchase of specialized lookup accounts (ORBIT) to serve the patent and industrial design examination.

IP Viet Nam has also published the statistics of industrial property applications and protection titles on the Portal; provided IP statistics in 2020 to WIPO for updating Vietnam's Global Innovation Index (GII).

The activities of propaganda and provision of guidance on the use of industrial property information have been focused to live up to organizations and individuals' expectations in their technology development and

innovation activities. To that ends, IP Viet Nam has offered 07 courses on Industrial Property Information Search including courses for officials from provincial science and technology departments and 06 courses for nearly 500 final-year students. Besides, the Office completed the publication of IP Viet Nam Annual Report for 2020; posted 505 articles and notices on IP Viet Nam Website (consisting of 440 news/articles in Vietnamese and 65 news/articles in English) and contributed 305 articles to be posted on the Ministry of Science and Technology website.

IP Viet Nam has approved its Guidelines on Publication of Industrial Property Information, replacing its former Guidelines No. 231/TTTL dated May 9, 1997.

Application of information technology (IT)

In 2021, during covid-19 social distance period, IP Viet Nam has adopted work-from-home (WFH) policies, which ensured progress of application proceedings, and put into operation the online television system, electronic text management software. In short, computer systems, servers, network equipment, IPAS systems, search tools, electronic libraries, emails, IP Viet Nam website, etc. have been maintained to serve IP Viet Nam functions.

In additions, IP Viet Nam has brought its WIPO-funded Digitalization Project to completion; accelerated its projects to modernize IT systems, equipment purchase and firewall upgrading in order to ensure its network safety stability and WFH policy; deployed trademark search software for WIPO IPAS which is expected to be ready for use in 2022; redeployed of the network wire infrastructure system in the server room and network cabinets in its buildings; signed a lease on "Online data storage services and virtual servers" and hired physical servers with the aim of WIPO IPAS trademark testing, etc.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

SUPPORTS FOR INTELLECTUAL PROPERTY
ASSETS DEVELOPMENT

Ảnh / Photo by: Shutterstock.com.



Trong năm 2021, hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được triển khai sâu rộng, nhằm tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT.

Tiến đề từ chính sách

Kết quả trên có được dựa trên nền tảng của nhiều chính sách quan trọng về SHTT được ban hành trong những năm gần đây. Nổi bật trong đó là Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/08/2019. Với quan điểm hoạt động SHTT cần có sự tham gia tích cực của tất cả các chủ thể trong xã hội, trong đó viện nghiên cứu, trường đại học, các cá nhân hoạt động sáng tạo, đặc biệt là các doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ (TSTT), Chiến lược này đặt ra nhiệm vụ phải thúc đẩy các hoạt động tạo ra TSTT và khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác TSTT.

Cùng với đó, nhiều chủ trương, chính sách khác liên quan đến việc thúc đẩy hoạt động tạo dựng, bảo vệ và phát triển TSTT cũng đã được Đảng, Chính phủ ban hành, tiêu biểu như:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư yêu cầu “Hoàn thiện pháp luật về SHTT, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các TSTT do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hoá và chuyển giao quyền SHTT, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam”;

- Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/07/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững quy định “thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu, Chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, TSTT cho các sản phẩm được bảo hộ”;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam yêu cầu “Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác TSTT, công nghệ số, mô hình kinh doanh mới”.

Do đó, một trong những nhiệm vụ trọng điểm của Cục SHTT trong công tác hỗ trợ và phát triển TSTT là triển khai Chương trình phát triển TSTT đến năm 2030 theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 (Chương trình 68).

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình, Bộ KH&CN và Bộ Tài chính đã khẩn trương xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản quy định, hướng



Sổ tay sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Cao Phong”.

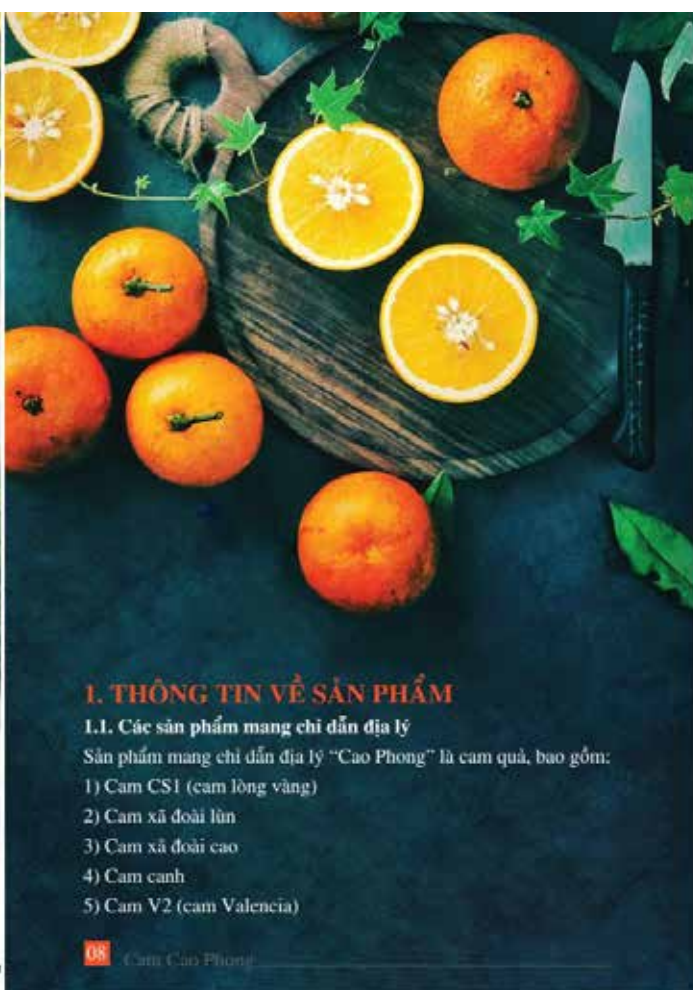
dẫn tổ chức triển khai Chương trình, bao gồm:

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình;

- Quyết định số 1792/QĐ-BKHCN ngày 02/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực SHTT thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình.

In 2021, supports for IP assets development were continued to be widely and deeply deployed in order to create the innovation environment and build a sense of IPRs respect and protection.



Manual of Geographical Indication “Cao Phong”.

Premise from the policies

Mentioned-above achievements derived from many key IP policies promulgated in recent years. The outstanding policy among these was the National IP Strategy until 2030 approved by the Prime Minister under the Decision No. 1068/QĐ-TTg dated August 22, 2019. With the view that IP activities need the active participation of all related stakeholders in society in which research institutes, universities, creative individuals and especially for enterprises play a key role in IP assets exploitation and creation. This Strategy sets out tasks of promoting activities in creation, encouragement and efficient exploitation of IP assets.

Accordingly, many policies on promotion of creation, protection and development of IP assets were promulgated by the Party and Government, namely:

- Resolution No. 52-NQ/TW dated September 27, 2019 of the Politburo regarding a number of guidelines and policies on active participation in the Fourth Industrial Revolution requires “Improvement of the IP Law, effective and proper protection and exploitation of IP assets created by Vietnam; encouragement of IPRs commercialization and transfer, especially for patents in Vietnam”;

- Resolution No. 53/NQ-CP dated July 17, 2019 of the Government on solutions to encouraging and promoting enterprises to sustainably, safely and effectively invest in agriculture stipulates “building and developing brands, geographical indications, traceability, IP assets for protected products”;

- Directive No. 01/CT-TTg dated January 14, 2020 on promoting the development of digital technology enterprises in Vietnam requires “Supports for the formulation and development of fast-growing enterprises based on IP assets exploitation, digital technology and new business models”.

Therefore, one of key tasks of IP Viet Nam in IP assets support and development is to implement the Intellectual Property Assets Development Program until 2030 according to the Decision No. 2205/QĐ-TTg dated December 24, 2020 (the Program 68).

After getting the approval of the Program from the Prime Minister, the Ministry of Science and Technology and the Ministry of Finance developed and fully issued documents regulating and guiding the implementation of the Program, including:

- Circular No. 03/2021/TT-BKHCN dated June 11, 2021 of the Minister of Science and Technology on providing the Program management;

- Decision No. 1792/QĐ-BKHCN dated July 2, 2021 of the Minister of Science and Technology on announcement of newly promulgated administrative procedures, abrogated administrative procedures in the field of IP under the management function of the Ministry of Science and Technology;



- Phối hợp xây dựng và ban hành cơ chế hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của 42 địa phương;

Có thể nói, những văn bản trên là những tiền đề quan trọng và kịp thời để Cục SHTT và các đơn vị có căn cứ phối hợp hiệu quả.

Bước tiến mới

Nhằm phổ biến và thực hiện các chủ trương, chính sách nêu trên, Cục SHTT đã phối hợp với các cơ quan truyền thông của Bộ (Tạp chí KH&CN Việt Nam), Đài Truyền hình Hà Nội, Tạp Chí Thanh niên Việt xây dựng và triển khai chuyên mục, tọa đàm về bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT cho các nhóm chủ thể khác nhau.

Trong năm 2021, Cục cũng phối hợp với Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện hỗ trợ về SHTT trong khuôn khổ triển khai các nhiệm vụ tổng thể hỗ trợ doanh nghiệp như trao đổi các nội dung, cơ chế hỗ trợ về SHTT cho doanh nghiệp trong Dự thảo các văn bản do Cục Phát triển doanh nghiệp tham mưu ban hành.

27 dự án về phát triển tài sản trí tuệ đã được Cục SHTT kịp thời trình Lãnh đạo Bộ KH&CN phê duyệt triển khai. Trong đó có một số dự án được xác định là cơ sở, nền tảng để các địa phương nhân rộng triển khai trong thời gian tới như tập huấn đào tạo về SHTT cho các cán bộ thuộc hệ thống tư pháp, nhóm dự án bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT cho sản phẩm đặc thù địa phương gắn với kiểm soát chất lượng, mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, nhóm dự án bảo hộ, khai thác quyền SHTT phục vụ việc quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm, dịch vụ du lịch.

Đặc biệt, trong khuôn khổ hỗ trợ của Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ năm 2021, vài thiếu Lục Ngạn (Bắc Giang) và thanh long Bình Thuận đã trở thành các sản phẩm nông nghiệp đầu tiên của Việt Nam được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản. Đây không chỉ là tấm “giấy thông hành” giúp đưa sản phẩm chất lượng cao của Việt Nam vào thị trường “khó tính” như Nhật Bản nói riêng và thế giới nói chung, mà còn là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước tiến lớn trong hoạt động bảo hộ quyền SHTT cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Việt Nam. Những dấu ấn quan trọng này là thành quả của nhiều năm, thậm chí cả thập kỷ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ ở hai địa phương trên. Thành công này cho thấy, cần tiếp tục đầu tư bài bản cho việc xây dựng, phát triển TSTT ở những nông sản có tiềm năng xuất khẩu vào thị trường quốc tế.



Ngoài ra, Cục SHTT cũng đã chủ trì, tham gia góp ý các Chương trình hành động, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, ngành, lĩnh vực của Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương. Điều đáng mừng là thông qua các ý kiến góp ý của Cục, nhiều cơ quan ban ngành đã lồng ghép, ban hành cơ chế tăng cường bảo hộ, phát triển TSTT trong tổng thể các cơ chế thúc đẩy phát triển ngành, lĩnh vực mình quản lý.

Xác định năm 2022 là bản lề cho phát triển kinh tế khi bước vào giai đoạn phục hồi hậu COVID-19, để thúc đẩy Chương trình phát triển TSTT, Cục SHTT sẽ tập trung: triển khai các nhiệm vụ trọng điểm để tiến tới hoàn thành các mục tiêu Chương trình phân kỳ đến năm 2025; nghiên cứu giải quyết các vấn đề còn vướng mắc liên quan đến phát triển tài sản trí tuệ ở phạm vi quốc gia như thực thi quyền SHTT trong môi trường số, hỗ trợ kiểm toán TSTT cho doanh nghiệp, đăng ký bảo hộ và quản lý biểu trưng chỉ dẫn địa lý quốc gia, bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực của Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm; khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đặt hàng, liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học để khai thác, phát triển TSTT, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.



- Circular No. 75/2021/TT-BTC dated September 9, 2021 of the Minister of Finance on financial management for the implementation of the Program.

-Coordinating in developing and promulgating mechanisms to support IP assets development of 42 localities;

It is said that those legal documents are timely and important premise for IP Viet Nam and other relevant agencies to have a basis for effective coordination.

New step

In order to disseminate and implement guidelines and policies above, IP Viet Nam coordinated with the media agency of the Ministry of Science and Technology (Vietnam Journal of Science and Technology), Hanoi Radio-Television Station, and Vietnamese Youth Magazine to build and deploy columns and talk shows on protection, management and development of IP assets for different groups of stakeholders.

In 2021, IP Viet Nam also coordinated with the Enterprise Development Agency of the Ministry of Planning and Investment to provide IP supports under the framework of implementing overall tasks on IP supports for enterprises such as exchanging contents and mechanisms in legal documents drafted and issued by the Enterprise Development Agency.

27 projects on IP assets development were promptly submitted to the Leaders of the Ministry of Science and Technology for approval and implementation. Among these, some projects were identified to be the basis for localities to replicate and deploy in coming time such as IP training for judicial officials, project groups on IP assets protection, management and development for specialized products of localities associated with quality control, planting area codes for export, project groups on IPRs exploitation and protection supporting brand development and management of tourism products and services.

In particular, under the Program in the year of 2021, Luc Ngan lychee (Bac Giang province) and Binh Thuan dragon fruit became the first products of Vietnam to be protected as geographical indications in Japan. It was not only a “passport” to bring Vietnamese high-quality products into “demanding” markets such as Japan in particular and international ones in general, but also an important event making the milestone in IPRs protection for key agricultural products of Vietnam. This achievement was the result of many years, even a decade, to support IP assets development in these two localities. This achievement indicated that it was necessary to methodically invest in IP assets development and building for agricultural products with potential export to international markets.

In addition, IP Viet Nam also presided, commented on action programs, proposals and plans for socio-economic development, promotion of sectors and fields of the Government, ministries, branches and localities. Through comments from IP Viet Nam, many branches integrated and promulgated mechanisms for strengthening IP assets development and protection within overall mechanisms for promoting sectors, fields under their management

Choosing 2022 as the pivotal year for economic development in the post-COVID recovery period, in order to promote the IP Assets Development Program, IP Viet Nam will focus on implementing key tasks to achieve deliverables of the Program to 2025; proposing solutions to problems concerning IP assets at the national level such as IPRs enforcement in the digital environment, supports for IP audits of enterprises, registration and management of national geographical indication logos, geographical indications protection for key products of Vietnam in key export markets; encouraging enterprises to actively order and cooperate with research institutes, universities to exploit and develop IP assets, shorten the process of applying research results to production, business to practically serve the socio-economic development goals.



GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

APPEAL SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

Mặc dù trong năm 2021 phải làm việc trực tuyến nhiều do dịch bệnh nhưng Cục SHTT đã nỗ lực giải quyết 1.124 đơn khiếu nại, 330 đơn yêu cầu huỷ bỏ và chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ cũng như cung cấp thông tin chuyên môn để hỗ trợ các cơ quan thực thi quyền SHTT.

Despite having to work from home a lot in 2021 due to the Covid-19 pandemic, IP Viet Nam has made efforts to handled 1,124 appeal requests, 330 requests for termination and invalidation of protection titles as well as providing professional information to support IPRs enforcement agencies.

Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, đơn đề nghị chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

Công tác tiếp nhận đơn

- Trong năm 2021, Cục SHTT đã tiếp nhận 1124 đơn khiếu nại, trong đó bao gồm 28 đơn liên quan đến sáng chế, 7 đơn liên quan đến giải pháp hữu ích, 36 đơn liên quan đến kiểu dáng công nghiệp, 1046 đơn liên quan đến nhãn hiệu đăng ký quốc gia và 7 đơn liên quan đến nhãn hiệu đăng ký quốc tế.

- Trong năm 2021, Cục SHTT đã tiếp nhận 330 đơn yêu cầu huỷ bỏ và chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ, trong đó bao gồm 182 đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu, 7 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế, 2 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ giải pháp hữu ích, 14 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và 125 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu.

Công tác giải quyết đơn

Tuy mọi hoạt động thường xuyên của Cục bị ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội để phòng chống COVID-19 và các làn sóng dịch bệnh nhưng Cục SHTT đã nỗ lực giải quyết 1.134 đơn khiếu nại, bao gồm 52 đơn liên quan đến sáng chế, 10 đơn liên quan đến giải pháp hữu ích, 6 đơn liên quan đến kiểu dáng công nghiệp, 814 đơn liên quan đến nhãn hiệu đăng ký quốc gia và 252 đơn liên quan đến nhãn hiệu đăng ký quốc tế. Bên cạnh đó, Cục SHTT đã tham gia đối thoại với người khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai tại Bộ Khoa học và Công nghệ đối với 10 vụ việc.

- Trong năm 2021, Cục SHTT đã kết thúc giải quyết 198 đơn yêu cầu huỷ bỏ và chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ, trong đó bao gồm 84 đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu, 6 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế, 1 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ giải pháp hữu ích, 2 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và 105 đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu. Ngoài ra, Cục SHTT đã thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn để giải quyết 1 vụ việc liên quan đến đơn yêu cầu

huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu.

Công tác phối hợp, hỗ trợ thực thi quyền SHTT

Do quá trình đánh giá và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT cần nhiều các thông tin chuyên môn đặc thù của lĩnh vực SHTT nên Cục SHTT luôn cung cấp các thông tin chuyên môn sâu cho các cơ quan thực thi quyền SHTT. Có thể nói, công tác phối hợp, hỗ trợ, cung cấp thông tin, ý kiến chuyên môn về yếu tố xâm phạm và hành vi xâm phạm quyền SHTT đã được Cục thực hiện kịp thời, hiệu quả. Cục SHTT là chỗ dựa đáng tin cậy cho các cơ quan thực thi quyền SHTT trong việc đánh giá và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT. Cụ thể, trong năm 2021, Cục SHTT đã phát hành 234 công văn cung cấp thông tin, ý kiến chuyên môn cho các cơ quan thực thi, trong đó bao gồm 06 công văn gửi Thanh tra Khoa học và Công nghệ, 30 công văn gửi cơ quan Quản lý thị trường, 138 công văn gửi cơ quan Công an, 07 gửi cơ quan Hải quan, 09 công văn gửi Tòa án và 44 công văn gửi các tổ chức, cá nhân khác. Trong số này, có 06 công văn liên quan đến sáng chế, 01 công văn liên quan đến giải pháp hữu ích, 02 công văn liên quan đến kiểu dáng công nghiệp và 225 công văn liên quan đến nhãn hiệu.

Ngoài ra, Cục SHTT đã tích cực tham gia các hoạt động của Ban Thường trực Chương trình phối hợp hành động phòng, chống xâm phạm quyền SHTT (Chương trình 168) giai đoạn III với sự tham gia của 9 bộ, ngành do Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì.

Bên cạnh đó, Cục SHTT cũng đã tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo vệ, thực thi quyền SHTT cho các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

Công tác tư pháp và hỗ trợ tư pháp

Trong năm 2021, Cục SHTT đã tham dự 5 vụ việc tại cơ quan tư pháp với vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoặc một bên trong vụ việc. Về cơ bản, Cục SHTT đã thực hiện tốt các hoạt động tư pháp và hỗ trợ tư pháp, đáp ứng tốt, đúng tiến độ các nội dung công việc cần thực hiện theo yêu cầu của cơ quan tư pháp.



Cục trưởng Đinh Hữu Phí tham dự hội thảo trực tuyến “Thực trạng và Giải pháp nhận diện hàng hóa giả mạo, vi phạm SHTT từ góc nhìn doanh nghiệp Hàn Quốc năm 2021”.

Director General Dinh Huu Phi attended the Webinar on current situation and solution to identify counterfeit goods and IPRs infringement from the view of Korea businesses in 2021.

Receiving and handling appeal requests, requests for termination and invalidation of protection titles

Receiving requests:

- In 2021, IP Viet Nam received 1,124 appeal requests, including 28 appeal requests for patents, 7 on utility solutions, 36 on industrial designs, 1,046 on national trademarks and 7 on international trademarks.
- In 2021, IP Viet Nam received 330 requests for termination and invalidation of protection titles, including 182 requests for termination of trademark protection titles, 7 requests for invalidation of patent protection titles, 2 for invalidation of utility solution protection titles, 14 for invalidation of industrial design protection titles, and 125 for invalidation of trademark protection titles.

Handling requests

- In 2021, IP Viet Nam attempted to process 1,134 appeal requests, including 52 requests for patents, 10 on utility solutions, 6 on industrial designs, 814 on national trademarks and 252 on international trademarks. In addition, IP Viet Nam's representatives attended dialogues with applicants in the second-complaint process for 10 cases at the Ministry of Science and Technology.
- In 2021, IP Viet Nam completely handled 198 requests for termination and invalidation of protection titles, including 84 requests for termination of trademark protection titles, 6 for invalidation of patent protection titles, 01 for invalidation of utility solution protection title, 02 for invalidation for industrial design protection titles and 105 for invalidation of trademark protection titles. Besides, IP Viet Nam established and held an advisory council meeting to resolve a case related to one request for invalidation of a trademark protection title.

Coordinating and supporting activities in IPR enforcement

As assessing and handling IPRs infringement acts require specific and professional information in the IP field so IP Viet Nam always provides this information to IPRs enforcement agencies. It is said that coordination, support and provision of information and expertise on IPRs infringement elements and acts are effectively and promptly implemented by IP Viet Nam. Accordingly, information and expertise provided by IP Viet Nam are reliable for IPRs enforcement agencies in their action. In 2021, IP Viet Nam issued 234 official dispatches to provide information and professional opinions to enforcement agencies including 06 official dispatches to the Inspectorate of the Ministry of Science and Technology, 30 to Viet Nam Market Surveillance, 138 to the Economic Police, 07 to the Customs, 09 to the Courts and 44 to other individuals and organizations. Among these, 06 official dispatches related to patents, 01 related to utility solutions, 02 related to industrial designs and 255 related to trademarks. In addition, IP Viet Nam actively participated in activities held by the Steering Committee of the Action Program on IPRs Enforcement (Program 168) phase III with involvement of 9 ministries and branches led by the Ministry of Science and Technology.

Moreover, IP Viet Nam also participated in activities to train, improve knowledge, skills on IPRs protection and enforcement for ministries, branches, localities and enterprises.

Judicial support

In 2021, IP Viet Nam participated in 05 cases at judicial agencies with its related rights and obligations or as a party in cases. In general, IP Viet Nam effectively and timely implemented judicial activities and support at the requests of judicial agencies.



QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL
PROPERTY REPRESENTATION ACTIVITIES

Ảnh / Photo by: Shutterstock.com.



Quản lý hoạt động đại diện SHCN

Trong năm 2021, Cục SHTT đã tiếp nhận 66 đơn đăng ký đại diện SHCN, bao gồm ghi nhận mới 12 tổ chức, xóa tên 03 tổ chức dịch vụ đại diện SHCN, ghi nhận sửa đổi, bổ sung thông tin (về tên, địa chỉ, chi nhánh và thành viên trong Danh sách người đại diện của Tổ chức) cho 47 tổ chức; cấp mới 06 Chứng chỉ, cấp lại 09 Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN. Tính đến hết năm 2021, cả nước có 228 tổ chức đại diện SHCN được ghi nhận tại Cục SHTT và 372 cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN và đặt trụ sở, chi nhánh chủ yếu tại Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh.

Về công tác phát triển đội ngũ người đại diện SHCN, Cục SHTT đã hoàn thành công tác chấm phúc tra kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện SHCN được tổ chức trong năm 2019 và triển khai các bước cần thiết để tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện SHCN theo định kỳ 2 năm một lần vào quý III năm 2021. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, năm 2021, Cục SHTT tạm hoãn việc tổ chức kỳ kiểm tra này và dự kiến sẽ triển khai trong năm 2022 khi dịch bệnh về cơ bản được kiểm soát.

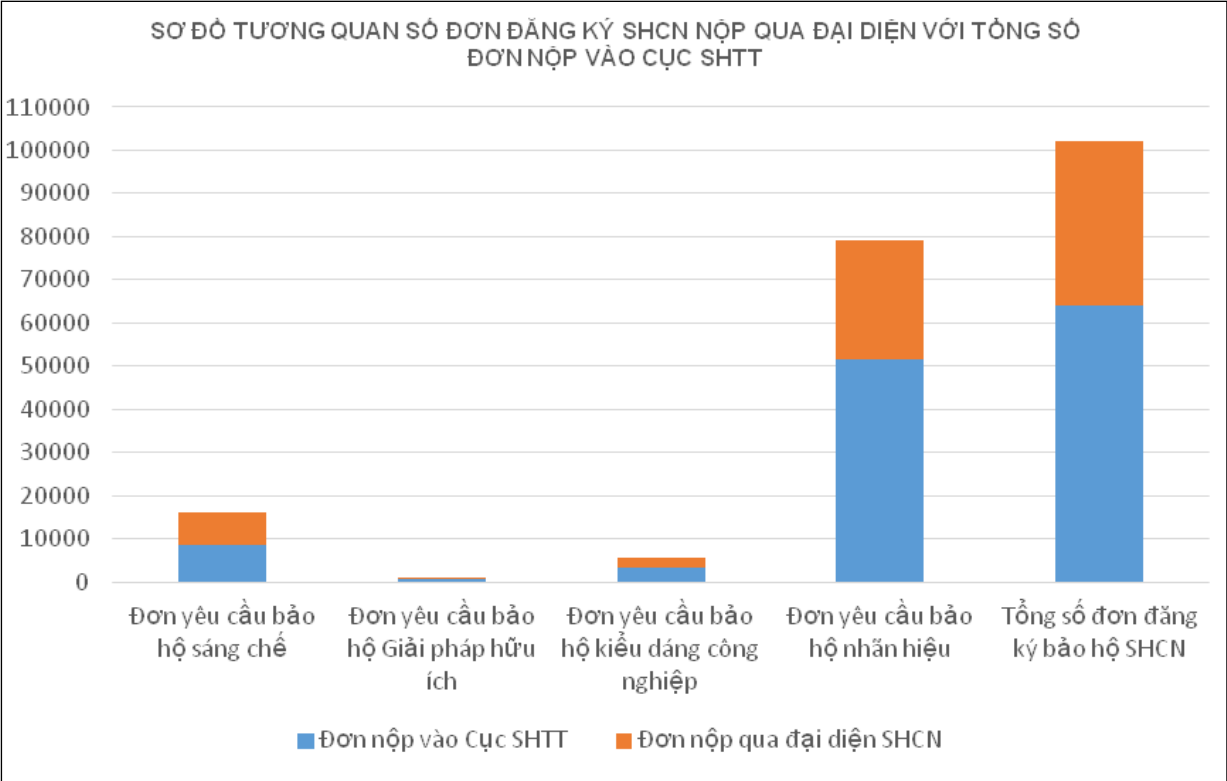
Để đánh giá hiệu quả hoạt động của đại diện SHCN, hằng năm, Cục SHTT thực hiện thống kê định kỳ số lượng các loại đơn đăng ký xác lập quyền SHCN nộp qua từng tổ chức dịch vụ đại diện SHCN. Năm 2021, với số lượng đơn đăng ký xác lập quyền SHCN nộp qua các tổ chức đại diện SHCN tiếp tục gia tăng và chiếm 59,16% - một tỷ lệ tương đối cao trong tổng số đơn xác lập quyền

Administration of industrial property representation activities

In 2021, IPVietnam received 66 applications for industrial property representatives, including: 12 new organisations were recognised; 03 organization was deleted; 47 organisations were recorded as changing information and status (amendment of name, address, branch, and list of industrial property representatives); 06 new representative agents were granted certificates; 09 representative agents were re-granted certificates. By the end of 2021, there were 372 representative agents that were granted certificates and 228 industrial property representative organisations which are headquartered and branched mainly in Hanoi and Ho Chi Minh City.

Regarding the number of industrial property representatives, IPVietnam completed the re-assessment of the professional exam of industrial property representatives held in 2019 and prepared the necessary steps to organize the professional examination every 2 years in the third quarter of 2021. However, this exam that was postponed due to the impact of the Covid-19 epidemic was expectedly scheduled for 2022 when the epidemic is basically under control.

To evaluate the performance of industrial property representatives, every year, IPVietnam performed periodic statistics of the number of applications submitted to industrial property representation





Hội nghị Sở hữu trí tuệ năm 2021/ National Intellectual Property Conference 2021.

SHCN được nộp tại Cục. Con số này cho thấy các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ cho các chủ đơn trong việc đăng ký xác lập và bảo vệ quyền SHCN, đồng thời cũng đã giúp cho Cục SHTT giảm tải được một số lượng đáng kể các công việc liên quan đến thẩm định đơn SHCN thông qua việc nâng cao hiệu quả của các hoạt động tư vấn và chuẩn bị tài liệu đơn đăng ký của đại diện cho người nộp đơn. Cụ thể, tỷ lệ tương ứng đối với các đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu lần lượt là 91,93%, 39,08%, 72,30% và 53,16%.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đại diện SHCN, Cục SHTT đã và đang triển khai nghiên cứu xây dựng Quy chế quản lý hoạt động đại diện SHCN và dự kiến ban hành trong năm 2022.

Quản lý hoạt động giám định SHCN

Năm 2021, Cục SHTT đã nỗ lực thực hiện nhiều hoạt động như tổ chức các cuộc họp, tọa đàm về giám định với sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân liên quan và đặc biệt là của Lãnh đạo Bộ nhằm tháo gỡ, khó khăn vướng mắc trong công tác phát triển đội ngũ giám định viên SHCN.

Trong tháng 12/2021, một số hoạt động để chuẩn bị thực hiện Quyết định 3296/QĐ-BKHCN ngày 17/12/2021 của Bộ trưởng về việc tiến hành tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định SHCN đã được thực hiện như hoàn thiện Quy chế kiểm tra nghiệp vụ giám định SHCN, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng kiểm tra triển khai hoạt động xét miễn, v.v.

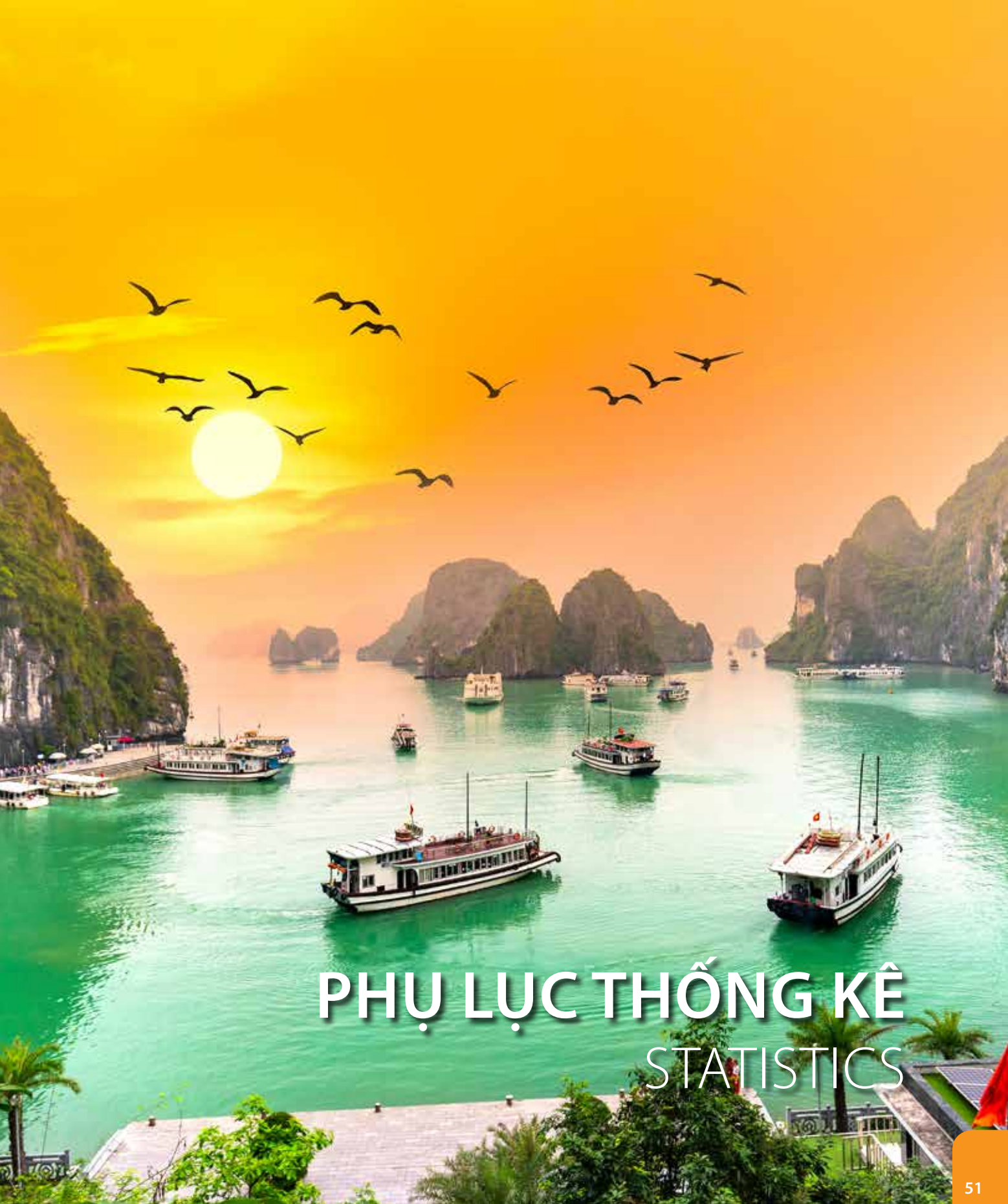
organizations. By 2021, the number of industrial property applications filed to industrial property representation organizations accounted for a relatively high proportion of the total number of applications filed (59,16%), of which the corresponding rates of applications for patents, utility solutions, industrial designs and trademark are 91.93%, 39.08%, 72.30% and 53.16% respectively.

In order to improve the efficiency of state management of industrial property representative activities, IP Vietnam has been preparing a Regulation on management of industrial property representation activities that is expected to be promulgated in 2022.

Administration of industrial property assessment

In 2021, IP Vietnam made great efforts to carry out many activities such as organizing meetings and seminars on assessment with the participation of many related organizations and individuals, especially the Ministry's leaders in order to tackle difficulties and obstacles in raising industrial property assessors.

In December 2021, a number of activities to prepare for the implementation of Decision 3296/QĐ-BKHCN dated December 17, 2021 of the Minister on conducting the professional exam of industrial property assessment were carried out as follows: finalizing the Regulation on professional examination of industrial property assessment; preparation of necessary conditions for the Examination Council to conduct exemption consideration, etc.



PHỤ LỤC THỐNG KÊ

STATISTICS

1. SÁNG CHẾ / INVENTION

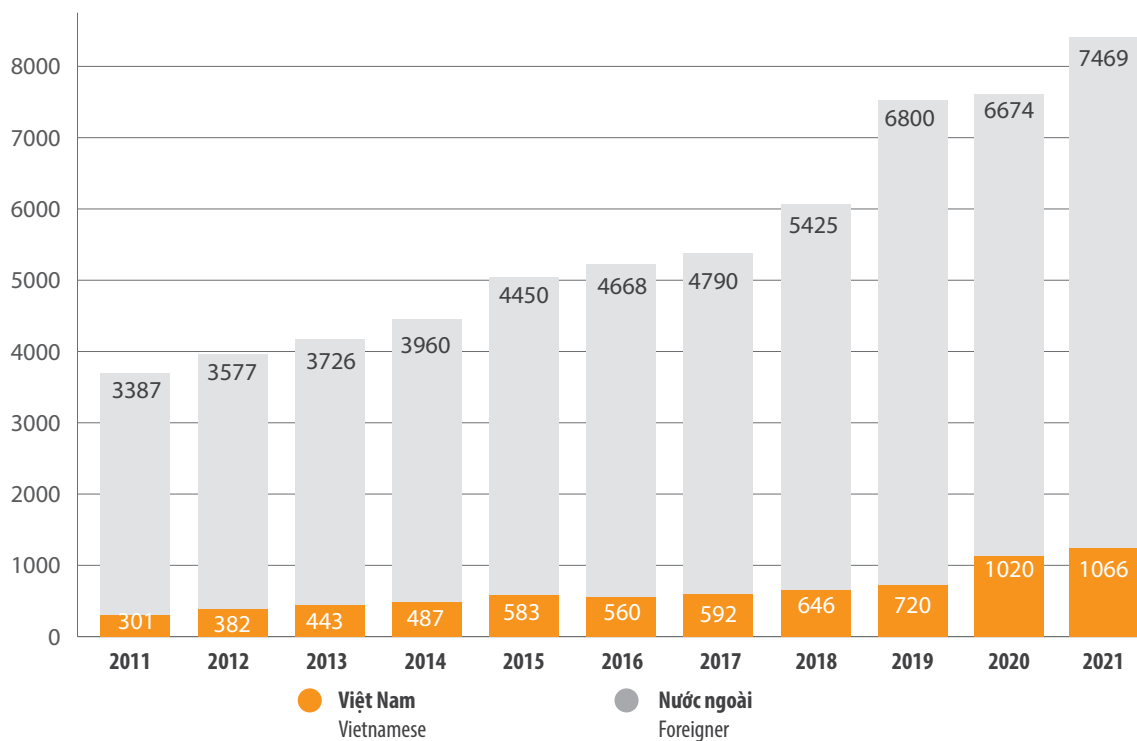
- Đơn đăng ký sáng chế đã nộp và bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ 1981 đến 2021

Invention applications filed and Invention patents granted from 1981 to 2021

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký sáng chế đã nộp Filed Invention applications			Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp Granted Invention patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1981-1989	506	25	531	74	7	81
1990	62	17	79	11	3	14
1991	39	25	64	14	13	27
1992	34	49	83	19	16	35
1993	33	194	227	3	13	16
1994	22	270	292	5	14	19
1995	23	659	682	3	53	56
1996	37	971	1008	4	58	62
1997	30	1234	1264	0	111	111
1998	25	1080	1105	5	343	348
1999	35	1107	1142	13	322	335
2000	34	1205	1239	10	620	630
2001	52	1234	1286	7	776	783
2002	69	1142	1211	9	734	743
2003	78	1072	1150	17	757	774
2004	103	1328	1431	22	676	698
2005	180	1767	1947	27	641	668
2006	196	1970	2166	44	625	669
2007	219	2641	2860	34	691	725
2008	204	2995	3199	39	627	666
2009	258	2632	2890	29	677	706
2010	306	3276	3582	29	793	822
2011	301	3387	3688	40	945	985
2012	382	3577	3959	45	980	1025
2013	443	3726	4169	59	1203	1262
2014	487	3960	4447	36	1332	1368
2015	583	4450	5033	63	1325	1388
2016	560	4668	5228	76	1347	1423
2017	592	4790	5382	109	1636	1745
2018	646	5425	6071	205	2014	2219
2019	720	6800	7520	169	2451	2620
2020	1020	6674	7694	139	4180	4319
2021	1066	7469	8535	153	3538	3691
Tổng số	9345	81819	91164	1512	29521	31033

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021 / Statistics is calculated up to 31 December 2021





Số lượng đơn đăng ký sáng chế từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Invention applications filed from 2010 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner



Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Invention patents granted from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner



2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH / UTILITY SOLUTION

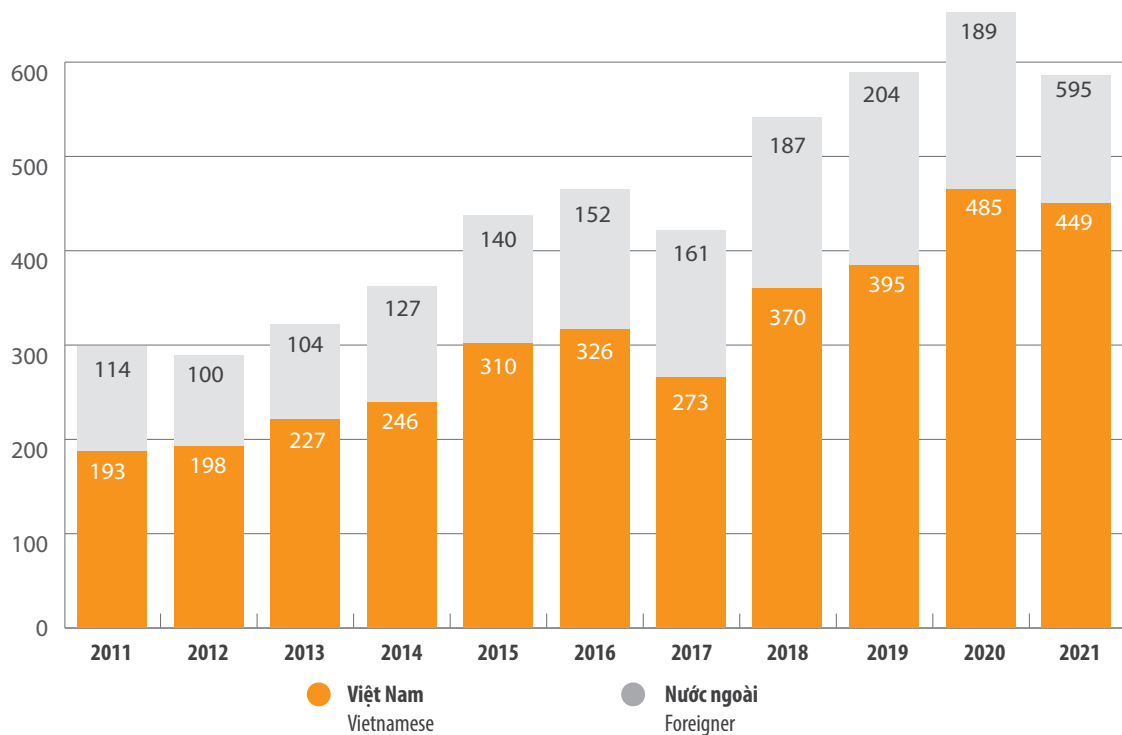
- Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ 1989 đến 2021

Utility solution applications filed and Utility solution patents granted from 1989 to 2021

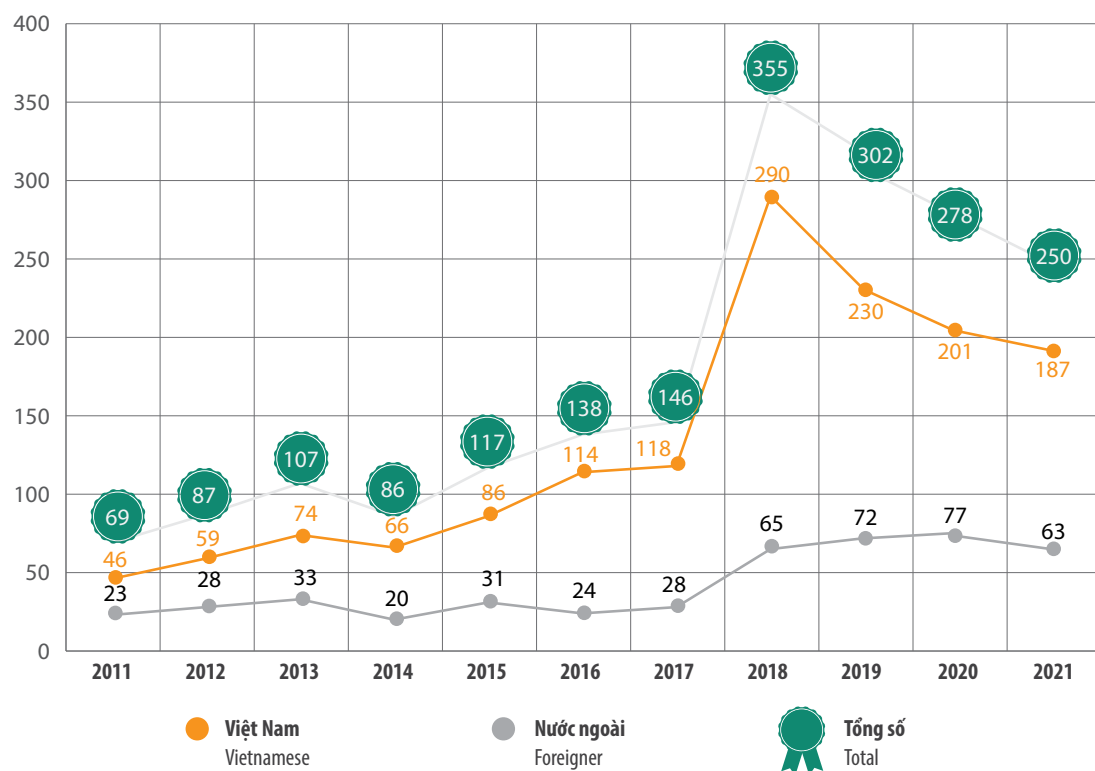
Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp Filed utility solution applications			Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp Granted utility solution patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1989	25	0	25	0	0	0
1990	39	25	64	23	0	23
1991	52	01	53	44	1	45
1992	32	01	33	23	1	24
1993	38	20	58	9	1	10
1994	34	24	58	18	9	27
1995	26	39	65	8	16	24
1996	41	38	79	5	6	11
1997	24	42	66	8	12	20
1998	15	13	28	3	14	17
1999	28	14	42	6	12	18
2000	35	58	93	10	13	23
2001	35	47	82	17	9	26
2002	67	64	131	21	26	47
2003	76	51	127	28	27	55
2004	103	62	165	44	25	69
2005	182	66	248	41	33	74
2006	160	76	236	45	25	70
2007	120	100	220	49	36	85
2008	116	168	284	48	27	75
2009	133	120	253	45	19	64
2010	215	84	299	35	23	58
2011	193	114	307	46	23	69
2012	198	100	298	59	28	87
2013	227	104	331	74	33	107
2014	246	127	373	66	20	86
2015	310	140	450	86	31	117
2016	326	152	478	114	24	138
2017	273	161	434	118	28	146
2018	370	187	557	290	65	355
2019	395	204	599	230	72	302
2020	485	189	674	201	77	278
2021	449	146	595	187	63	250
Tổng số/Total	5068	2737	7805	2001	799	2800

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021 / Statistics is calculated up to 31 December 2021



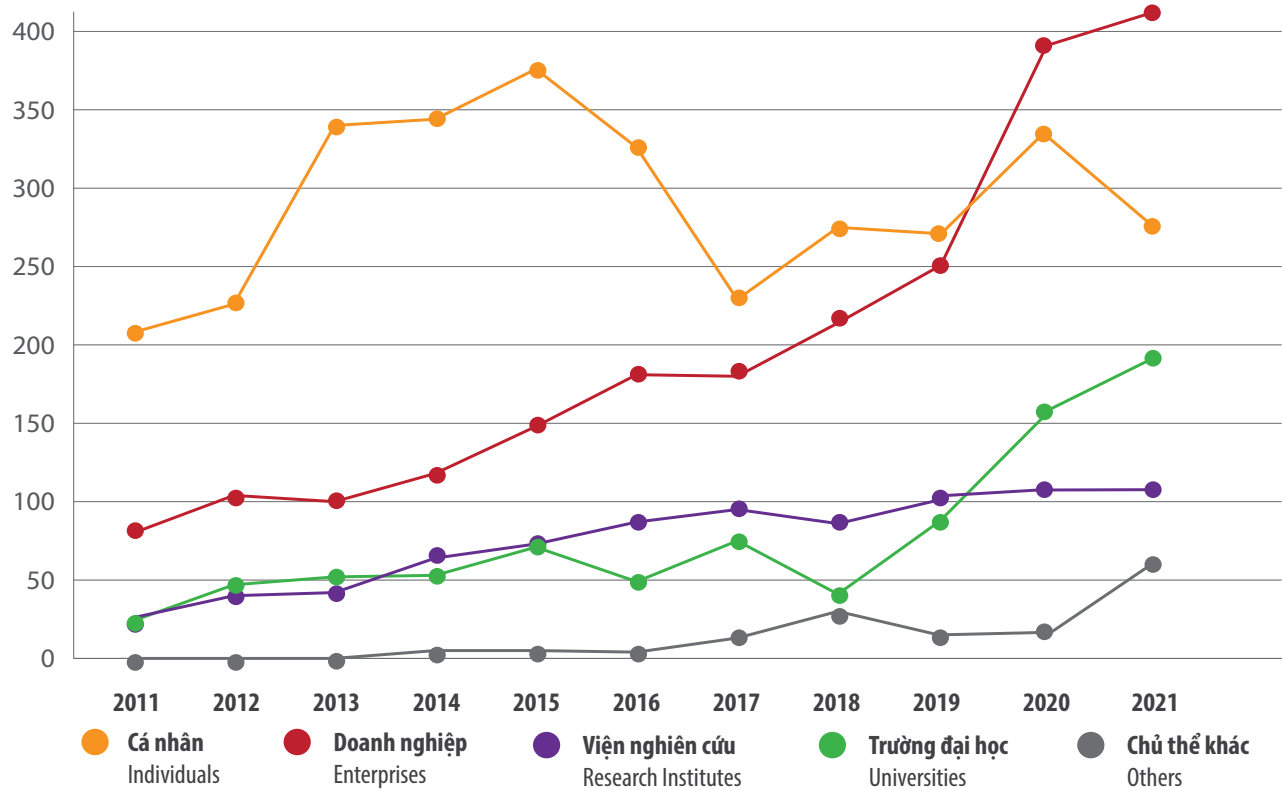


Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Utility solution applications filed from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner



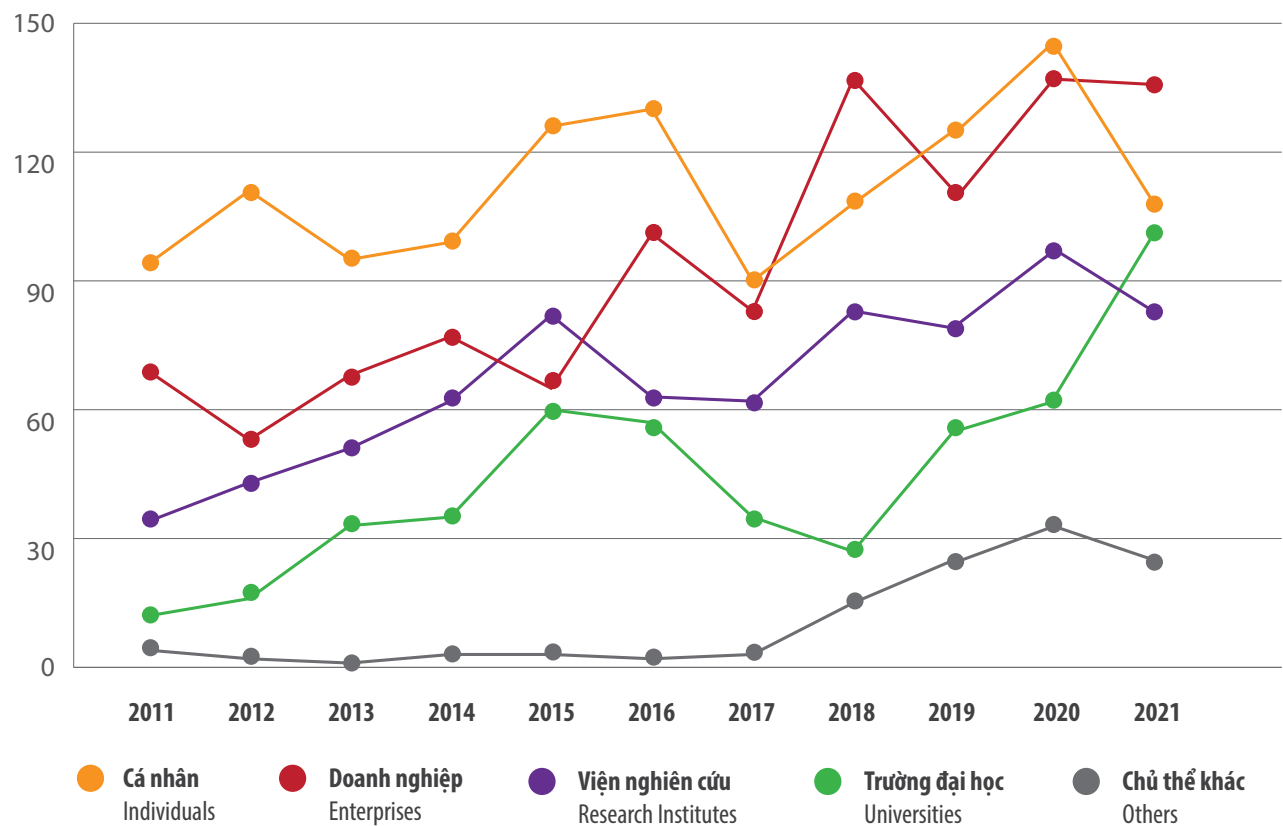
Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Utility solution patents granted from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner





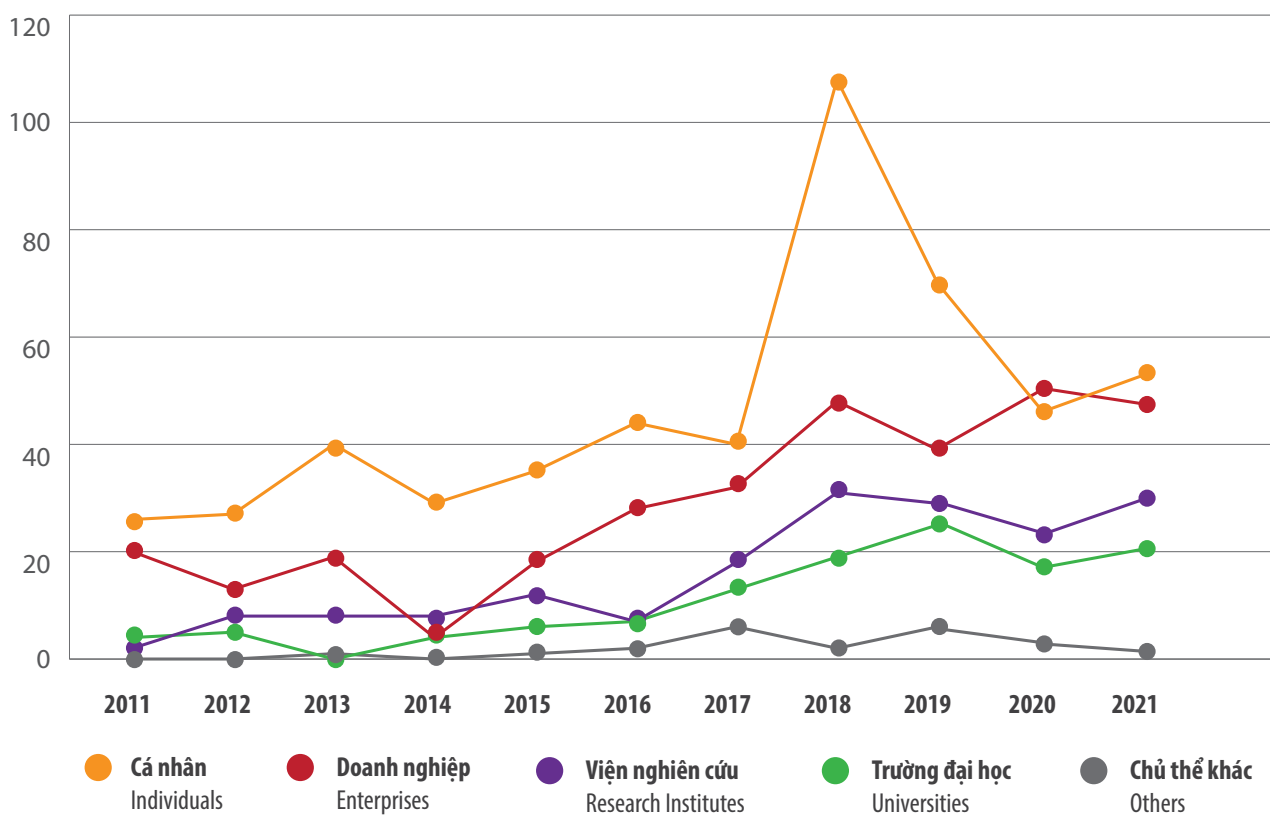
Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2011-2021 theo chủ thể

Vietnamese invention applications by holders from 2011 to 2021

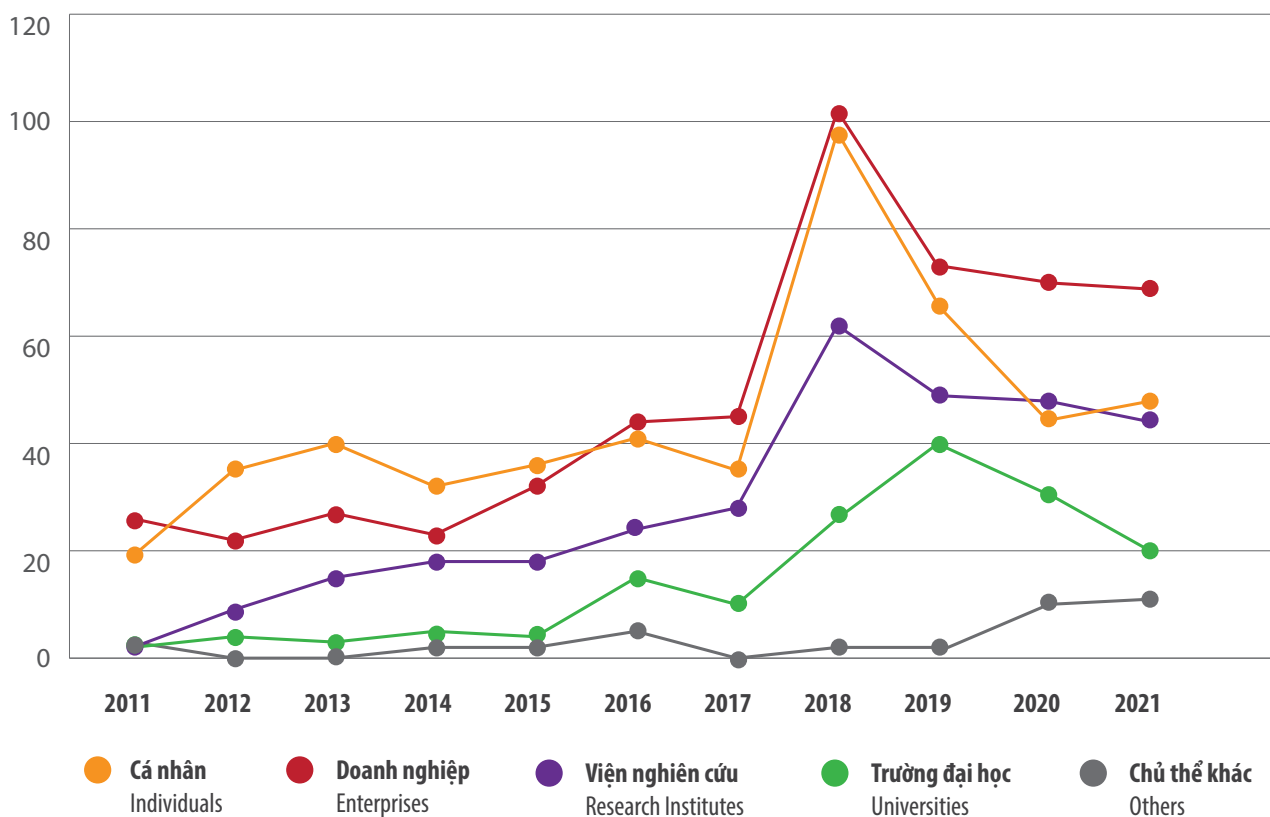


Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2011-2021 theo chủ thể

Vietnamese utility solution applications by holders from 2011 to 2021



Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2011-2021 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese inventions by holders from 2011 to 2021

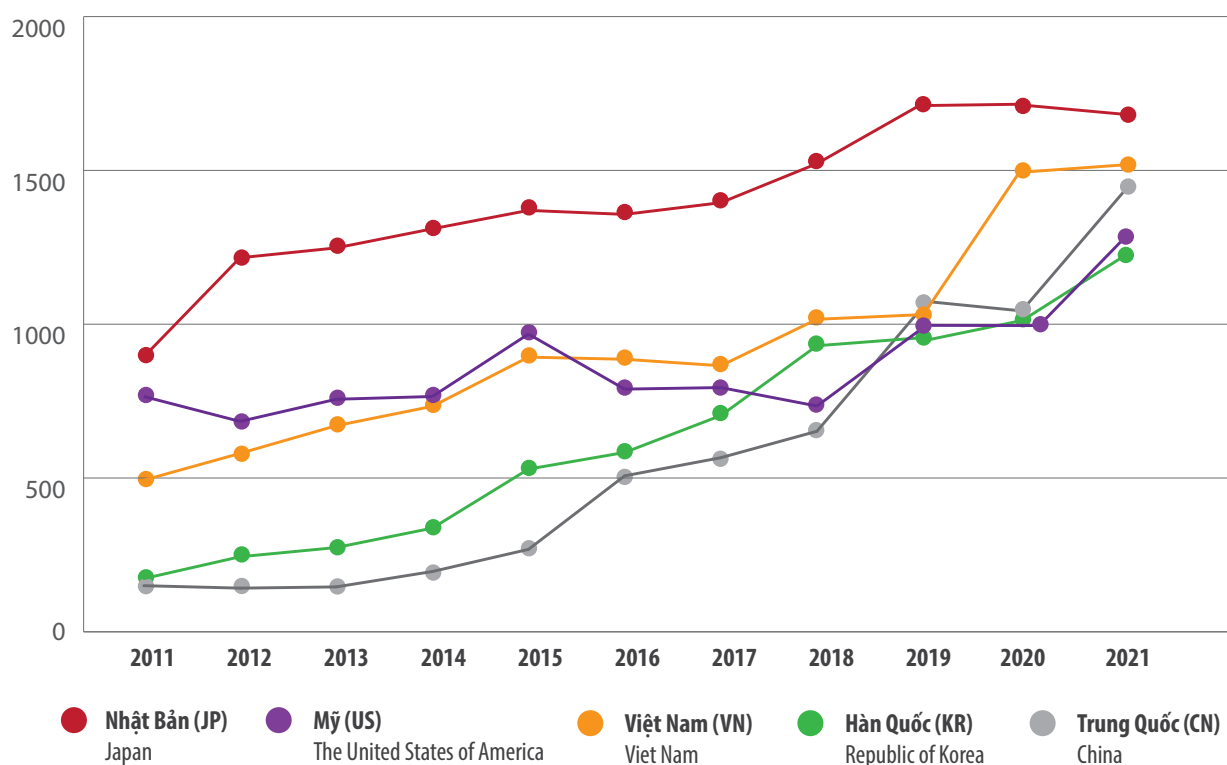


Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2011-2021 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese utility solutions by holders from 2011 to 2021

- Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho Cục SHTT theo nước xuất xứ/vùng lãnh thổ từ năm 2010 đến 2021

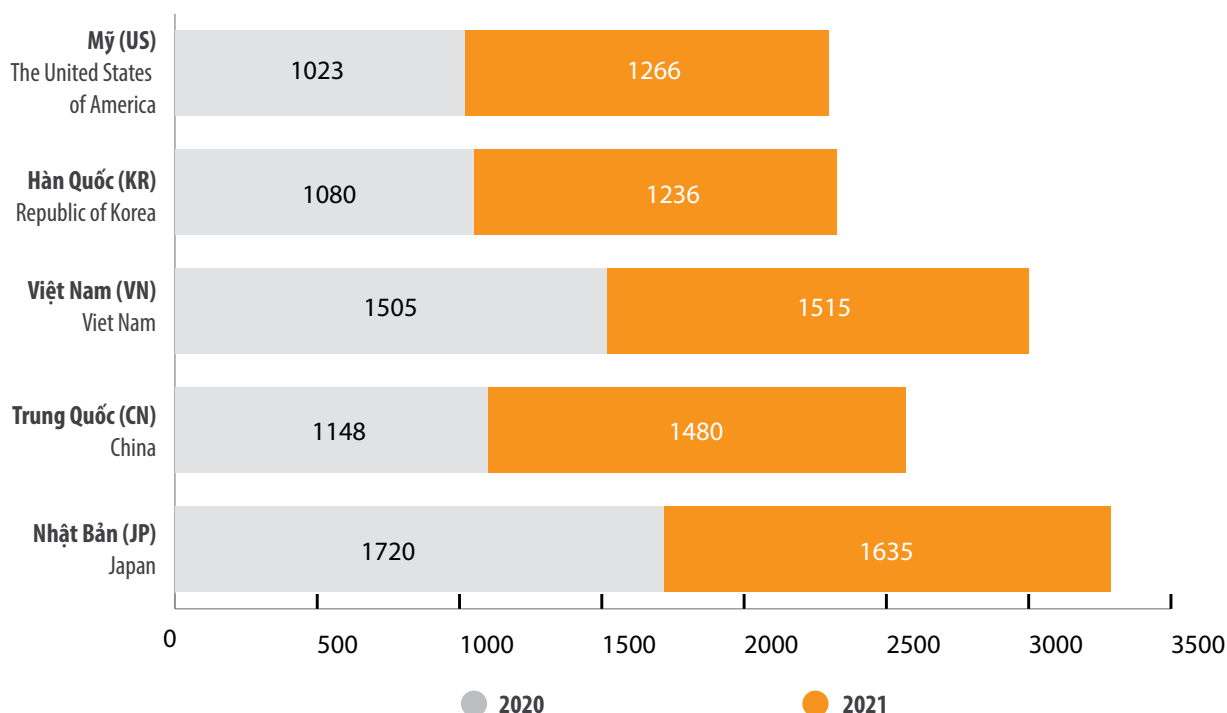
Patent and utility solution applications directly filed with IP VIET NAM by country/territory of origin from 2010 to 2021

Nước/vùng lãnh thổ xuất xứ Country/Territory of Origin	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Ôxtrâliya (AU) Australia	41	53	28	34	43	44	43	37	57	57	58	43
Bỉ (BE) Belgium	53	45	47	37	29	42	30	42	34	52	39	57
Canada (CA) Canada	17	28	24	25	22	16	31	22	11	19	19	32
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	153	154	200	192	205	189	234	174	211	182	132	170
Trung Quốc (CN) China	139	150	142	146	196	268	507	566	652	1221	1148	1480
CHLB Đức (DE) Germany	216	282	206	206	214	212	240	210	259	279	289	295
Đan Mạch (DK) Denmark	35	48	19	28	33	28	24	28	43	46	49	50
Pháp (FR) France	140	144	138	127	127	118	94	100	102	88	104	115
Anh (GB) Great Britain	71	63	63	63	67	41	45	60	82	70	69	128
Italia (IT) Italy	41	47	43	46	45	66	61	63	59	76	64	87
Nhật Bản (JP) Japan	823	894	1216	1248	1310	1370	1357	1395	1522	1734	1720	1635
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	191	173	244	274	337	529	583	703	930	977	1080	1236
Hà Lan (NL) Netherlands	98	118	96	115	99	126	124	106	111	133	127	73
Na Uy (NO) Norway	10	9	19	14	16	8	8	8	17	13	19	17
Thụy Điển (SE) Sweden	51	35	29	40	40	54	50	52	70	74	80	115
Đài Loan (TW) Chinese Taipei	202	187	181	185	184	173	242	229	282	352	341	294
Mỹ (US) The United States of America	832	765	684	756	765	968	789	794	734	993	1023	1266
Việt Nam (VN) Viet Nam	521	493	580	670	733	893	886	865	1016	1115	1505	1515
Các nước khác Other countries/territories	247	307	298	294	355	340	358	362	436	638	502	522
Tổng số Total	3881	3995	4257	4500	4820	5483	5706	5816	6628	8119	8368	9130



Sự gia tăng tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của các nước có đơn nộp nhiều nhất trong giai đoạn 2011 đến 2021

The increase in invention and utility solution applications of top countries during 2010 -2020



Tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của các nước nộp nhiều nhất năm 2020 so với năm 2021

Invention and utility solution applications of top countries in 2020 in comparison with 2021



Số lượng đơn sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2011 - 2021 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Invention applications by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2011 to 2021 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Săn bắn; Đặt bẫy; đánh cá	18	747	28	675	40	809
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	14	1	10	0	17
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	7	0	0	0	0
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	12	243	16	320	44	351
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	1	11	0	18	0	22
6	A41	Quần áo	2	13	1	23	3	10
7	A42	Mũ nón	0	5	0	10	0	9
8	A43	Sản xuất giấy dếp	1	35	1	50	3	38
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	13	0	35	0	11
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	1	15	4	8	0	10
11	A46	Đồ dùng để chải	0	18	0	51	0	50
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	10	49	11	55	10	55
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	34	2945	39	2739	45	2395
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	0	27	7	7	0	17
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	5	11	3	13	3	9
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	22	259	15	348	31	374
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	4	20	5	3	4	23
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	1	17	5	18	1	12
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	6	0	10	7	2
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	47	3	29	10	70
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	4	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	3	6	1	8	1	19
24	B08	Làm sạch	1	5	5	1	0	9
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	0	11	2	10	0	15
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	34	0	51	0	52
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	53	0	66	1	34
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	40	0	100	2	56
29	B24	Mài; đánh bóng	0	15	2	63	0	21
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	1	12	1	12	1	11
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	10	1	13	0	17
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	4	7	0	15	0	17
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	14	6	6	3	1	24
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	3	115	1	114	3	100
35	B30	Máy ép	1	1	0	8	0	4
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	5	0	12	1	5
37	B32	Các sản phẩm có lớp	2	97	3	122	2	116

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
49	696	53	563	86	573	60	577	65	595	64	633	120	678	60	713
3	7	0	15	2	11	0	0	3	9	3	22	7	57	0	52
0	2	1	6	0	3	0	7	0	0	0	1	2	2	2	6
20	372	20	375	43	267	29	290	40	433	60	554	70	515	67	590
0	72	0	27	1	84	0	29	0	75	0	67	9	70	0	101
3	16	0	28	2	27	4	57	4	47	8	73	10	65	10	85
0	7	1	2	2	4	1	3	1	1	2	21	1	4	0	17
1	87	7	148	4	166	2	123	2	174	0	220	3	220	3	271
0	21	1	41	0	30	0	29	3	42	2	45	1	28	0	21
1	24	1	26	2	21	0	20	4	44	4	43	22	23	2	36
3	27	0	41	0	54	2	10	1	16	3	25	1	11	0	16
33	86	26	63	14	94	19	108	19	148	37	121	11	125	24	214
62	2821	77	3086	61	2745	48	2705	122	3039	196	3602	250	3299	216	3705
1	18	6	12	13	19	4	19	5	40	3	36	13	18	22	28
6	44	7	25	14	36	3	31	2	53	2	75	6	74	8	115
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0
31	314	19	261	26	204	47	292	24	344	26	427	46	354	76	378
2	9	7	16	2	19	4	5	5	13	1	30	7	13	4	12
2	9	1	11	0	14	1	6	1	17	5	19	1	21	7	13
2	10	0	12	0	11	1	3	0	1	0	3	2	0	1	7
6	63	3	48	3	64	7	79	2	52	4	134	2	124	4	62
0	1	0	1	0	0	0	3	0	5	0	1	1	1	3	1
1	11	3	16	1	4	1	12	1	7	0	26	3	10	4	8
2	9	2	11	2	10	1	12	2	25	6	29	5	11	0	12
8	14	3	12	3	14	4	13	3	12	10	18	2	19	10	13
2	100	2	78	6	64	5	60	0	83	2	135	1	84	2	71
5	41	2	54	2	44	1	49	0	62	2	108	2	54	6	82
7	96	5	91	6	93	4	88	5	101	6	143	2	156	11	229
2	26	1	31	0	23	0	30	1	34	0	27	1	27	1	19
1	13	7	10	5	21	1	38	1	28	0	40	16	49	6	69
0	19	2	19	3	9	1	27	1	31	2	52	0	23	4	56
0	7	1	10	7	8	1	0	1	32	8	29	2	6	1	21
1	16	0	17	3	34	1	28	7	36	5	63	4	14	3	19
13	110	3	156	7	217	5	174	4	257	8	317	15	324	15	352
1	2	1	2	0	15	4	1	0	2	1	10	2	0	0	6
0	3	1	8	0	14	0	6	1	24	2	5	1	25	1	5
5	113	18	112	2	136	6	232	2	226	3	336	6	348	10	324

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	1	38	6	53	1	32
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	13	0	23	1	16
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	2	6	3	4	0	5
42	B44	Nghệ thuật trang trí	1	2	2	9	0	3
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	5	84	6	94	14	115
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	10	10	3	4	2	16
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	14	141	4	250	4	249
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	6	29	7	52	8	44
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	4	1	2	1	3	4
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	7	178	15	279	9	299
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	4	15	5	9	4	13
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	12	2	6	0	8
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	1	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	4	1	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	1	0	0	1	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	18	65	5	62	9	72
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	12	117	6	108	19	179
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	1	28	0	46	4	54
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	17	35	9	84	14	88
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	35	16	34	13	19
60	C06	Các chất nổ; diêm	1	0	0	0	0	2
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	31	1798	14	1474	18	1488
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	7	324	24	382	9	415
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	1	177	4	203	0	231
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	5	155	19	163	17	193
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	2	94	6	121	2	171
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	8	368	28	275	22	367
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	7	0	5	0	7
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	2	2	3	0	6
69	C21	Luyện gang, thép	0	57	0	113	1	102
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	6	74	11	140	0	215
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	1	41	0	40	0	58
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	4	3	3	0	3
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	1	0	10	0	11	12	25	2	22
0	52	3	73	2	111	3	99	0	81	2	124	2	77	1	95
0	7	1	7	2	3	2	9	0	35	0	35	0	13	4	6
4	1	6	4	5	2	1	3	1	11	0	0	1	3	0	3
0	3	0	6	0	8	0	6	1	4	2	8	0	13	0	9
7	130	19	116	10	112	14	177	9	219	10	227	11	235	23	218
4	44	3	1	6	4	1	7	3	20	2	12	2	13	2	11
5	197	6	341	7	182	2	155	9	190	8	294	4	274	4	262
9	30	6	43	4	40	6	42	7	39	2	41	9	49	5	50
4	4	4	5	2	3	2	0	9	18	5	17	2	15	12	3
7	250	15	311	10	313	10	285	7	411	26	449	10	378	16	318
4	20	10	5	11	23	2	17	5	41	1	25	5	40	9	33
0	16	0	4	1	19	0	9	0	34	0	55	0	16	0	30
0	0	0	1	0	2	0	1	0	1	0	0	0	2	0	2
2	1	0	1	0	0	2	0	1	1	2	1	1	0	1	0
3	1	2	5	3	7	2	5	12	6	5	8	26	9	27	6
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	68	15	67	16	65	6	86	26	60	13	85	23	100	35	70
32	105	30	94	23	138	28	122	21	127	31	173	44	147	22	85
0	72	2	44	3	57	2	69	3	122	0	143	1	255	3	211
5	72	11	91	54	126	11	125	6	119	15	213	25	133	20	131
17	20	9	26	11	28	11	20	16	32	9	50	31	45	23	59
0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	1	0	1	6
30	1449	35	1517	31	1356	41	1354	28	1574	49	1681	45	1406	45	1862
6	354	11	411	3	472	12	567	11	553	12	802	35	701	16	742
9	200	4	180	19	238	8	284	15	344	5	441	12	417	18	310
17	210	6	157	13	94	8	126	14	181	8	164	15	94	3	132
8	198	4	155	8	123	9	178	5	224	27	139	21	174	3	104
33	366	41	337	34	266	32	408	48	439	65	662	69	570	65	693
0	5	0	14	0	1	0	7	0	4	1	9	0	7	0	1
2	2	0	1	2	1	0	4	0	0	0	8	0	9	0	12
1	174	1	122	0	99	2	144	0	103	2	207	0	137	2	162
3	281	7	252	4	217	4	259	8	251	1	491	7	294	8	351
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	224	4	261	0	0
4	62	1	34	1	59	5	73	2	65	4	108	2	118	9	57
0	4	3	2	0	4	0	4	15	0	0	0	0	5	2	7
0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	4	0	0	0	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	18	2	40	0	32
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	5	0	4	0	14
78	D03	Dệt	0	4	0	12	0	5
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	15	0	18	0	25
80	D05	Máy; thêu; sản xuất hàng có cắm lông	1	10	0	8	0	29
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	62	3	57	0	63
82	D07	Dây cáp, dây chèo hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	3	0	5	0	2
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	2	27	0	50	0	34
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	1	15	2	26	2	20
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	9	73	19	49	9	52
87	E03	Cấp nước; thoát nước	1	6	6	24	6	26
88	E04	Công trình xây dựng	18	84	18	108	21	77
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	7	25	4	24	0	18
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	4	15	3	8	3	8
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	28	1	44	0	45
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	3	40	0	75	9	80
94	F02	Các động cơ đốt trong; các thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	4	95	0	114	8	122
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	9	25	12	32	17	35
96	F04	Máy thủy lực dẫn nở thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	8	17	2	48	7	20
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	4	8	1	0	0	9
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	18	187	18	144	21	191
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	7	0	14	0	10
100	F21	Chiếu sáng	0	17	0	34	6	24
101	F22	Sinh hơi	0	3	0	7	0	21
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	1	28	7	46	6	61
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	3	40	14	31	3	31
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hóa lỏng hay hoá rắn các chất khí	0	31	2	40	1	28
105	F26	Sấy	2	5	2	12	4	19
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	28	1	54	1	38
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	17	1	15	2	15
108	F41	Vũ khí	1	1	6	2	1	2
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	3
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	9	132	5	94	11	104
112	G02	Quang học	0	32	0	46	1	50
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	3	40	3	36	3	87
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	1	0	0	0	3
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	0	8	1	8	1	20
116	G06	Tính toán; Đếm	6	147	14	156	33	210
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	8	3	12	0	39

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	30	4	30	0	56	2	60	1	38	1	90	0	94	4	63
0	12	2	7	0	11	0	21	0	8	0	16	1	16	0	32
0	3	0	11	0	26	1	19	3	37	0	17	3	32	0	36
0	36	0	47	0	58	0	70	1	87	0	80	2	95	5	100
0	24	0	15	1	33	0	29	0	35	0	31	0	35	0	18
0	95	2	71	11	86	0	158	17	130	4	127	6	218	5	161
0	0	0	0	0	6	0	2	0	5	0	6	0	12	0	3
0	30	1	46	0	29	0	63	0	79	0	69	0	61	1	61
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	26	6	16	6	17	7	24	7	32	4	48	11	24	13	28
16	58	42	36	27	71	37	57	38	80	15	71	14	56	33	97
7	37	12	20	27	28	12	31	4	36	5	19	4	44	7	23
19	82	38	94	40	84	28	96	19	194	22	187	23	147	28	165
6	23	2	22	1	29	6	38	4	42	2	56	3	55	0	27
0	41	3	18	7	31	4	35	1	30	7	45	7	38	1	19
2	51	7	37	7	37	8	19	1	30	2	47	5	30	1	22
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	51	1	38	10	42	1	67	1	71	3	70	2	59	6	68
4	127	10	107	16	114	3	104	5	95	8	151	19	94	6	139
21	18	21	19	19	28	29	35	12	27	23	30	23	58	19	39
6	22	1	19	4	47	5	82	5	51	14	58	4	58	4	51
0	3	0	7	0	11	3	16	0	27	3	44	3	30	3	21
18	215	22	112	10	173	7	238	14	297	10	361	15	295	5	236
0	16	0	11	2	4	0	19	0	12	1	12	2	16	0	18
3	31	4	21	1	43	3	55	11	38	8	182	8	63	9	56
0	28	0	15	2	16	1	8	6	13	5	13	0	15	1	7
13	44	24	36	5	46	10	32	8	31	12	51	10	79	14	43
7	55	9	59	5	49	7	72	7	112	3	148	15	104	15	182
2	30	2	54	5	74	5	94	2	53	5	72	1	78	6	72
7	16	6	10	9	11	4	21	1	35	2	24	4	10	5	14
0	56	3	45	0	33	1	33	0	42	1	32	3	38	0	45
0	18	1	6	0	22	0	38	3	52	0	32	0	42	1	38
0	0	1	3	1	8	4	5	3	4	2	8	1	18	1	8
0	2	0	2	1	0	0	0	3	6	0	0	3	4	7	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	153	32	132	23	206	100	233	41	229	60	371	69	393	90	410
0	57	1	110	8	174	9	189	11	248	12	256	21	297	7	240
3	70	1	87	9	65	5	81	2	107	0	99	3	74	3	174
0	1	0	1	0	1	0	0	0	12	0	7	1	6	1	1
3	17	3	12	3	25	5	35	4	39	3	48	6	32	10	47
20	221	24	281	30	276	47	400	36	649	52	801	76	607	171	845
1	35	1	45	4	30	6	68	2	42	3	25	5	38	8	26



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
118	G08	Phát tín hiệu	1	12	3	8	3	13
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	13	2	14	4	26
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	2	16	3	32	1	31
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	55	0	66	0	28
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	1	6	0	13	1	24
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	5	240	5	232	9	240
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	4	85	5	104	7	107
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	3	14	2	33	6	18
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	5	627	9	510	15	591
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	2	43	2	66	1	77
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

Số lượng đơn giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2011 - 2021 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Utility solution applications by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2011 to 2021 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bản; Đặt bẫy; đánh cá	18	0	16	5	30	5
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	0	1	0	0	1
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	1	0	2	1	0
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	9	0	15	0	8	3
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	1	0	2	0	0	0
6	A41	Quần áo	1	0	0	1	0	0
7	A42	Mũ nón	3	1	4	0	0	1
8	A43	Sản xuất giấy dép	4	11	0	12	0	10
9	A44	Tạp hóa; Đồ kim hoàn	0	1	0	2	0	1
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	1	0	1	0	4	2
11	A46	Đồ dùng để chải	0	0	0	0	1	3
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	9	3	9	4	10	8
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	24	2	20	6	17	9
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	4	5	0	1	0	0
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	0	3	4	0	8	3
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	6	6	19	9	19	2
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	2	0	3	0	2	0
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	1	0	3	0	0	0
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
6	41	9	30	4	43	5	43	8	37	5	63	19	41	8	38
5	27	1	33	5	42	5	43	8	100	5	108	4	122	7	130
4	10	3	113	3	204	3	86	3	52	1	60	4	159	7	108
0	19	0	13	1	20	0	10	2	9	0	23	1	16	0	10
0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	10	0	0
0	7	0	15	0	32	1	27	0	11	0	27	0	27	0	20
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	242	5	308	10	377	40	412	28	642	44	743	39	758	47	994
9	121	16	110	12	163	25	166	16	185	23	256	20	253	20	283
0	23	0	21	0	38	5	59	8	25	5	64	0	39	0	24
10	635	15	897	11	1081	51	1122	37	1408	50	2732	59	2862	81	4559
3	112	2	101	7	91	3	79	5	163	8	160	26	202	17	173
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
47	12	40	21	33	15	49	21	38	10	69	7	57	6	61	7
0	0	3	0	1	0	0	0	2	0	1	0	4	1	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0
20	0	37	5	20	2	21	0	35	4	56	0	53	3	50	4
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	4	0	0	2
5	0	0	1	0	1	3	7	2	7	3	1	6	4	0	3
0	0	2	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	2	3	1
1	17	0	21	0	21	0	14	2	8	1	16	1	12	0	13
0	0	1	1	0	1	0	6	0	0	1	1	0	0	0	1
1	4	1	2	4	1	1	2	1	1	0	0	15	4	1	1
0	0	1	0	0	0	1	2	0	0	0	5	0	0	0	0
7	4	7	22	7	12	16	13	9	19	13	22	18	19	13	17
24	7	25	24	32	4	35	11	49	11	61	45	116	28	98	37
0	1	0	0	4	0	2	0	0	2	7	0	5	3	3	3
4	5	0	0	0	1	1	1	2	15	4	5	0	3	1	4
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	6	7	12	17	5	11	5	19	7	11	4	14	5	17	14
1	1	2	3	3	0	1	1	4	0	1	4	4	0	3	6
4	0	0	0	1	0	3	0	1	0	0	0	2	1	1	0
0	1	0	0	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	1	1	0	2	4	0
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	0	0	1	0	1	0
24	B08	Làm sạch	0	0	0	0	2	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	0	0	3	0	0	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	1	1	0	4	0
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	0	0	0	0	0
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	11	1	0	0	4	0
29	B24	Mài; đánh bóng	0	0	0	0	1	0
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phẫu thuật; các tay máy	1	3	0	1	0	1
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	0	0	1	1	2
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	2	0	2	0	2	0
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	1	0	0	0	3	0
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	2	8	1	2	4	7
35	B30	Máy ép	0	0	3	0	0	0
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	1	0	0	0	0
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	1	0	2	1	1
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	1	0	1	0	0	2
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	3	0	0	0	0	0
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	1	2	0	1	0	0
42	B44	Nghệ thuật trang trí	2	0	0	0	0	0
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	2	4	3	1	6	7
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	0	0	2	0	0	0
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	3	10	5	17	3	5
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	4	0	2	0	1	0
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	1	0	1	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	3	12	5	19	24	19
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	0	0	3	3	2	0
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	1	1	1	0	0	0
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	1	0	0	0	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	2	1	5	0	7	0
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	14	0	14	2	11	0
57	C03	Thủy tinh, bóng khoáng hay bóng xỉ	0	0	0	1	1	1
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	4	1	5	0	4	0
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	3	0	3	0	1	1
60	C06	Các chất nổ; diêm	3	0	1	0	1	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	4	1	7	0	27	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	8	3	2	0	1	3	1	5	0	2	2	6	1	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
2	0	2	0	0	2	2	0	7	3	0	0	2	2	0	0
0	1	1	0	0	0	3	0	2	0	4	3	4	0	6	0
1	1	2	0	2	0	1	0	2	0	3	0	3	2	11	0
0	0	1	2	3	6	1	0	0	1	5	1	2	1	3	0
0	4	2	0	0	0	0	0	2	0	1	0	1	1	1	0
2	0	4	6	0	2	0	9	0	3	4	10	1	5	1	1
0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0
1	0	1	6	2	1	0	0	3	5	1	7	0	0	7	3
0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3	0	1
0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	1	2	0	0	0
2	0	8	1	4	0	4	1	4	0	1	0	1	0	4	2
1	3	3	12	1	20	2	6	1	4	3	4	0	3	9	6
2	0	0	0	0	1	1	0	1	0	3	0	3	1	1	0
0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	2	0	0	1	0
0	2	3	3	5	3	0	4	1	2	1	6	2	11	2	10
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0
0	3	0	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	4
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	2	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	2	0
1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0
3	10	1	4	2	7	3	17	1	9	7	9	2	4	4	8
0	0	2	0	3	0	0	2	3	0	0	0	2	0	0	0
1	7	2	13	0	16	1	12	4	4	1	8	0	3	5	2
1	0	11	1	2	0	6	0	3	2	2	1	0	1	4	0
0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0
8	15	6	15	6	16	8	15	13	19	10	25	22	30	7	29
1	1	0	0	0	4	0	6	2	0	8	0	5	3	6	1
0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
0	0	0	1	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
1	0	0	0	1	0	2	0	1	0	2	1	4	0	5	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	0	5	0	10	0	8	0	8	1	15	0	6	0	4	0
11	0	31	6	17	1	22	2	28	9	19	4	27	7	15	4
0	1	3	0	4	0	1	0	1	3	4	2	0	0	1	0
3	0	5	5	13	0	11	0	15	2	14	0	13	0	7	3
12	0	7	0	16	0	12	0	11	0	11	0	8	0	13	0
0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	1	0	0	0	0	1
13	1	16	0	13	0	33	1	20	1	23	2	18	0	18	2



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	0	1	5	0	8	6
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	0	4	4	1	0
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	6	0	11	0	8	0
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	2	1	1	0	2	0
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	20	4	22	3	12	0
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	1	0	0	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	2	0	0	0	0	0
69	C21	Luyện gang, thép	0	1	0	0	0	0
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	1	1	0	8	0
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đồng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	1	3	2	0	6	0
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	2	0	3	0	0
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	1	0	0
78	D03	Dệt	0	0	0	0	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất dệt ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	0	0	0	0	3
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cầm lông	0	3	0	3	0	3
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	1	1	0	2	2
82	D07	Dây cáp, dây chèo hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	4	0	0	0	0	1
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	1	0	1	0	0	0
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	3	0	3	2	1	0
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	6	3	1	3	13	1
87	E03	Cấp nước; thoát nước	7	0	3	0	3	2
88	E04	Công trình xây dựng	16	5	13	3	12	1
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	1	9	2	0	4	4
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	3	5	9	2	11	0
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	0	1	0	0	0
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	2	1	0	1	3
94	F02	Các động cơ đốt trong; các thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	0	0	1	0	2	2
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	5	1	1	2	0	2
96	F04	Máy thủy lực dẫn nở thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	3	3	2	3	1	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
2	1	7	0	6	4	6	3	3	0	17	2	10	1	21	5
2	1	6	0	4	0	11	1	4	0	7	1	11	1	4	1
8	0	6	0	2	0	3	0	12	0	3	0	4	0	0	0
4	0	10	12	1	0	0	0	6	1	10	0	11	2	5	5
9	0	26	0	37	0	21	0	51	1	65	1	49	0	39	2
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
3	0	5	0	2	0	2	0	0	0	3	0	4	1	5	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0
0	1	3	0	2	0	0	0	2	1	2	2	3	0	1	0
0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	2	0	3	3	0	0	0	9	0	0	3	1	2	2
0	1	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	0	0	0
0	4	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	1	0
0	1	0	5	0	1	0	0	0	0	0	4	0	8	0	0
0	3	0	5	0	3	0	1	0	16	0	5	0	3	0	1
1	1	0	4	3	0	0	2	7	7	1	0	0	7	0	3
0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1	4	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	1	4	0	4	0	4	0	2	5	2	8	1	2	3	1
5	3	15	3	17	0	13	1	40	1	32	3	13	3	22	0
9	3	2	1	20	1	7	0	23	0	17	0	18	3	4	3
9	4	10	6	11	1	21	11	20	3	18	9	19	4	14	9
5	0	1	2	2	11	2	2	2	4	5	0	0	2	1	1
7	0	3	1	12	7	2	0	1	2	12	12	10	0	3	6
1	0	6	0	2	1	0	0	2	2	3	0	5	2	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	1	0	0	2	0	0	1	0	1	0	0	1	0	0	1
5	1	0	0	3	0	4	2	0	1	2	2	2	0	3	0
5	1	4	0	3	1	2	1	1	1	1	2	1	0	3	0
1	3	1	8	4	1	4	4	0	2	1	3	0	2	0	0



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	11	4	6	0	6	2
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	3	0	0	0	1
100	F21	Chiếu sáng	0	0	1	2	9	4
101	F22	Sinh hơi	0	1	0	0	0	0
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	6	1	2	2	9	0
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	2	5	6	6	6	0
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hóa lỏng hay hoá rắn các chất khí	0	0	4	0	2	0
105	F26	Sấy	1	0	13	0	3	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	1	2	1	0	1	0
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	0	0	1	0	0
108	F41	Vũ khí	0	1	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	2	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	2	4	2	1	5	3
112	G02	Quang học	0	0	0	0	0	0
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	0	0	0	0	1
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	0	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	1	1	7	0	3	0
116	G06	Tính toán; Đếm	3	11	2	4	9	2
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	2	1	0	0	0
118	G08	Phát tín hiệu	1	0	2	0	3	2
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	5	0	1	1	2	1
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	2	0	0	0	0
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	0	0	0	0	0
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	3	6	6	8	7	10
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	3	5	1	3	9	6
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	1	0	0	0	0	0
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	1	4	3	0	5	0
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	1	0	2	1	5
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

Số lượng bằng sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2011 - 2021 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Invention Patents granted by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2011 to 2021 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bắn; Đặt bẫy; Đánh cá	1	158	3	83	19	116
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	1	0	0	3	3
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	2	0	0	0	0



2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	1	1	1	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0
0	11	2	7	4	3	6	10	11	9	8	12	4	6	4	6
0	0	0	0	1	1	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0
1	3	5	0	2	1	4	3	4	11	7	0	3	2	4	15
2	1	0	0	0	0	4	0	0	2	0	0	0	0	0	0
16	0	9	1	5	5	13	1	8	0	6	2	0	4	4	1
6	3	9	2	3	5	4	7	1	9	9	7	13	7	4	2
0	1	5	0	0	1	1	4	1	2	1	1	2	1	1	2
3	0	5	0	1	0	0	1	3	0	0	1	2	0	4	1
0	0	0	0	0	1	0	0	3	0	4	0	0	0	0	0
0	1	3	1	0	1	0	0	0	0	1	2	1	0	0	0
5	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	1
0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	4	14	0	32	4	10	4	11	8	33	9	30	4	37	8
0	2	1	1	0	1	0	0	0	0	11	3	4	5	2	1
0	0	0	1	3	0	1	0	0	3	1	2	4	4	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0	0	0
1	0	1	0	8	0	2	2	9	0	12	2	2	1	10	0
22	0	4	2	20	4	12	9	19	13	27	20	22	4	11	2
1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	1	1
4	4	8	0	9	0	9	0	3	0	8	1	6	3	6	0
0	0	2	0	4	8	4	0	3	4	3	2	0	1	0	1
3	1	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	11	5	5	13	13	10	6	4	20	15	25	13	28	10	5
3	5	4	0	14	7	0	4	11	10	16	12	3	15	26	8
0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	3	0	0	1	2	0
17	1	5	2	15	1	7	2	7	4	21	1	19	7	18	1
2	3	2	1	3	2	6	0	6	4	6	1	4	3	4	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
6	156	8	172	1	177	4	198	23	328	17	480	10	530	15	377
0	8	0	0	0	0	0	1	0	1	0	3	0	21	0	7
0	0	0	0	0	0	0	2	0	5	0	0	0	5	0	4

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	3	66	1	22	1	64
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	3	0	6	0	2
6	A41	Quần áo	0	3	0	3	0	11
7	A42	Mũ nón	0	6	2	0	0	0
8	A43	Sản xuất giấy dếp	0	13	0	10	0	20
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	3	1	2	0	3
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	0	0	3	0	6
11	A46	Đồ dùng để chải	0	11	0	6	0	26
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	1	18	0	10	6	25
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	1	785	4	656	8	758
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	4	0	2	1	0	2
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	3	1	5	3	1	13
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	1	31	5	73	6	75
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	1	5	1	3	2	6
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	1	0	3	2	1	7
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	3	0	0
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	7	1	13	1	19
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	0	1	0	1	0	2
24	B08	Làm sạch	0	1	0	2	0	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	1	0	1	3	0	7
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	23	0	15	0	21
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	19	0	4	0	20
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	1	13	0	27	0	18
29	B24	Mài; đánh bóng	0	0	0	5	1	6
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	9	0	3	0	6
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	6	0	4	0	0
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	1	1	0	2	0	2
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	0	8	0	2	0	12
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	17	0	24	1	38
35	B30	Máy ép	0	3	0	1	0	1
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	1	0	0	0	3
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	21	0	24	0	45
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	27	0	11	0	8
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	3	0	2	0	4
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	2	0	1	0	1
42	B44	Nghệ thuật trang trí	1	2	1	1	0	1
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	2	17	3	23	1	38
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	1	2	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
4	42	1	51	2	78	2	67	5	112	15	138	10	401	5	249
0	2	0	3	0	2	0	0	0	9	0	38	0	35	0	23
0	10	0	6	0	4	1	3	0	7	1	17	1	30	4	40
0	0	0	0	0	0	1	0	1	5	1	12	0	1	0	5
0	24	0	26	0	23	0	48	7	53	0	98	1	167	0	110
0	5	0	4	0	1	0	6	0	7	0	39	0	34	0	46
0	7	0	4	3	3	0	7	0	5	0	6	0	20	1	15
0	25	0	12	0	3	0	5	1	10	0	13	0	11	0	4
2	5	6	11	6	17	9	25	15	40	4	45	10	66	2	94
6	766	11	810	7	791	5	1112	31	1163	27	1576	22	2321	41	1965
0	1	0	1	2	8	0	2	0	10	3	9	0	13	0	23
0	3	0	4	1	7	1	7	11	26	0	13	1	37	0	14
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	88	3	69	2	77	6	85	19	98	13	288	3	342	5	234
0	9	0	10	4	10	4	3	2	2	0	14	2	29	1	18
0	10	0	1	1	6	0	5	1	1	0	16	2	23	1	9
0	8	0	2	1	2	2	1	1	2	0	3	0	18	0	0
0	14	2	20	0	19	0	16	1	30	3	25	0	78	1	91
0	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
0	3	0	0	1	0	0	2	0	0	0	8	0	12	0	2
0	1	0	2	0	0	0	5	0	2	0	21	0	11	0	11
0	6	0	3	0	2	6	3	4	7	3	19	1	21	1	13
0	30	0	19	0	12	0	31	5	50	0	60	0	75	0	71
0	15	1	25	0	14	0	10	0	9	0	52	0	77	0	54
0	22	0	25	0	37	0	36	5	14	5	39	3	126	5	131
0	6	0	27	0	11	0	14	1	21	0	12	1	30	0	21
0	4	0	4	0	3	0	12	1	4	2	14	3	21	5	35
0	0	0	10	0	5	0	6	1	4	1	10	2	35	2	13
0	2	0	10	1	7	1	4	4	5	5	12	0	3	2	15
1	1	0	7	0	2	0	1	2	5	0	7	7	15	3	12
0	41	0	25	5	53	4	28	3	70	0	121	2	252	1	248
0	2	0	1	0	4	0	4	0	0	1	1	0	13	3	6
0	2	0	1	0	0	0	1	0	9	0	2	0	8	0	4
1	47	0	35	3	38	1	31	0	46	0	111	1	211	9	197
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7
0	17	0	25	0	21	3	23	4	23	0	49	0	102	0	87
0	2	0	3	0	3	0	11	0	7	0	5	0	3	0	14
0	2	1	1	0	6	0	3	6	4	6	0	0	7	1	18
0	1	0	4	0	2	0	1	2	8	0	1	0	2	0	8
0	54	5	54	1	35	2	75	6	82	3	95	1	185	2	140
0	0	0	2	0	0	0	6	1	10	1	11	0	28	0	4

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	2	53	2	80	8	127
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	0	14	0	19	1	3
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	1	3	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	0	50	1	38	0	60
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	0	7	0	3	0	7
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	1	0	1	0	2
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	0	1	1	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	1	15	7	27	0	14
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	4	17	12	33	3	47
57	C03	Thủy tinh, bóng khoáng hay bông xỉ	0	7	0	14	0	4
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	7	8	6	18	1	27
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	2	3	0	4	1	4
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	4	502	3	588	5	554
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	0	75	0	124	0	79
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	1	26	2	49	2	91
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	2	36	0	35	2	70
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	0	60	0	33	0	70
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	1	60	1	62	1	128
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	0	4	0	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	2	0	3	0	1
69	C21	Luyện gang, thép	0	5	0	35	1	16
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	16	0	13	1	16
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng chặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	8	0	16	3	7
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	2	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	17	0	3	0	20
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	1	0	4	0	1
78	D03	Dệt	0	2	0	6	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	5	0	7	0	15
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cắm lông	0	0	0	2	0	7

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
6	109	2	173	2	127	2	265	2	259	0	250	1	282	4	194
0	21	0	15	4	20	3	38	4	12	3	13	2	50	2	30
0	0	1	0	1	2	0	5	10	3	0	0	0	1	3	3
1	49	7	83	2	101	6	158	9	227	5	143	2	286	0	268
0	6	0	1	3	5	11	9	3	12	0	19	1	23	1	20
0	0	1	1	0	10	0	8	1	10	0	13	0	8	0	9
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	2
0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	0	0	3	0	1	0	1	2	2	6
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	25	0	19	0	16	5	16	2	23	0	27	4	52	7	55
0	39	0	31	2	26	5	28	6	40	13	98	6	138	4	141
0	12	1	17	0	16	0	10	1	18	6	35	2	47	0	69
4	16	3	16	6	21	1	16	7	27	0	46	0	139	2	141
0	1	0	2	2	5	1	5	1	14	1	25	6	24	1	19
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2
4	456	11	390	5	433	16	670	24	722	19	917	14	1145	24	766
0	110	0	74	6	100	12	120	0	126	8	256	8	412	14	490
0	65	0	56	1	99	2	55	1	99	4	108	3	229	2	270
0	91	3	74	3	135	4	109	10	117	16	158	9	104	3	119
0	55	0	73	0	97	0	102	8	22	2	114	3	222	2	106
5	106	5	68	4	86	9	72	19	134	21	202	11	334	6	238
0	3	0	0	0	0	0	0	0	6	0	5	0	17	0	2
0	0	0	2	0	2	0	0	0	5	0	1	0	6	0	1
0	37	1	27	0	32	0	28	1	19	0	59	0	195	1	129
0	46	4	42	3	85	2	33	0	21	6	106	3	519	0	202
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	71	1	260	0	0
0	13	0	15	1	28	0	7	3	17	2	33	0	106	2	71
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0	7
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	5	0	14	0	21	3	13	0	15	0	28	1	44	2	32
0	2	0	0	0	1	0	15	0	5	0	11	0	11	0	9
0	5	0	1	0	15	0	1	0	1	0	11	0	18	0	14
0	6	0	3	0	11	0	9	0	36	0	38	0	67	0	64
0	2	0	5	0	2	0	11	0	16	1	35	0	28	0	14

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	11	0	34	0	53
82	D07	Dây cáp, dây chấu hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	2	0	3
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	0	5	0	1	0	5
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	0	1	0	4	0	5
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	0	15	5	10	4	33
87	E03	Cấp nước; thoát nước	2	6	0	3	1	2
88	E04	Công trình xây dựng	0	15	4	34	10	15
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	1	2	2	18	2	10
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	0	4	0	6	0	9
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	9	0	8	0	11
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	2	25	1	42	0	30
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	5	40	0	53	5	65
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	3	8	0	6	2	5
96	F04	Máy thủy lực dân nỡ thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	0	20	1	8	0	3
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	1	0	1
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	7	81	0	62	3	57
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	4	0	0	0	4
100	F21	Chiếu sáng	0	8	0	5	0	5
101	F22	Sinh hơi	0	7	0	0	0	3
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	0	10	2	3	4	7
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	1	10	0	9	2	6
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hóa lỏng hay hóa rắn các chất khí	0	4	1	5	0	3
105	F26	Sấy	0	0	0	0	0	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	0	0	12	0	9
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	4	0	8	0	5
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	1	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	1	41	0	27	0	41
112	G02	Quang học	0	15	0	7	0	9
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	17	0	13	0	12
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	1	0	0	0	1
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	0	0	5	4	0	2
116	G06	Tính toán; Đếm	1	24	0	23	0	28
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	2	0	1	0	2
118	G08	Phát tín hiệu	1	3	0	3	0	0
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	4	1	0	0	3
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	9	0	10	0	7
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	15	0	17	0	8

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	45	0	32	0	33	0	16	0	53	9	78	0	105	0	79
0	8	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2	0	5
0	10	4	23	0	14	1	13	0	29	0	40	0	37	0	14
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	11	2	5	2	10	2	16	0	19	3	8	0	14	2	17
1	32	8	33	6	32	22	31	25	43	9	28	11	61	5	85
2	4	4	2	1	10	5	5	6	8	9	24	1	25	5	35
9	36	5	49	4	41	4	59	33	73	11	66	7	87	8	108
3	19	4	15	4	9	1	12	5	16	5	28	0	34	1	42
0	12	0	4	0	7	0	13	1	19	0	34	4	37	1	53
0	30	0	10	0	10	0	22	3	36	2	28	0	30	1	28
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	52	1	31	3	34	2	57	1	54	0	58	0	97	9	54
4	73	2	66	6	65	2	75	5	94	3	109	1	138	1	82
1	24	3	6	2	20	2	17	12	4	25	18	2	21	11	26
0	7	1	16	1	20	1	15	3	33	3	12	0	37	2	80
2	6	0	0	2	3	0	4	1	2	1	5	0	17	0	8
0	96	13	74	11	106	7	146	11	124	8	136	10	255	6	201
0	5	0	5	0	5	0	7	0	12	0	5	1	4	0	4
0	3	0	6	2	11	1	7	5	34	0	18	4	73	0	26
0	4	0	2	0	10	0	14	0	8	0	11	0	19	0	24
1	22	0	22	0	28	5	25	2	47	5	27	3	58	5	54
0	8	1	14	3	11	4	13	5	55	1	22	2	45	4	94
0	3	0	12	0	7	0	4	0	16	0	30	1	60	1	85
0	0	0	0	2	7	5	17	0	8	0	2	1	11	3	16
0	9	0	22	0	8	1	22	0	12	0	17	0	40	1	57
0	4	0	10	0	5	0	8	0	15	0	13	0	24	1	72
0	0	0	2	0	0	0	3	0	1	0	0	0	2	2	2
0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	41	2	39	3	32	11	46	18	63	19	78	19	130	30	155
0	10	1	13	0	17	0	29	3	54	8	61	7	120	6	122
0	17	0	14	1	22	7	41	2	41	1	104	0	86	0	58
0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	3	0	0
0	8	0	6	0	3	0	6	2	3	1	12	0	22	3	20
1	43	2	66	3	61	3	107	6	113	9	166	14	249	5	205
0	5	0	14	0	15	0	13	1	28	1	29	0	35	0	50
0	2	0	7	0	7	0	3	3	18	2	16	1	30	2	28
0	0	0	3	2	5	0	15	2	20	1	25	1	38	5	51
0	7	0	24	0	8	1	22	1	36	7	37	1	163	2	157
0	20	0	18	0	38	0	17	0	27	0	21	0	10	0	11



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	1	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	2
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	1	51	4	77	3	44
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	0	26	0	28	0	27
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	6	0	5	0	10
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	3	129	0	201	0	249
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	2	5	1	12	0	13
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

Số lượng bằng giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2011 - 2021 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Utility solution patent granted by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2011 to 2021 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bắn; Đặt bẫy; đánh cá	10	3	5	3	15	0
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	1	0	1	0	0	0
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	0	0	0	0	0
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	2	0	4	0	4	1
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	0	0	0	0	0
6	A41	Quần áo	0	0	0	0	0	0
7	A42	Mũ nón	0	0	0	0	0	1
8	A43	Sản xuất giấy dếp	0	5	0	0	0	2
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	0	0	1	0	1
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	0	0	0	1	0
11	A46	Đồ dùng để chải	0	0	0	0	0	0
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	11	2	4	1	4	2
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	4	0	6	0	12	2
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	2	0	3	0	0	1
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	0	0	0	2	0	1
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	2	1	2	0	2	4
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	0	0	2	2	1	0
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	2	0	2	0	0	0
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	0	0	0
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	2	1	0	2	3
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	4	0	7	0	1	0	6	1	12	0	19	0	36
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	50	1	75	2	95	5	125	4	92	14	191	6	360	15	360
1	25	0	35	1	38	5	49	3	97	10	57	3	159	5	162
0	7	1	17	0	15	0	19	0	19	3	31	5	29	1	31
0	363	2	403	0	307	2	355	4	483	12	648	20	989	9	684
0	11	1	9	0	10	0	18	1	44	0	66	5	141	1	109
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
11	1	10	2	12	0	25	0	56	5	61	10	34	13	23	5
0	0	0	0	0	0	0	0	3	4	4	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	8	0	10	4	10	0	45	5	29	0	42	0	32	0
0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	3	0	0	0	0	0
3	0	3	0	0	0	0	1	2	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	0	1	0	12	0	27	1	13	0	13
0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	5	0	0
1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	10	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	1	10	0	11	2	5	2	12	1	5	12	1	5	5	7
11	0	18	2	10	8	16	2	56	4	33	17	55	5	45	9
0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	0	0	1	1	0	0
0	0	2	0	0	3	0	0	12	2	1	1	2	3	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	0	7	0	6	1	13	1	20	6	11	4	8	5	11	4
0	0	2	2	0	0	0	0	3	0	1	0	1	1	4	0
1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0	0
1	0	0	0	0	0	1	1	2	3	3	2	2	1	3	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	0	0	0	0	0	0
24	B08	Làm sạch	0	0	0	0	1	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	0	0	0	0	0	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	0	0	0	0	1
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	0	1	0	0	0
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	1	11	1	1	0
29	B24	Mài; đánh bóng	1	0	0	1	0	0
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	0	0	0	0	2
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	0	0	0	0	0
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	0	0	0	0	0	0
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	1	0	0	0	2	0
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	0	2	5	0	2
35	B30	Máy ép	0	0	0	0	0	0
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	0	0	0	0	0
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	0	0	0	0	5
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	6	0	0	0	5
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	0	0	0	0	0
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	0	0	0	0	0
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	0	0	0	0	2
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	0	1	1	1	0	0
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	4	0	0	0	0	0
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	0	1	2	0	2	0
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	0	0	2	0	1	0
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	0	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	2	0	1	5	5	1
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	3	0	0	0	0	2
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	0	0	0	0	0
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	0	0	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	0	0	0	0	0	0
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	2	0	0	0	3	0
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	0	0	0	0	0	0
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	1	0	0	0	1	0
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	5	0	1	0	0	0
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	1	0	1	0	5	0
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	0	0	5	0	1	0
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	0	1	0	0	4

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
2	0	0	0	1	0	2	0	1	0	2	0	0	0	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	5	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0	0	5	0	1	0	1	0	1	1
0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	5	1	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4	0	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	4
0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
0	1	0	4	1	0	0	0	0	0	2	0	4	5	0	2
0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	3	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	0	2	0	6	0	2	0	0	0	7	0
3	1	2	0	0	0	1	0	1	9	0	5	0	1	2	7
2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	2	0	0	1	2	1	1	2	0	6	2	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	3	1	0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0	1	0
0	2	2	0	2	1	4	3	1	2	4	2	4	14	2	5
0	0	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0
3	1	2	1	1	0	3	3	1	2	3	6	0	6	3	4
0	0	7	0	0	0	0	0	5	0	3	0	2	2	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	1	0
1	2	2	2	2	3	1	5	16	23	11	11	2	14	0	10
0	0	3	3	0	0	0	2	1	7	3	2	0	3	6	9
0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	1	0	1	0	2	0	0	0	1	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	0	3	0	3	0	5	1	9	0	6	0	5	0	3	0
3	0	5	0	8	0	3	0	28	3	13	4	16	0	13	1
0	0	0	1	5	0	0	0	3	0	5	0	0	0	2	0
5	0	1	0	7	0	11	1	8	0	16	0	13	0	13	0
3	0	0	0	9	0	6	0	24	0	10	0	6	0	3	0
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	0	3	0	16	0	16	0	29	2	22	3	8	0	16	0
3	0	4	0	7	0	2	5	4	0	7	0	5	0	7	4
0	0	1	0	2	0	1	1	1	0	0	0	5	0	13	2

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	0	0	6	0	0	0
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	2	0	0	0	2	0
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	3	0	8	0	12	0
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	2	0	0	0	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	0	0	0
69	C21	Luyện gang, thép	0	0	0	0	0	0
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	0	0	0	5	0
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	0	0	0	1	0
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	0	0	0	0	0
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	0	0	0
78	D03	Dệt	0	0	0	0	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất dệt ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	0	1	0	0	0
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cắm lông	0	0	0	7	0	0
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	0	0	0	0	0
82	D07	Dây cáp, dây chấu hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	0	0	0
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	0	0	0	1	1	0
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	0	0	0	0	3	3
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	2	5	1	0	1	0
87	E03	Cấp nước; thoát nước	1	0	0	0	0	2
88	E04	Công trình xây dựng	2	2	7	1	17	1
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	0	1	1	2	0
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	0	0	3	0	1	0
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	0	1	0	0	0
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	0	1	0	0	0
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	0	0	2	0	0	0
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	0	3	1	0	1	0
96	F04	Máy thủy lực dân nổ thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	0	1	2	0	2	1
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	0	1	2	7	0	3
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	0	2	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
3	0	14	0	3	0	3	0	11	0	7	0	2	0	1	0
0	0	1	0	5	0	0	0	5	0	3	6	8	0	1	0
5	0	2	0	18	0	2	0	35	3	48	0	46	0	35	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	2	0	0	0	0	0	7	0	7	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0	0	0
0	0	6	0	0	0	2	0	1	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	0	3	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	4	0	0
0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	3	0	2
0	0	0	0	4	0	0	1	0	6	7	1	0	1	0	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	2	1	1	0	0	0	8	0	2	0	3	0	1	2
0	0	2	2	8	3	5	0	31	3	23	0	18	1	16	0
6	0	2	0	4	0	1	0	16	0	7	0	5	1	3	0
1	0	8	1	3	0	12	1	27	0	9	2	17	5	12	0
0	3	0	0	1	6	0	0	1	0	2	7	1	0	0	5
3	2	1	0	5	0	11	7	13	0	3	1	0	1	0	2
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	2	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	1	1	1	5	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	6	2	5	2	0	0	1	0	4	0
0	1	1	0	1	0	2	1	5	0	1	0	0	0	2	0
0	2	1	2	1	1	0	0	3	2	4	7	0	0	5	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0
0	0	0	0	11	0	4	1	5	1	3	3	0	15	5	3
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	3	0	0



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2011		2012		2013	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
100	F21	Chiếu sáng	0	0	0	1	0	0
101	F22	Sinh hơi	0	0	1	0	0	0
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	2	0	3	0	1	0
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	2	1	3	0	3	2
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hoá lỏng hay hoá rắn các chất khí	2	1	0	0	0	2
105	F26	Sấy	0	0	0	0	5	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	0	0	0	0	0
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	0	0	0	0	2
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	1	1	0	1	2	0
112	G02	Quang học	0	0	0	0	0	0
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	1	0	0	0	0
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	0	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	1	0	0	0	0	0
116	G06	Tính toán; Đếm	0	0	0	1	1	0
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	0	0	0	0	0
118	G08	Phát tín hiệu	0	1	0	0	0	0
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	0	0	0	3	0
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	0	0	0	0	0
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	0	0	0	0	0
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	1	2	0	3	0	0
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	3	0	0	7	0	1
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	0	1	0	0	0
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	0	0	0	0	0	0
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	1	0	0	0	0
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	1	0	0	3	0	2	1	4	1	8	0	2	0	4	0
0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
2	0	3	2	0	1	2	0	10	0	6	0	2	0	13	1
1	0	1	0	1	0	3	4	7	0	8	2	1	2	3	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	3	1
4	0	1	0	1	0	10	0	4	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	4	0	0	0	0	0
0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	0	1	6	1	4	0	13	0	30	0	15	2	21	1
0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	6	0	4	2	1	0
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0	2	2	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	4	0
0	1	3	3	1	4	9	1	5	2	16	0	11	6	3	0
0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	1	3	0	6	0	1	0	2	0	3	1	2	0
3	0	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	2	2	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	2	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	1	2	5	4	2	2	4	1	4	8	3	8	3	4	4
0	0	0	1	2	0	5	3	7	2	8	4	4	4	15	3
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	0	0	0	1	0
0	0	1	0	1	0	1	0	3	2	14	0	9	2	5	2
0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	5	1	4	0	4	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

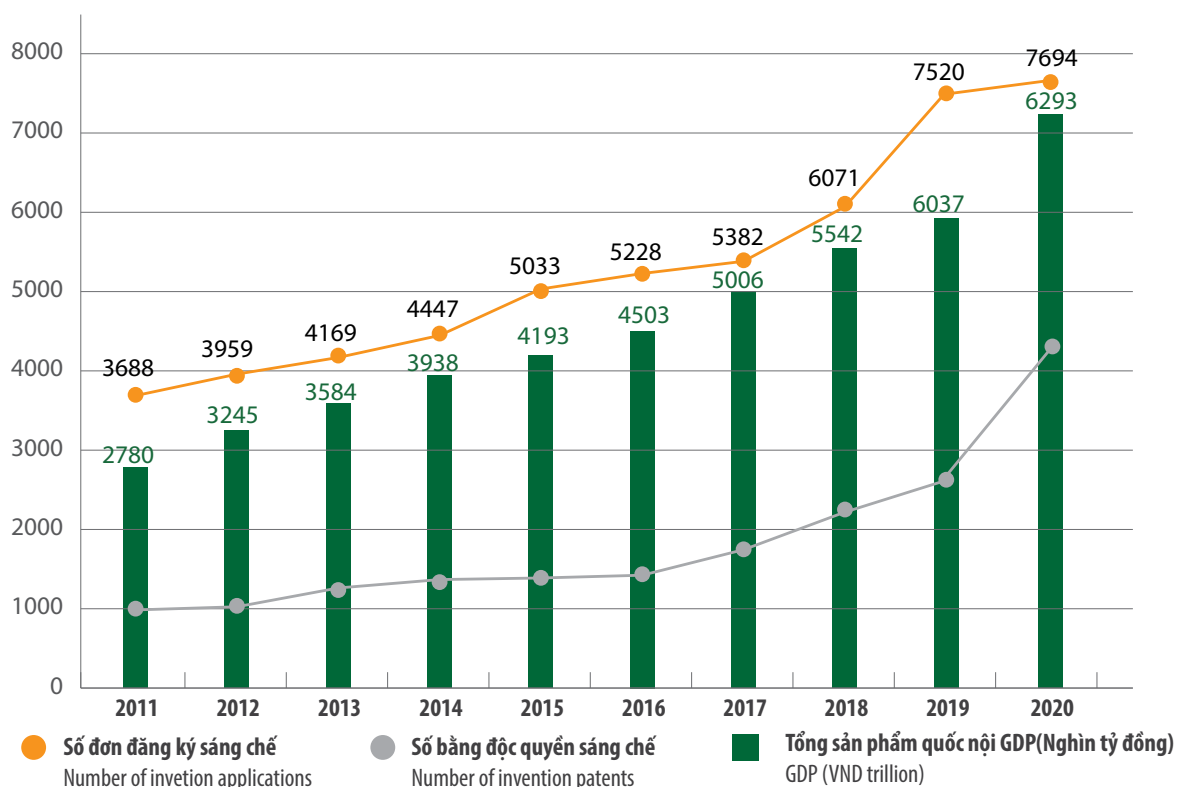


Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2010 – 2021/
The correlation between GDP and invention applications/patents during 2010–2021

Năm / Year	Số đơn đăng ký sáng chế Number of invention applications	Số Bằng độc quyền sáng chế Number of invention patents	Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Ngàn tỷ đồng) GDP (VND trillion)
2010	3582	822	2158
2011	3688	985	2780
2012	3959	1025	3245
2013	4169	1262	3584
2014	4447	1368	3938
2015	5033	1388	4193
2016	5228	1423	4503
2017	5382	1745	5006
2018	6071	2219	5542
2019	7520	2620	6037
2020	7694	4319	6293
2021	8535	3691	Chưa có số liệu

(Nguồn GDP: Trích từ số liệu đăng trên trang web của Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn>)

(Source: statistics on the General Statistics Office's website - <http://www.gso.gov.vn>)



Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2011 – 2021
The correlation between GDP and invention applications/patents during 2011 – 2021

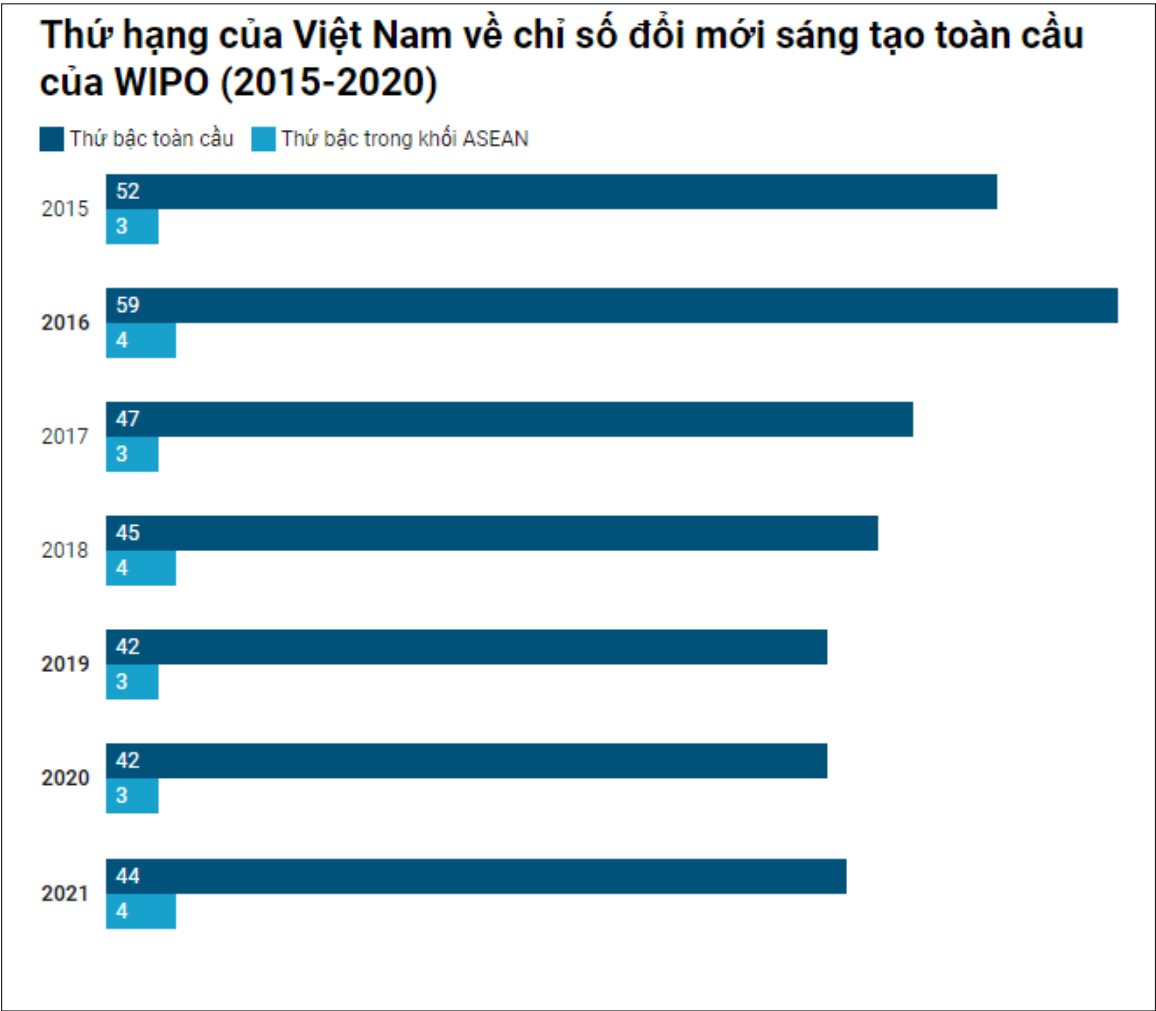
Thứ hạng của Việt Nam trong Báo cáo về Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu của WIPO trong những năm gần đây so với các quốc gia ASEAN

STT	Quốc gia ASEAN	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	VIETNAM	52	59	47	45	42	42	44
2	SINGAPORE	7	6	7	5	8	8	8
3	MALAYSIA	32	35	37	35	35	33	36
4	THAILAND	55	52	51	44	43	44	43
5	PHILIPPINES	83	74	73	73	54	50	51
6	INDONESIA	97	88	87	85	85	85	87
7	BRUNEI DARUSSALAM	N/A	N/A	71	67	71	71	82
8	CAMBODIA	91	95	101	98	98	110	109
9	MYANMAR	138	N/A	N/A	N/A	N/A	129	127
10	LAO PDR	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	113	117
11	PAPUA NEW GUINEA	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
12	TIMOR-LESTE	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
	Thứ bậc của Việt Nam trong ASEAN	3	4	3	4	3	3	4

Ghi chú:

* N/A: không có dữ liệu

Nguồn: Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (WIPO) 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

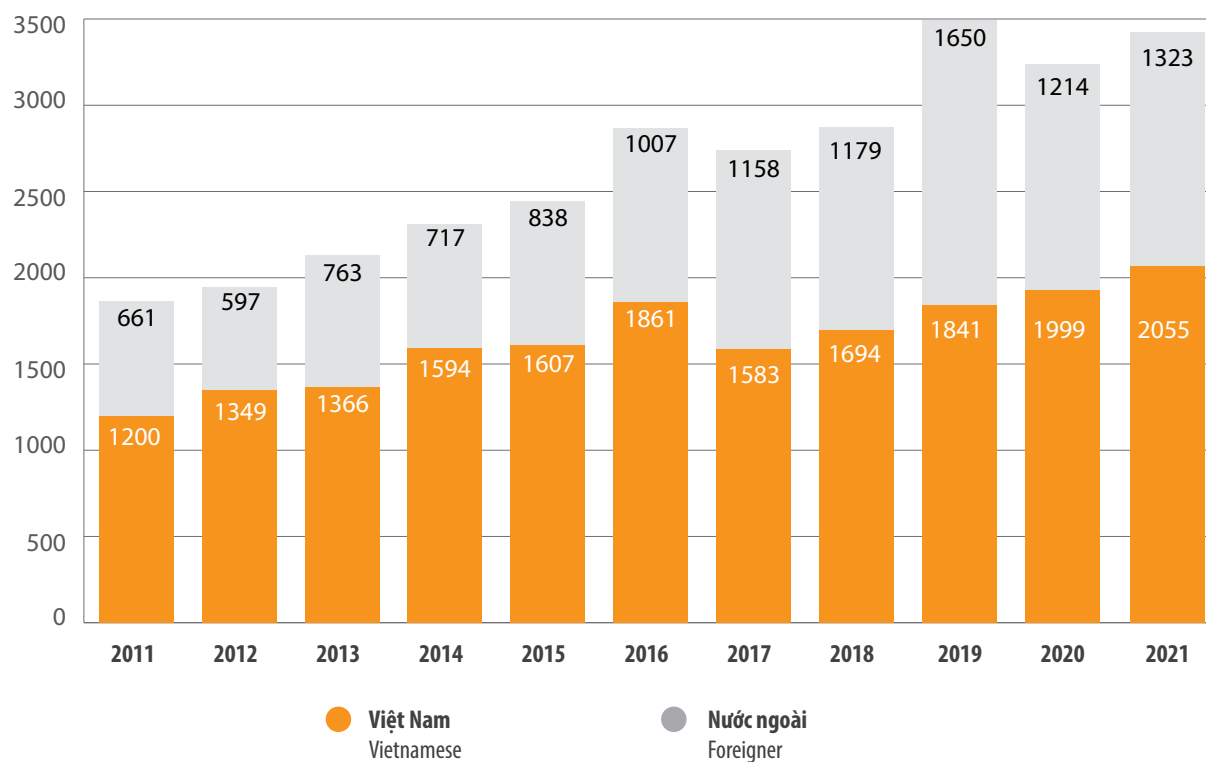


3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP/ INDUSTRIAL DESIGN

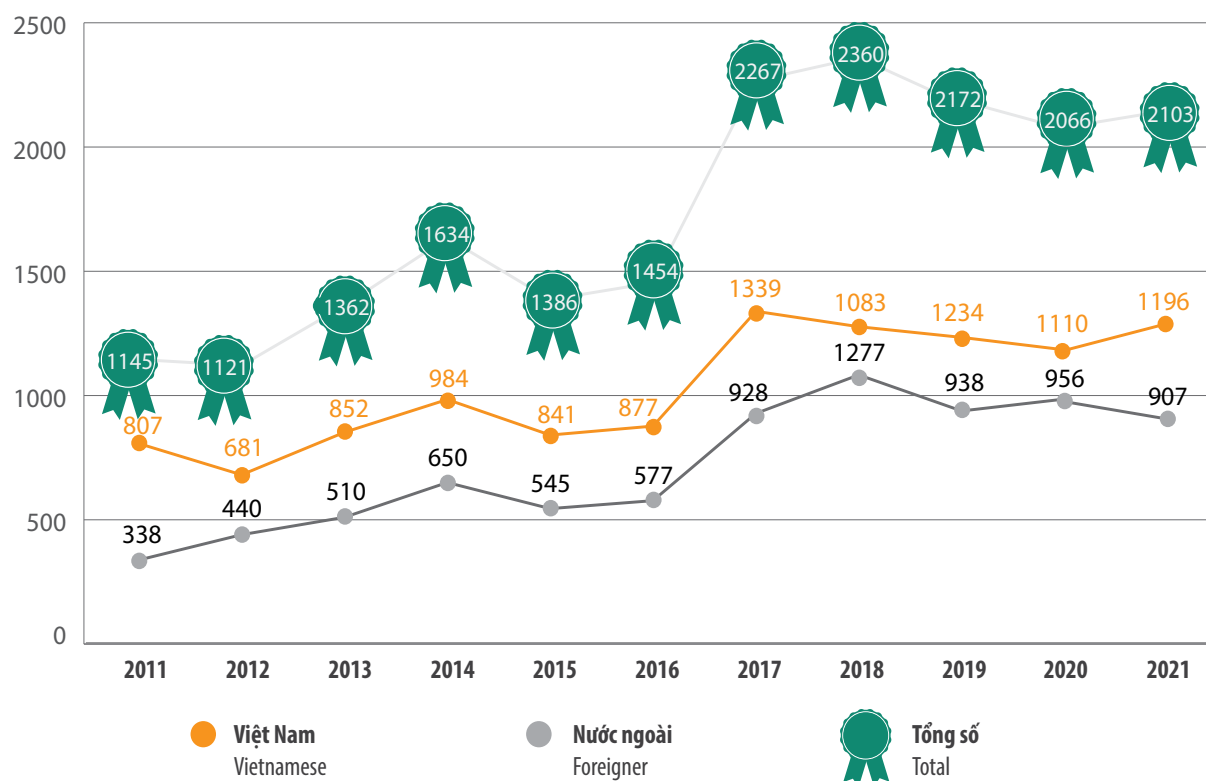
- Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp và bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ 1988 đến 2021

Industrial design applications filed and Industrial design patents granted from 1988 to 2021

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp Filed industrial design applications			Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp Granted industrial design patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1988 - 1989	58	8	66	14	0	14
1990	194	6	200	91	9	100
1991	420	2	422	219	5	224
1992	674	14	688	433	6	439
1993	896	50	946	528	21	549
1994	643	73	716	524	27	551
1995	1023	108	1131	626	85	711
1996	1516	131	1647	798	68	866
1997	999	157	1156	261	62	323
1998	931	126	1057	728	94	822
1999	899	137	1036	841	94	935
2000	1084	119	1203	526	119	645
2001	810	242	1052	333	43	376
2002	595	235	830	368	9	377
2003	447	233	680	359	109	468
2004	686	286	972	412	235	647
2005	889	446	1335	508	218	726
2006	1105	490	1595	678	497	1175
2007	1338	567	1905	896	474	1370
2008	1088	648	1736	908	429	1337
2009	1430	469	1899	747	489	1236
2010	1207	523	1730	832	320	1152
2011	1200	661	1861	807	338	1145
2012	1349	597	1946	681	440	1121
2013	1366	763	2129	852	510	1362
2014	1594	717	2311	984	650	1634
2015	1607	838	2445	841	545	1386
2016	1861	1007	2868	877	577	1454
2017	1583	1158	2741	1339	928	2267
2018	1694	1179	2873	1277	1083	2360
2019	1841	1650	3491	1234	938	2172
2020	1999	1214	3213	1110	956	2066
2021	2055	1323	3378	1196	907	2103
Tổng số Total	37081	16181	53258	22828	11285	34113



Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Industrial design applications filed from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner



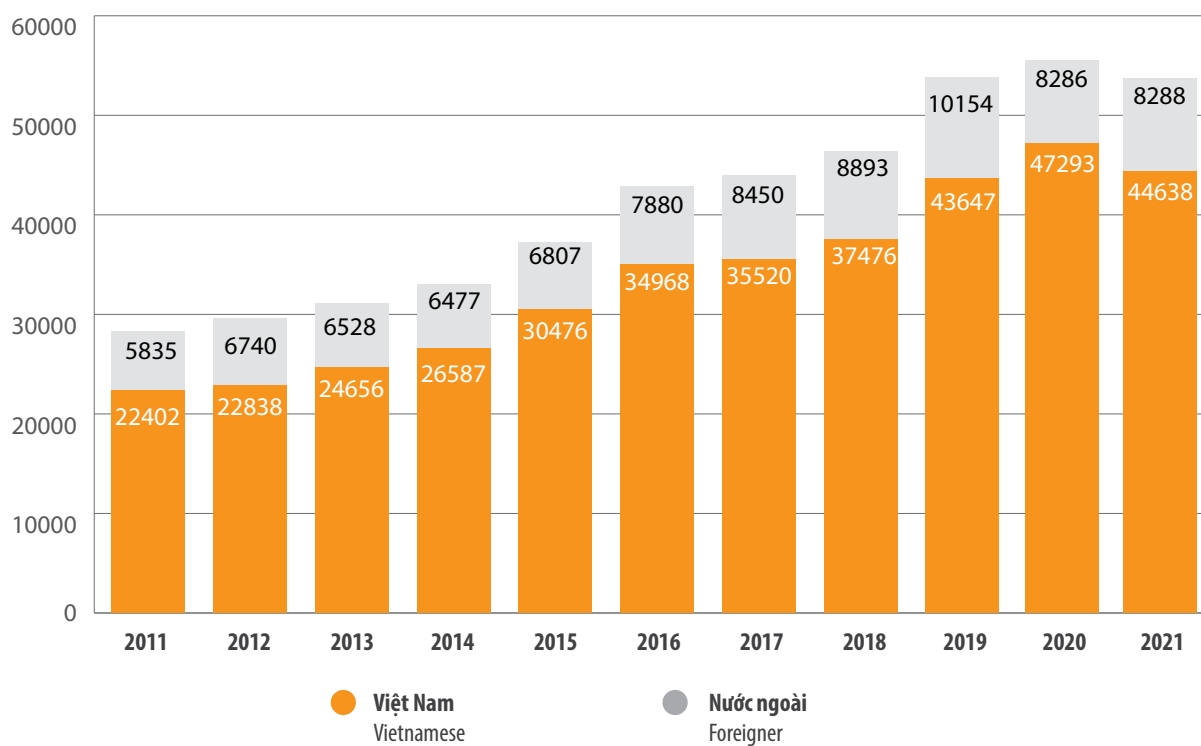
Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Industrial design patents granted from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner

4. NHÃN HIỆU / TRADEMARK

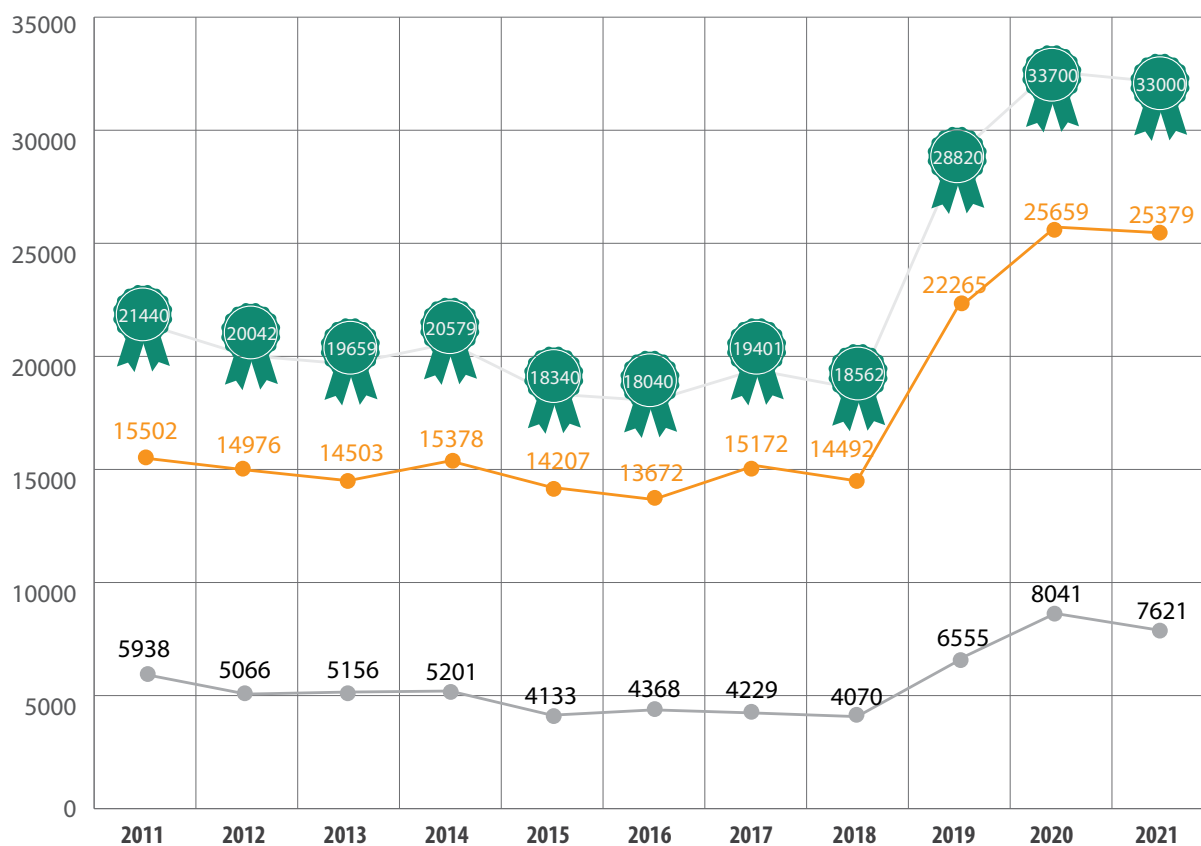
- Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ 1982 đến 2021
National trademark applications filed and Trademark certificates granted from 1982 to 2021

Năm / Year	Số đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp Filed national trademark application			Số giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp Granted trademark certificates		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1982-1989	716	1005	1721	380	1170	1550
1990	890	592	1482	423	265	688
1991	1747	613	2360	1525	388	1913
1992	1595	3022	4617	1487	1821	3308
1993	2270	3866	6136	1395	2137	3532
1994	1419	2712	4131	1744	2342	4086
1995	2217	3416	5633	1627	2965	4592
1996	2323	3118	5441	1383	2548	3931
1997	1645	3165	4810	980	1506	2486
1998	1614	2028	3642	1095	2016	3111
1999	2380	1786	4166	1299	2499	3798
2000	3483	2399	5882	1423	1453	2876
2001	3095	3250	6345	2085	1554	3639
2002	6560	2258	8818	3386	1814	5200
2003	8599	3536	12135	4907	2243	7150
2004	10641	4275	14916	5444	2156	7600
2005	12884	5134	18018	6427	3333	9760
2006	16071	6987	23058	6335	2505	8840
2007	19653	7457	27110	10660	5200	15860
2008	20831	6882	27713	15826	7464	23290
2009	22378	6299	28677	16231	6499	22730
2010	21204	6719	27923	12313	4207	16520
2011	22402	5835	28237	15502	5938	21440
2012	22838	6740	29578	14976	5066	20042
2013	24656	6528	31184	14503	5156	19659
2014	26587	6477	33064	15378	5201	20579
2015	30476	6807	37283	14207	4133	18340
2016	34968	7880	42848	13672	4368	18040
2017	35520	8450	43970	15172	4229	19401
2018	37476	8893	46369	14492	4070	18562
2019	43647	10154	53801	22265	6555	28820
2020	47293	8286	55579	25659	8041	33700
2021	44638	8288	52926	25379	7621	33000
Tổng cộng/Total	534716	164857	699573	289580	118463	408043





Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
National trademark applications filed from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner



Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ năm 2011 đến 2021 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Trademark certificates granted from 2011 to 2021 by the Vietnamese and the Foreigner



- **Đơn đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ (bao gồm đơn nộp trực tiếp cho Cục SHTT và đơn nộp thông qua Văn phòng quốc tế của WIPO), từ năm 2011 đến 2021 / Trademark applications by country of origin (including applications directly filed with IP Viet Nam and through WIPO International Bureau) from 2011 to 2021**

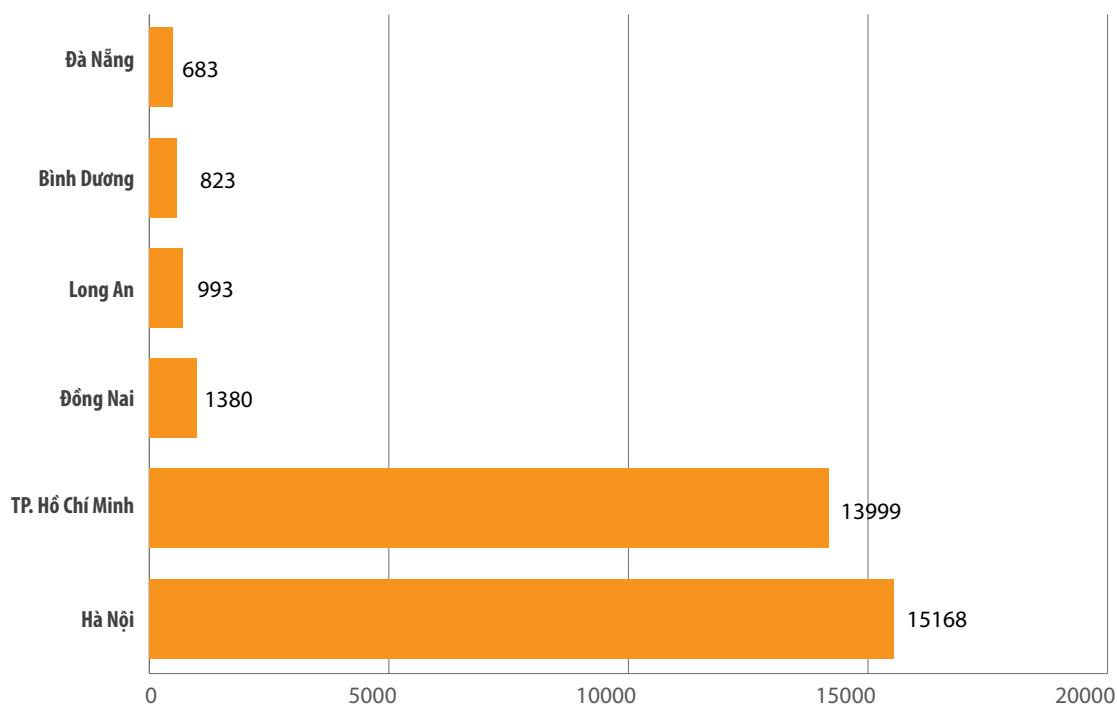
Nước/ Vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	2011		2012		2013		2014		2015	
	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
Áo(AT) Austria	0	58	4	35	0	23	1	31	5	28
Ôxtrâyli(AU) Australia	71	95	63	65	100	134	76	88	86	219
Canada (CA) Canada	108	3	47	0	52	0	90	0	74	0
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	105	408	119	296	107	393	114	267	86	374
Trung Quốc (CN) China	312	637	408	442	486	693	464	440	599	569
CH Séc (CZ) Czech Republic	4	37	1	10	6	19	1	14	3	21
CHLB Đức (DE) Germany	53	700	79	301	89	347	72	398	65	417
Đan Mạch (DK) Denmark	6	53	8	38	6	45	13	34	6	56
Tây Ban Nha (ES) Spain	24	104	29	65	17	28	27	37	26	78
Pháp (FR) France	79	554	129	397	146	388	131	365	152	464
Anh (GB) Great Britain	136	208	163	120	164	144	154	127	133	231
Ấn Độ (IN) India	362	0	453	0	252	5	310	29	284	19
Italia (IT) Italy	41	337	37	194	42	189	47	180	30	232
Nhật Bản (JP) Japan	720	381	937	363	955	466	910	385	742	581
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	517	124	537	112	640	90	694	91	854	245
Malaysia (MY)	180	3	223	0	213	0	188	0	158	0
Hà Lan (NL) Netherlands	97	120	94	0	112	0	119	0	149	0
Thụy Điển (SE) Sweden	8	43	17	18	17	12	33	20	21	15
Singapo (SG) Singapore	268	127	327	60	283	60	249	57	295	158
LB Nga (RU) Russian Federation	7	109	8	98	12	120	12	90	15	128
Thái Lan (TH) Thailand	218	1	286	0	392	0	519	0	431	0
Mỹ (US) The United States of America	1386	585	1692	490	1222	695	1175	538	1258	942
Việt Nam (VN) Vietnam	22402	0	22838	0	24656	0	26587	0	30476	0
Các nước khác Other countries/territories	1133	570	1079	942	1215	910	1078	1023	1322	1596

2016		2017		2018		2019		2020		2021	
Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
10	42	0	24	0	30	3	25	5	43	2	21
89	210	97	144	99	271	106	185	57	302	124	274
70	0	77	0	57	0	85	8	58	52	67	49
126	312	111	237	94	332	78	271	92	323	89	295
937	882	1107	817	1576	1719	2341	1520	1964	2385	1933	1276
1	45	5	6	4	29	15	12	1	23	3	8
61	453	133	331	82	459	49	281	55	353	75	213
6	48	11	16	11	42	17	35	6	53	22	44
46	79	16	79	17	75	41	41	33	53	44	38
82	473	94	391	79	611	48	299	70	347	75	294
187	134	165	133	149	173	115	136	118	199	183	179
225	16	116	0	180	37	139	37	146	56	202	24
67	230	42	153	55	296	61	173	49	209	47	166
911	581	1266	514	1023	954	1061	652	738	949	674	564
1028	294	1161	262	1546	511	1913	386	1349	689	1219	591
296	0	231	0	228	0	254	0	150	31	224	27
78	0	66	0	56	0	47	0	64	0	26	0
14	8	19	9	16	18	15	11	7	7	15	17
411	159	9	149	368	242	460	233	365	257	501	250
13	91	459	172	39	206	38	133	23	164	27	102
462	0	400	0	375	42	433	42	328	66	304	35
1201	862	1321	688	1248	971	1251	770	1285	1095	1257	881
34968	0	35520	0	37476	0	43647	0	47293	0	44638	0
1559	1385	1544	0	1591	1764	1642	1062	1323	1685	1175	1086

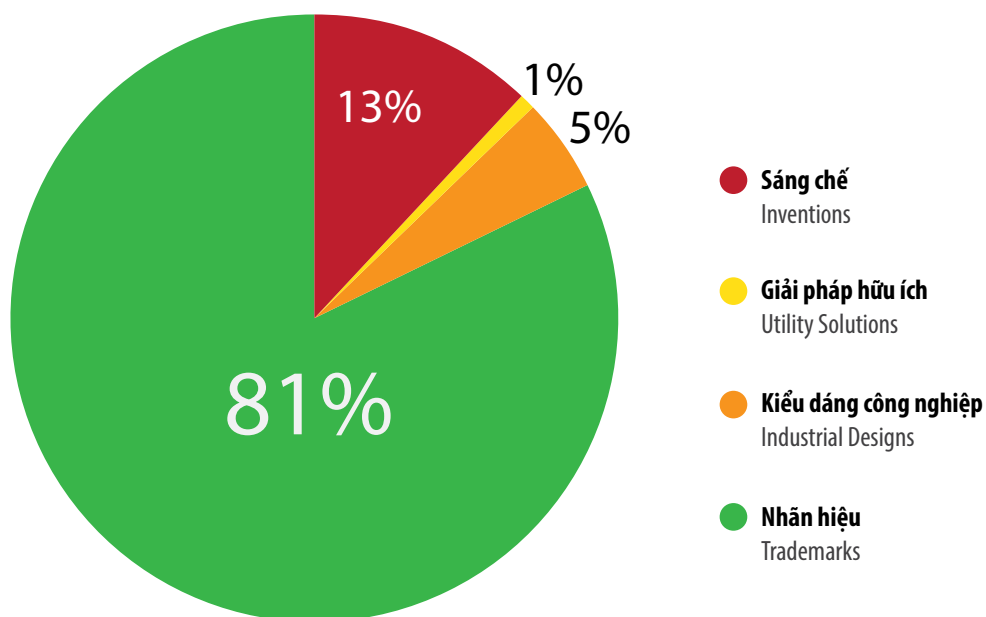


• **Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp trực tiếp cho Cục SHTT theo nhóm hàng hoá/dịch vụ từ 2011 đến 2021 /**
Trademark applications directly filed with IP Viet Nam by class of goods/services from 2011 to 2021

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
01	907	1058	955	1178	1276	1436	1472	1384	1561	1676	1567
02	521	507	604	697	625	1213	1209	1126	1237	1268	1172
03	1654	1988	2145	2436	2916	3236	3910	4245	4575	4635	5246
04	276	244	293	307	357	568	429	427	478	514	524
05	6934	7177	6944	7333	6317	7337	6523	6796	7568	9346	9564
06	787	883	810	856	946	1157	1086	1141	1397	1177	1210
07	886	927	965	953	1102	1288	1324	1332	1525	1402	1400
08	201	236	275	281	307	368	373	455	452	482	458
09	1857	1839	1956	2054	2274	2525	2771	3280	4130	4054	4134
10	315	363	435	430	426	660	608	681	897	1977	1573
11	1162	1096	1280	1284	1601	2246	2017	2097	2357	2400	2157
12	529	647	706	712	805	850	947	878	942	897	978
13	24	34	14	21	27	37	25	34	33	31	42
14	293	359	345	537	444	467	489	590	602	543	571
15	24	53	32	41	38	57	61	71	69	73	69
16	860	871	930	977	963	1101	991	1089	1260	1355	1300
17	250	268	301	290	348	405	370	384	419	440	457
18	528	537	591	552	748	800	818	962	1161	1036	1040
19	868	791	681	753	899	1241	1358	1315	1488	1253	1218
20	658	699	645	643	757	884	840	917	1164	1214	1080
21	462	578	619	563	689	758	817	836	981	1081	1120
22	141	87	88	116	108	136	119	152	162	159	119
23	64	71	61	65	71	122	77	108	89	71	69
24	353	417	340	381	420	483	383	484	540	562	506
25	1575	1800	1955	2020	2430	2713	2519	2714	3329	3658	3558
26	106	124	130	91	139	163	156	153	154	159	170
27	76	83	77	85	85	135	165	152	173	166	177
28	357	437	394	489	450	583	586	664	756	819	944
29	1156	1419	1648	1688	2132	2356	2444	2795	3399	3540	3799
30	1973	2337	2760	2759	3262	3743	3725	4056	4769	4686	4734
31	645	648	837	895	1005	1298	1202	1472	1612	1944	1701
32	834	849	984	969	1091	1417	1495	1546	1950	1934	2066
33	424	569	625	477	602	545	563	683	744	558	727
34	154	185	205	312	398	442	642	581	839	832	668
35	5530	5377	5698	6225	8271	9736	10114	11386	13313	13656	13625
36	1428	956	894	791	1084	1494	1777	2231	2801	2436	2709
37	1544	1211	979	921	1181	1423	1582	1630	2243	2092	1909
38	437	470	323	310	395	447	521	603	634	657	722
39	1271	1146	921	1054	1172	1545	1462	1579	2062	1582	1523
40	532	628	484	504	477	689	657	616	704	740	781
41	1600	1580	1651	1655	1892	2468	2838	3016	3815	3370	4045
42	1216	1211	973	973	1182	1505	1673	1981	2678	2562	2801
43	1662	1768	1925	2217	2623	3469	3889	4290	5220	4501	3724
44	690	714	797	806	979	1397	1640	1964	2382	2087	2015
45	306	352	321	317	382	494	485	619	677	694	761



Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nộp nhiều nhất năm 2020
Five top trademark applications by Vietnam's provinces/cities in 2020



Tỷ lệ các loại đơn đăng ký SHCN nộp trực tiếp năm 2020
Direct applications broken down by subject matters in 2020



5. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ / GEOGRAPHICAL INDICATION

• Đơn đăng ký và giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý nộp vào Cục SHTT từ 2001 đến 2021

Geographical indication applications filed with IP Viet Nam and certificates granted from 2001 to 2021

Năm Year	Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã nộp Numbers of received applications for geographical indication			Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý đã cấp Granted geographical indication registration certificates		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
2001	2	1	3	2	0	2
2002	2	0	2	0	1	1
2003	12	0	12	0	0	0
2004	3	0	3	0	0	0
2005	2	0	2	1	0	1
2006	4	1	5	2	0	2
2007	3	1	4	6	1	7
2008	7	1	8	2	0	2
2009	6	0	6	2	0	2
2010	7	0	7	6	1	7
2011	4	1	5	5	0	5
2012	7	0	7	5	0	5
2013	3	1	4	6	0	6
2014	2	0	2	5	1	6
2015	4	3	7	1	0	1
2016	9	0	9	5	2	7
2017	7	2	9	6	0	6
2018	5	1	6	9	0	9
2019	11	3	14	10	0	10
2020	22	0	22	21	1	22
2021	11	0	11	12	2	14
Tổng số/Total	133	15	148	106	9	115

6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP / TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

- Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo chủ thể

Licensing contracts by holders

Năm/Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts				Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered licensing contracts			
	Các bên ký kết / Contracting party				Các bên ký kết / Contracting party			
	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số / Total	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số / Total
2011	84 (102)	56 (205)	30 (193)	170 (500)	64 (73)	54 (281)	25 (156)	143 (510)
2012	136 (309)	60 (320)	16 (148)	212 (777)	89 (198)	45 (169)	8 (208)	142 (575)
2013	90 (146)	93 (369)	21 (122)	204 (637)	109 (152)	46 (144)	9 (45)	164 (341)
2014	110 (257)	73 (455)	24 (104)	206 (816)	90 (188)	104 (461)	22 (166)	216 (815)
2015	135 (315)	92 (714)	28 (400)	255 (1429)	95 (251)	85 (612)	23 (106)	203 (969)
2016	112 (200)	89 (361)	14 (84)	215 (645)	118 (240)	89 (455)	18 (362)	225 (1057)
2017	150 (292)	75 (283)	14 (35)	239 (610)	107 (191)	61 (337)	10 (59)	178 (587)
2018	157 (221)	53 (162)	11 (30)	221 (413)	150 (287)	75 (226)	14 (17)	239 (530)
2019	122 (204)	50 (134)	26 (79)	198 (417)	177 (261)	41 (98)	10 (31)	228 (390)
2020	88 (122)	38 (246)	11 (69)	137 (437)	74 (140)	49 (150)	25 (91)	148 (381)
2021	53 (106)	29 (81)	8 (22)	90 (209)	84 (171)	29 (178)	9 (53)	127 (402)

VN-VN : Chuyển giao giữa người Việt Nam-người Việt Nam
Licensing contract between the Vietnamese and the Vietnamese

VN-NN : Chuyển giao giữa người Việt Nam-người nước ngoài
Licensing contract between the Vietnamese and the foreigner

NN-NN : Chuyển giao giữa người nước ngoài-người nước ngoài
Licensing contract between the foreigner and the foreigner

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)



- **Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng / Licensing contracts by subject matters**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts by subject matters				Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng đã được đăng ký Number of registered licensing contracts by subject matters			
	Các đối tượng / subject matters				Các đối tượng / subject matters			
	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total
2011	5 (5)	0	165 (495)	170 (500)	4 (4)	1 (2)	138 (504)	143 (510)
2012	1 (1)	1 (1)	210 (775)	212 (777)	1 (1)	1 (1)	139 (573)	142 (575)
2013	8 (28)	1 (1)	195 (608)	204 (637)	4 (4)	1 (1)	159 (336)	164 (341)
2014	2 (4)	3 (4)	201 (808)	206 (816)	5 (18)	1 (1)	210 (796)	216 (815)
2015	1 (1)	5 (14)	249 (1414)	255 (1429)	3 (8)	6 (27)	194 (934)	203 (969)
2016	10 (13)	16 (16)	189 (616)	215 (645)	6 (6)	18 (18)	201 (1033)	225 (1057)
2017	3 (3)	2 (2)	234 (605)	239 (610)	3 (6)	0	175 (581)	178 (587)
2018	3 (3)	2 (11)	216 (399)	221 (413)	5 (5)	3 (3)	231 (522)	239 (530)
2019	7 (11)	4 (15)	187 (391)	198 (417)	3 (4)	1 (2)	224 (384)	228 (390)
2020	8 (16)	1 (1)	128 (420)	137 (437)	8 (13)	3 (13)	137 (355)	148 (381)
2021	5 (6)	3 (4)	82 (199)	90 (209)	8 (14)	2 (2)	117 (386)	127 (402)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in bracket are the numbers of licensed subject matters)

• **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo chủ thể / Assignment contracts by holders**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total
2011	456 (958)	29 (141)	225 (848)	710 (1947)	325 (693)	37 (153)	179 (820)	541 (1666)
2012	477 (1156)	57 (288)	258 (899)	792 (2343)	357 (700)	31 (87)	206 (908)	594 (1695)
2013	513 (1214)	57 (169)	294 (690)	864 (2073)	423 (912)	60 (189)	220 (558)	703 (1659)
2014	540 (1123)	48 (172)	348 (806)	935 (2101)	456 (1116)	53 (303)	334 (802)	843 (2221)
2015	648 (1723)	51 (110)	352 (903)	1051 (2736)	492 (1413)	49 (174)	307 (827)	848 (2414)
2016	720 (1712)	43 (88)	359 (1087)	1122 (2887)	614 (1192)	46 (86)	334 (885)	994 (2163)
2017	761 (1540)	58 (129)	361 (914)	1180 (2583)	630 (1663)	46 (97)	339 (961)	1015 (2721)
2018	781 (1604)	69 (529)	398 (1231)	1248 (3364)	633 (1156)	50 (136)	267 (614)	950 (1906)
2019	901 (1908)	47 (104)	394 (958)	1342 (2970)	746 (1426)	54 (107)	376 (959)	1176 (2492)
2020	844 (1587)	59 (101)	337 (806)	1240 (2494)	725 (1492)	54 (467)	264 (705)	1043 (2664)
2021	854 (2017)	56 (122)	474 (2412)	1384 (4551)	878 (1786)	59 (94)	372 (820)	1309 (2700)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)



- **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo đối tượng / Assignment contracts by subject matters**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total
2011	29 (52)	25 (78)	656 (1817)	710 (1947)	18 (23)	21 (56)	502 (1587)	541 (1666)
2012	43 (81)	15 (53)	734 (2209)	792 (2343)	28 (51)	16 (35)	550 (1609)	594 (1695)
2013	58 (85)	22 (45)	784 (1943)	864 (2073)	42 (77)	22 (82)	639 (1500)	703 (1659)
2014	59 (94)	17 (42)	859 (1965)	935 (2101)	67 (102)	10 (26)	766 (2093)	843 (2221)
2015	55 (123)	24 (48)	972 (2565)	1051 (2736)	45 (97)	22 (47)	781 (2270)	848 (2414)
2016	74 (216)	39 (64)	1009 (2607)	1122 (2887)	53 (95)	18 (40)	923 (2028)	994 (2163)
2017	63 (119)	32 (73)	1085 (2391)	1180 (2583)	71 (224)	41 (86)	903 (2411)	1015 (2721)
2018	74 (177)	46 (112)	1128 (3075)	1248 (3364)	47 (77)	27 (45)	876 (1784)	950 (1906)
2019	99 (222)	42 (113)	1201 (2635)	1342 (2970)	103 (214)	49 (112)	1024 (2635)	1176 (2492)
2020	60 (80)	19 (35)	1161 (2379)	1240 (2494)	48 (112)	32 (138)	963 (2414)	1043 (2664)
2021	109 (171)	48 (158)	1227 (4222)	1384 (4551)	71 (98)	30 (86)	1208 (2506)	1309 (2700)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)

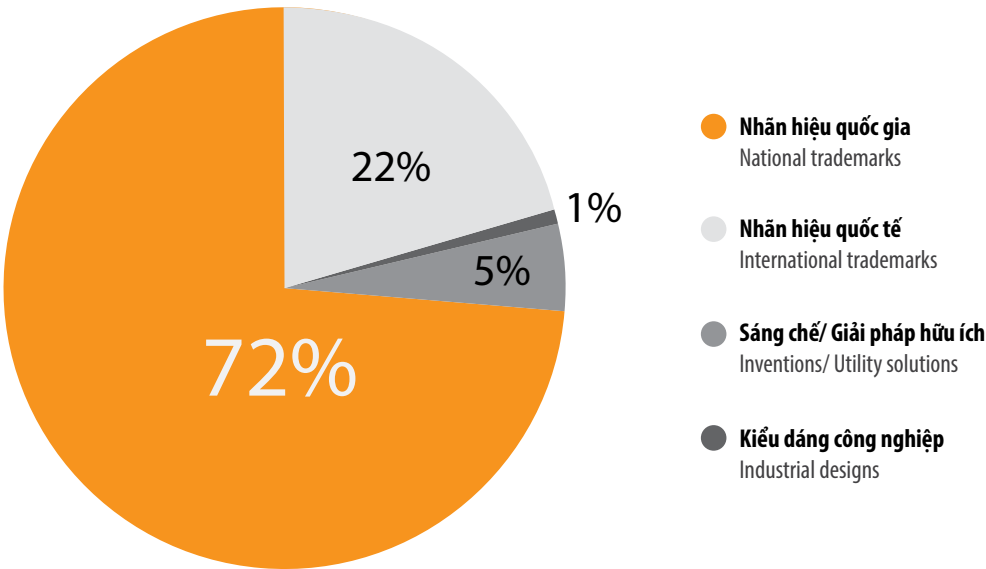
7. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP / SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS

• Đơn khiếu nại liên quan đến quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ (*)

Appeals request against decisions on refusal of protection of IP applications

IP Subject matter	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
SC & GPHI Invention and Utility Solution	22	43	36	47	48	34	32	48	48	26	35
KDCN Industrial Design	11	22	17	23	19	29	19	42	05	31	36
NH Trademark	1172	1288	1311	1292	1261	1060	1267	673	792	1287	1053**
Tổng số / Total	1205	1353	1364	1362	1328	1123	1318	763	845	1344	1124

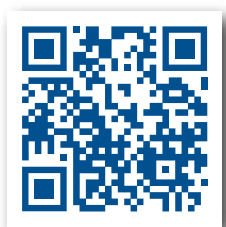
(*) Chỉ tính số liệu đơn khiếu nại nộp tại Cục SHTT
The number of requests filed with IP Viet Nam only



Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại năm 2021
Appeal requests settled in 2021 by subject matters



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ
2021
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES
ANNUAL REPORT



<http://www.ipvietnam.gov.vn/>

